

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

TẠ QUỐC TỊCH

**XÂY DỰNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA
Ở HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN - 2010

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

TẠ QUỐC TỊCH

**XÂY DỰNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA
Ở HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ**

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục

Mã số: 60.14. 05

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS, TS HÀ THẾ TRUYỀN

THÁI NGUYÊN - 2010

LỜI CẢM ƠN

Chúng em xin được bày tỏ lòng biết ơn tới các thầy, cô giáo Trường đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Trường đại học sư phạm Hà Nội, Học viện Quản lý giáo dục, cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trực tiếp giảng dạy, hướng dẫn Lớp cao học Quản lý giáo dục K.16 tại Trường đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Chúng em xin cảm ơn các thầy, cô giáo Trường đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã tổ chức, quản lý và đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho khoá học đạt được kết quả tốt đẹp.

Đặc biệt em xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới thầy giáo, PGS.TS.Hà Thế Truyền đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ để em có thể thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu lý luận và thực tiễn, hoàn thành bản luận văn tốt nghiệp theo đúng kế hoạch.

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 8 năm 2010

Học viên

Tạ Quốc Tịch

CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

- CBQL : Cán bộ quản lý
- GD&ĐT : Giáo dục và đào tạo
- GV : Giáo viên
- HĐND : Hội đồng nhân dân
- HS : Học sinh
- QLGD : Quản lý giáo dục
- THCS : Trung học cơ sở
- THPT : Trung học phổ thông
- UBND : Ủy ban nhân dân

MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.	1
2. Mục đích nghiên cứu.	3
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu.	3
4. Giả thuyết khoa học.	3
5. Phạm vi nghiên cứu.	4
6. Nhiệm vụ nghiên cứu.	4
7. Phương pháp nghiên cứu.	4
8. Đóng góp của luận văn.	5
9. Cấu trúc của luận văn.	5

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1: Cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý của xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.	6
1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu.	6
1.2. Cơ sở khoa học của việc chuẩn hóa.	12
1.3. Giáo dục THCS trong hệ thống giáo dục quốc dân.	14
1.4. Những tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia.	25
Chương 2: Thực trạng xây dựng các trường THCS huyện Hà Trung theo 5 tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia.	32
2.1. Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội huyện Hà Trung.	33
2.2. Tình hình giáo dục trên địa bàn huyện Hà Trung.	34
2.3. Quá trình xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung.	39
2.4. Thực trạng các trường THCS huyện Hà Trung theo 5 tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia.	40

Chương 3: Một số giải pháp xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.	56
3.1. Nguyên tắc lựa chọn các giải pháp.	56
3.2. Một số giải pháp xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.	57
3.3. Khảo sát tính khả thi và tính cần thiết của các giải pháp.	99
PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	103
TÀI LIỆU THAM KHẢO	107
PHẦN PHỤ LỤC	110

DANH MỤC CÁC BẢNG VÀ BIỂU ĐỒ

Trang

1. CÁC BẢNG:

Bảng 1.1. Số lượng học sinh trung học các trường công (còn gọi là trường nhà nước):	15
Bảng 2.1. Tổng số trường, lớp, học sinh (năm học 2009-2010).	35
Bảng 2.2. Tổng hợp tình hình cơ sở vật chất.	36
Bảng 2.3. Tổng hợp về tình hình đội ngũ toàn ngành.	37
Bảng 2.4. Chất lượng giáo dục của 13 trường THCS chưa đạt chuẩn.	38
Bảng 2.5. Số học sinh giỏi, trúng tuyển thi đại học qua các năm học.	39
Bảng 2.6. Số trường học đạt chuẩn quốc gia đến tháng 5/2010 của huyện Hà Trung.	40
Bảng 2.7. Tình hình lớp, học sinh cấp THCS.	41
Bảng 2.8. Tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chuẩn 1.	43
Bảng 2.9. Tổng hợp tình hình cán bộ quản lý.	44
Bảng 2.10. Tổng hợp về đội ngũ giáo viên THCS huyện Hà Trung.	44
Bảng 2.11. Tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chuẩn 2.	45
Bảng 2.12. Kết quả xếp loại học lực cấp THCS.	46
Bảng 2.13. Kết quả xếp loại hạnh kiểm cấp THCS.	47
Bảng 2.14. Tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chuẩn 3.	48
Bảng 2.15. Tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chuẩn 4.	49
Bảng 2.16. Tổng hợp kết quả thực hiện 5 tiêu chuẩn.	52
Bảng 3.1. Tổng hợp kết quả khảo sát tính khả thi và tính cần thiết của các giải pháp.	100

2. CÁC BIỂU ĐỒ:

Biểu đồ 3.2. Tổng hợp kết quả khảo sát tính khả thi của một số giải pháp	101
Biểu đồ 3.3. Tổng hợp kết quả khảo sát tính cần thiết của một số giải pháp ...	102

PHẦN MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Trong công cuộc đổi mới đất nước, đổi mới giáo dục, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra những phương hướng, chủ trương, chính sách để phát triển sự nghiệp giáo dục. Hiện nay, nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới quản lý giáo dục (QLGD) là đổi mới quản lý chất lượng giáo dục. Muốn vậy, vấn đề có tính quyết định là xây dựng, hoàn thiện hệ thống các chuẩn mực giáo dục và đưa vào thực hiện trong thực tế.

Những quan điểm và phương hướng cơ bản về phát triển giáo dục đã được xác định từ Đại hội IX. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X tiếp tục khẳng định và phát triển những quan điểm và phương hướng ấy, trong đó nhấn mạnh các vấn đề về nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hoàn thiện hệ thống trường lớp và hệ thống QLGD, chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa giáo dục, thực hiện công bằng trong giáo dục và xây dựng xã hội học tập, xác định rõ vai trò nòng cốt của đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD trong việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X đã chỉ rõ: *“Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, nội dung, phương pháp dạy và học; thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, chấn hưng nền giáo dục Việt Nam”*. [19,95].

Hội nghị lần thứ 6, Ban chấp hành Trung ương khóa IX cũng đã khẳng định: *“Phấn đấu đến năm 2015 tất cả các trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia”*. [17, 44- 45].

Luật Giáo dục (2005) có qui định: *“Phát triển giáo dục phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, tiến bộ khoa học, công nghệ, củng cố quốc phòng, an ninh; thực hiện chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”*. [24, 12].

Muốn thực hiện được các yêu cầu, nhiệm vụ trên đây thì ngành giáo dục cần phải xây dựng được một hệ thống các nhà trường có đầy đủ điều kiện

nhằm đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ . Các nhà trường trung học cơ sở (THCS) cần đạt tới những tiêu chuẩn cần thiết để đảm bảo chất lượng, hiệu quả giáo dục theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đưa giáo dục Việt Nam hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Trong thời gian qua, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước về xây dựng nền giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, ngành giáo dục đã ban hành nhiều văn bản pháp qui để đưa vào thực hiện. Đó là:

- Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) ban hành *“Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học”*.

- *“Qui chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia”* ban hành kèm theo Thông tư số 06/2010/TT-BGDĐT ngày 26/02/2010 của Bộ GD&ĐT.

Tiếp theo đó là việc xây dựng và ban hành các chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học, chuẩn hiệu trưởng trường trung học... Các văn bản này sẽ tạo thành một hệ thống các qui định làm cơ sở cho việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Như vậy, xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia là quá trình xuất phát từ thực tế của vấn đề thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và đã được Bộ GD&ĐT chỉ đạo cụ thể, chủ trương xây dựng trường trung học đạt chuẩn quốc gia của Bộ Giáo dục và đào tạo đã được các cấp QLGD, các nhà trường THCS, THPT trong toàn quốc hưởng ứng và trở thành một phong trào, một nhiệm vụ chính trị của các nhà trường đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Công tác xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở tỉnh Thanh Hoá nói chung và ở huyện Hà Trung nói riêng đã đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Tại đây đã có những bài học kinh nghiệm của các đơn vị đã đón nhận

đánh hiệu trường THCS đạt chuẩn quốc gia, nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Để tìm kiếm những giải pháp phù hợp, khả thi, khắc phục những khó khăn, hạn chế, cùng với các trường trung học cơ sở phấn đấu vươn lên, chúng tôi mạnh dạn lựa chọn đề tài: “ *Xây dựng trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá*” làm đề tài cho luận văn tốt nghiệp. Chúng tôi hy vọng rằng, những kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ góp phần hạn chế và khắc phục những khó khăn, tồn tại; những giải pháp được đề xuất sẽ giúp cho các cán bộ QLGD tham khảo thêm, nhằm phát huy những kết quả đã đạt được, đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Thông qua việc nghiên cứu, tìm hiểu những vấn đề có tính lý luận, những chủ trương, đường lối của Đảng, những qui định của hệ thống văn bản pháp luật, pháp qui về giáo dục THCS, thông qua việc nghiên cứu, điều tra, khảo sát thực tế mà đúc rút kinh nghiệm, tìm ra một số giải pháp để đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khách thể nghiên cứu:

Khách thể nghiên cứu của đề tài là công tác xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia theo định hướng của Đảng, theo các tiêu chuẩn đã qui định của Nhà nước và của ngành.

3.2. Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là một số giải pháp xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

Nếu áp dụng một cách đồng bộ một số giải pháp mà đề tài đã đề xuất dựa trên những tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia và điều kiện thực tế của địa phương thì có thể đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường THCS đạt

chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

5. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia, một số giải pháp xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia theo nội dung của “*Qui chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia*”. ” ban hành kèm theo Thông tư số 06/2010/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT trong phạm vi giáo dục THCS ở địa phương.

6. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

Để đạt được những mục đích nghiên cứu đã đề ra, đề tài có những nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

- Về mặt lý luận: nêu và làm rõ những vấn đề lý luận liên quan tới nội dung nghiên cứu, đó là những khái niệm, nội dung các quy định về giáo dục THCS, trường THCS trong hệ thống giáo dục quốc dân, xác định hành lang pháp lý các tiêu chuẩn về xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

- Về mặt thực tiễn: khảo sát thực tế, đánh giá thực trạng công tác xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở địa bàn nghiên cứu về những thành tựu, những yếu kém và nguyên nhân, từ đó đề xuất một số giải pháp xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đề tài được nghiên cứu bằng các phương pháp sau đây:

7.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận: sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh...các tài liệu khoa học, các văn kiện của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các văn bản quy định của ngành có liên quan đến hoạt động xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

7.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn:

- Điều tra, khảo sát thực tế bằng các phiếu hỏi, thu thập thông tin, xử lý số liệu.

- Phỏng vấn trực tiếp, tham khảo ý kiến chuyên gia.
- Nghiên cứu thực tế, tổng kết kinh nghiệm các trường THCS đã đạt chuẩn quốc gia ở địa phương.

7.3. Phương pháp hỗ trợ: Thống kê toán học

8. ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN VĂN

8.1. Luận văn góp phần làm sáng tỏ về mặt lý luận của vấn đề xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

8.2. Đúc rút kinh nghiệm, xây dựng một số giải pháp cụ thể, có tính khả thi để xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia từ thực trạng của địa bàn nghiên cứu.

9. CẤU TRÚC CỦA LUẬN VĂN.

PHẦN THỨ NHẤT: MỞ ĐẦU

PHẦN THỨ HAI : NỘI DUNG

Chương 1. Cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý của xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Chương 2. Thực trạng xây dựng các trường THCS ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá theo 5 tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Chương 3: Một số giải pháp xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

PHẦN THỨ BA: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

PHẦN PHỤ LỤC

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA XÂY DỰNG TRƯỜNG THCS ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu.

1.1.1. Xây dựng chuẩn trường học của một số nước trên thế giới.

a) *Tiêu chuẩn quốc tế phân loại giáo dục* (ISCED) được thiết kế bởi UNESCO vào đầu những năm 1970 để phục vụ như một công cụ thích hợp để lắp ráp, lập và trình bày số liệu thống kê của giáo dục cá nhân cả trong nước và quốc tế. Nó đã được sự chấp thuận của Hội nghị Quốc tế về giáo dục (Geneva, 1975). Sau đó đã được xác nhận bởi UNESCO (Paris, 1978).

Việc phân loại hiện nay, được gọi là ISCED 1997, đã được Hội nghị UNESCO thông qua tại kỳ họp thứ 29 (tháng 11 năm 1997). Việc phân loại đã được chuẩn bị chu đáo và là kết quả sự tham vấn rộng rãi của đại diện các nước trên thế giới. ISCED 1997 bao gồm chủ yếu là phân loại hai biến số: cấp và các lĩnh vực giáo dục.

Bộ sưu tập chương trình của UNESCO luôn được điều chỉnh để có các tiêu chuẩn phù hợp. Các nước thành viên được mời để áp dụng trong các báo cáo thống kê giáo dục để tăng tính so sánh quốc tế, tăng cường sự phối hợp giữa các quốc gia.

Tiêu chuẩn quốc tế phân loại giáo dục thành 5 bậc:

- Bậc 0: Dự bị giáo dục tiểu học
- Bậc 1: Giáo dục tiểu học (Primary education) hoặc giai đoạn đầu tiên của giáo dục cơ bản (First stage of basic education).
- Bậc 2: Trung học cơ sở (Lower secondary education) hoặc giai đoạn thứ hai của giáo dục cơ bản (Second stage of basic education).
- Bậc 3: Giáo dục trung học bậc cao (Upper secondary education).

- Bậc 4: Giáo dục sau trung học và trước đại học (Post-Secondary non tertiary education).

Ở mỗi bậc học đều có tiêu chí phân loại. Đối với THCS chuẩn xây dựng các tiêu chí như sau:

+ Các tiêu chí chính:

- Hình thành các môn học, học sinh học tập theo các môn học và sử dụng nhiều giáo viên theo các chuyên môn khác nhau.

- Nhà trường hoàn thành đầy đủ các kỹ năng cơ bản và tạo nền tảng giáo dục suốt đời cho người học.

+ Các tiêu chí hỗ trợ:

- Nhập học sau 6 năm ở tiểu học, đã hoàn thành chương trình tiểu học.

- Kết thúc bậc học sau 9 năm học kể từ khi bắt đầu học tiểu học.

- Kết thúc giai đoạn giáo dục bắt buộc (phổ cập)

- Giáo viên dạy theo các môn học chuyên môn.

b) Hệ thống giáo dục Singapore.

Hệ thống giáo dục Singapore được phát triển trên cơ sở mỗi học sinh đều có năng khiếu đặc biệt và sở thích riêng biệt. Hệ thống giáo dục ở đây áp dụng cách tiếp cận linh hoạt để giúp học sinh phát triển hết tài năng của bản thân.

Sự nghiệp giáo dục được xem là yếu tố then chốt cho sự tăng trưởng và phát triển của đất nước Singapore. Bước vào thế kỷ XXI, khi nền kinh tế tri thức là động lực chính cho toàn cộng đồng thì giáo dục lại càng quan trọng hơn trong việc định hình cho tương lai của một quốc gia. Đồng thời thông qua giáo dục mỗi cá nhân có thể nhận biết tiềm năng của mình để góp phần mang lại lợi ích cho cộng đồng, cho đất nước và hướng tới một cuộc sống cá nhân đầy đủ.

Giáo dục Singapore hội đủ các tiêu chuẩn sau:

- Chuẩn mực giáo dục cao

- Môi trường học tập năng động, sáng tạo, được sự hỗ trợ tận tâm của giáo viên

- Có thể học chuyển tiếp hay học tại Singapore vẫn lấy được các bằng cấp của Mỹ, Anh, Úc, Canada...

- Đội ngũ giáo viên, giảng viên giỏi, có bằng cấp quốc tế và rất nhiệt tâm với học sinh, sinh viên...

Thế mạnh của hệ thống giáo dục Singapore nằm trong chính sách sử dụng song ngữ tiếng Anh và tiếng Malaysia, hay Quan Thoại, hay Tamil và một chương trình giảng dạy phong phú, trong đó sự sáng tạo và tính liên kết giữ vai trò chủ đạo. Tất cả mọi người đòi hỏi phải có những kỹ năng cùng với khả năng tương xứng để tồn tại trong môi trường có tính cạnh tranh cao và trang bị cho một tương lai tươi sáng hơn.

Singapore là một quốc gia được xếp hàng đầu trong cả hai lĩnh vực khoa học và toán học tại một nghiên cứu tập trung ở lứa tuổi học sinh lớp 4 (tiểu học) và lớp 8 (trung học) được tiến hành tại 49 quốc gia vào năm 2002- 2003.

Các chương trình học:

Ở bậc trung học: Chương trình học ở bậc trung học của Singapore nổi danh trên thế giới về khả năng phát triển cho học sinh lối tư duy sâu và các kỹ năng trí tuệ. Học sinh nước ngoài được chấp nhận theo học chương trình trung học công lập hoặc tư thục và phải thi đầu vào.

Bậc cao đẳng: Các trường cao đẳng đều có các khóa học đa dạng như kinh doanh, công nghệ thông tin, cơ khí, truyền thông đại chúng, thiết kế, viễn thông... Sinh viên tốt nghiệp từ các trường cao đẳng được các nhà tuyển dụng săn tìm, vì họ có thể hòa nhập ngay vào môi trường làm việc nhờ được trang bị kỹ năng thực hành và kinh nghiệm liên quan.

Ở bậc đại học: Các trường đại học công lập tại Singapore được đánh giá rất cao trên thế giới. Ngoài ra, Singapore còn có hệ thống các trường đại học quốc tế phong phú giúp sinh viên có nhiều lựa chọn phù hợp cho riêng mình.

c, Giáo dục nước Anh có chuẩn quốc gia hiệu trưởng trường phổ thông. Chuẩn quốc gia hiệu trưởng trường học nước Anh phản ánh quan điểm của Chính phủ Anh về phát triển cán bộ quản lý trường phổ thông, về vai trò lãnh

đạo trường học trong thế kỷ XXI. Chuẩn này chỉ rõ vai trò quan trọng của hiệu trưởng trong việc thực hiện chính sách giáo dục của Chính phủ và triển khai các chính sách này trong trường học nhằm đạt được mục tiêu phát triển của mọi trẻ em với các nhu cầu, nguyện vọng của chúng.

Chuẩn quốc gia hiệu trưởng trường phổ thông được xây dựng trên ba nguyên tắc chính:

- Học tập làm trung tâm
- Tập trung vào quan hệ lãnh đạo
- Phản ánh cao nhất chuẩn nghiệp vụ quản lý trường học.

Các thành phần chính của chuẩn quốc gia hiệu trưởng trường phổ thông bao gồm 6 nội dung:

- Xác định tầm nhìn và xây dựng kế hoạch chiến lược của nhà trường (hoạch định tương lai – (Shaping the future).
- Quản lý việc dạy và học (Leading learning and teaching).
- Tự phát triển bản thân và phối hợp công tác (Developing self and working with others).
- Quản lý tổ chức (Managing the organization).
- Báo cáo kết quả hoạt động của nhà trường (Securing accountability).
- Xây dựng và củng cố mối quan hệ với cộng đồng địa phương (Strengthening community).

Trong từng thành phần này có các yêu cầu về kiến thức, chất lượng nghiệp vụ (các kỹ năng, các năng lực quản lý) và các hành động cần thiết để các hiệu trưởng đạt được các nhiệm vụ trọng tâm. [22, 152-153].

1.1.2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.

Từ sau khi cả nước đã cơ bản hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, Đảng, Nhà nước và ngành giáo dục đặc biệt quan tâm tới giáo dục trung học nhằm giữ vững và phát huy những thành tựu đã đạt được. Sự cố gắng của toàn ngành đã tạo ra sự ổn định, phát triển và nâng cao chất lượng của giáo dục

trung học. Đồng thời với việc ban hành các văn bản pháp qui về giáo dục THCS và thực tế xây dựng trường trung học đạt chuẩn quốc gia, đã có một số nghiên cứu về việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Trong bài viết *“Xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2001 – 2010”*, PGS.TS Hà Thế Truyền (Học viện QLGD) đã tập trung nêu rõ mục tiêu, kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia và giải pháp thực hiện. Tác giả xác định xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia là một chủ trương đúng đắn nhằm từng bước xây dựng nhà trường theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, đồng thời đưa hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường vào kỷ cương, nề nếp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Để thực hiện mục tiêu trên, ngoài việc làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến sâu rộng trong toàn ngành và xã hội về công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, các địa phương cần xây dựng đề án cụ thể trình UBND tỉnh, thành phố để công tác này trở thành chủ trương chính thức của các cấp chính quyền; trên cơ sở đó có quy hoạch đất và huy động các nguồn lực của địa phương đầu tư cho trường học. Mỗi Sở GD&ĐT cần có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, tập trung xây dựng cho được một số trường chuẩn quốc gia làm mẫu và tạo đà chung, kết hợp với chương trình kiên cố hóa trường lớp để xây dựng trường chuẩn quốc gia, phấn đấu để các trường xây mới đều theo tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia. Tác giả đã nêu ra 7 giải pháp và 3 bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia qua thực tế ở một số trường THCS ở các tỉnh Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Ninh Bình.

Trong bài viết *“Một số vấn đề rút ra từ công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia bậc trung học”*, Thạc sỹ Lưu Đức Hạnh (Sở GD&ĐT Thanh Hóa) đã tập trung đánh giá một số điểm căn bản rút ra từ đánh giá trong công tác xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia và nêu lên một số định hướng và nội dung hoạt động cơ bản trong xây dựng trường chuẩn quốc gia.

Trong nội dung đánh giá, tác giả đã đánh giá các trường trung học đã đạt chuẩn quốc gia và các trường trung học chưa đạt chuẩn quốc gia theo 5 tiêu chuẩn của trường trung học đạt chuẩn quốc gia.

Về định hướng và nội dung hoạt động cơ bản của công tác xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia. Tác giả nêu lên hai định hướng cơ bản là:

- Hướng nhìn của các cấp quản lý, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong ngành là xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Về định hướng này có 3 nội dung cơ bản:

+ Tất cả các nhà trường, căn cứ vào hiện trạng để đặt kế hoạch xây dựng. Tập

trung xây dựng đạt các tiêu chuẩn thuộc phạm vi tác động của giáo dục.

+ Chống tư tưởng trông chờ về tiêu chuẩn cơ sở vật chất thiết bị, chống thái độ bất lực trước chỉ tiêu về chất lượng văn hóa, chống các tác nhân phá chuẩn trong quản lý, hoạt động giáo dục.

+ Mục tiêu của các nhà trường là: kiên cố hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa. Các trường tùy theo điều kiện để xác định bước đi cụ thể.

- Hoàn chỉnh và thực hiện Đề án xây dựng trường trung học đạt chuẩn quốc gia cấp tỉnh (tỉnh Thanh Hóa) giai đoạn 2006 – 2015. Đề án là căn cứ pháp lý, sự định vị, định hướng về kế hoạch, nội dung, giải pháp, tổ chức hoạt động để các địa phương, đơn vị giáo dục xây dựng và triển khai kế hoạch của mình.

Tác giả cũng nêu hai nội dung hoạt động chính yếu để xây dựng trường trung học đạt chuẩn quốc gia, đó là:

- Giáo dục phải chịu trách nhiệm thực hiện các tiêu chuẩn: tổ chức nhà trường; CBQL, giáo viên và nhân viên, chất lượng giáo dục, xã hội hoá giáo dục.

- Xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị giáo dục.

Công tác xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia đã được triển khai trong khoảng mười năm qua, được các địa phương, các nhà trường quan tâm

nên đã đạt được những thành tựu to lớn và rút ra những bài học kinh nghiệm. Những công trình nghiên cứu trước đây đã tập trung khảo sát thực trạng, đề xuất một số giải pháp và rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu để xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

1.1.3. Một số nhận xét.

- Qui định và thực hiện chuẩn giáo dục, chuẩn nhà trường từ hơn 10 năm qua là xu thế phát triển giáo dục của thế giới và của các nước trong khu vực. Những kinh nghiệm, thành tựu của giáo dục thế giới trong những năm qua đã chứng minh sự đúng đắn và tính ưu việt, sự cần thiết của việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế phân loại giáo dục.

- Xây dựng nhà trường nói chung, trường THCS nói riêng đạt chuẩn quốc gia ở nước ta là một trong những chủ trương lớn của Đảng. Xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia để đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục có chất lượng toàn diện, giữ vững và phát huy những thành tựu của giáo dục tiểu học, thực hiện giáo dục phổ cập, tạo tiền đề nhằm tiếp cận với trình độ phát triển của trường trung học ở các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

1.2. Cơ sở khoa học của việc chuẩn hóa.

1.2.1. Định nghĩa về chuẩn :

“ Chuẩn là mẫu lí thuyết có tính chất nguyên tắc, tính công khai và tính xã hội hóa, được đặt ra bằng quyền lực hành chính hoặc chuyên môn, bao gồm những yêu cầu, tiêu chí, qui định kết hợp logic với nhau một cách xác định, được dùng làm công cụ xác minh sự vật, làm thước đo- đánh giá hoặc so sánh các hoạt động, công việc, sản phẩm, dịch vụ v.v...trong lĩnh vực nào đó và có khuynh hướng điều chỉnh những sự vật này theo nhu cầu, mục tiêu mong muốn của chủ thể quản lí hoặc chủ thể sử dụng công việc, sản phẩm, dịch vụ”. [21,1]

1.2.2. Phân loại chuẩn theo nội dung, tính pháp lí và phạm vi áp dụng chuẩn:

- Theo nội dung có chuẩn kích thước và chuẩn chất lượng;

- Theo tính pháp lí có chuẩn bắt buộc và chuẩn khuyến nghị;
- Theo phạm vi áp dụng chuẩn có chuẩn quốc gia, chuẩn quốc tế và chuẩn nội bộ.

1.2.3. Những yêu cầu cơ bản của chuẩn:

- Chuẩn phải có tính năng kĩ thuật và thể hiện tính năng đó khi áp dụng nó trong lĩnh vực tương ứng, có tác dụng qui cách hóa tất cả những sự vật cùng loại ;
- Chuẩn phải có hiệu lực tương đối ổn định cả về phạm vi lẫn thời gian áp dụng, không luôn luôn thay đổi được;
- Chuẩn bất kì nào cũng phải là trình độ dung hòa, cân nhắc và lựa chọn giữa những tiêu chí, qui định, yêu cầu cao hơn nó và những tiêu chí, qui định, yêu cầu đã được thực thi trên thực tế lúc đó;
- Chuẩn áp dụng cho các vật phẩm, các đối tượng tự nhiên, các quá trình và hoạt động vật chất thường có tính cụ thể và chức năng định lượng cao hơn nhiều so với chuẩn áp dụng cho con người, các quá trình và hiện tượng xã hội, các hoạt động tinh thần ;
- Chuẩn cụ thể nào đó luôn luôn là bộ phận hoặc là hệ lớn hơn chứa những chuẩn khác có liên quan....

1.2.4. Định nghĩa về chuẩn hóa trong giáo dục: “Chuẩn hóa trong giáo dục là những quá trình cần thiết làm cho các sự vật, đối tượng trong lĩnh vực giáo dục đáp ứng được các chuẩn đã ban hành và áp dụng chính thức cho giáo dục để tạo thuận lợi hơn cho tiến bộ và phát triển giáo dục. Chuẩn hóa trong giáo dục cũng có những chức năng cơ bản là định hướng quản lí giáo dục, qui cách hóa các sản phẩm, nguồn lực, phương tiện, hoạt động giáo dục, tạo môi trường chính thức cho sự phát triển giáo dục”. [21,5]

1.2.5. Một số lĩnh vực chính trong giáo dục phổ thông để tiến hành chuẩn hóa như sau:

- Đội ngũ và chất lượng giáo viên;

- Nhân sự , bộ máy quản lí, nghiên cứu-thông tin giáo dục;
- Trường sở và hạ tầng vật chất-kĩ thuật nhà trường;
- Quá trình và hoạt động giáo dục;
- Các công cụ hành chính, chiến lược và chính sách giáo dục.

1.3. Giáo dục trung học cơ sở trong hệ thống giáo dục quốc dân.

1.3.1. Sơ lược về sự phát triển giáo dục THCS ở nước ta từ Cách mạng Tháng Tám đến nay.

a. Vào những năm 1905 – 1906, Chính phủ Pháp cho áp dụng chương trình các bậc học ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Chương trình chữ Hán ban hành năm 1906 có ba cấp học là: ầu học, tiểu học và trung học.

Các trường Pháp – Việt bậc trung học: Học sinh phải tốt nghiệp bậc tiểu học, có Bằng tiểu học (Certificat d'Études Primaires) mới được dự thi tuyển nhập trường trung học. Giáo sư người Việt phải do Toàn quyền bổ dụng theo đề nghị của Tổng thanh tra học chánh Đông Dương. Trường trung học Pháp Việt học hệ 4 năm, chủ yếu học chữ Pháp, mỗi tuần học 2 giờ 30 phút. Chữ quốc ngữ và chữ Nho không được dạy quá 3 giờ trong một tuần. Học sinh phải học lịch sử và địa dư nước Pháp và các nội dung như: Sự nghiệp của nước Pháp ở Đông Dương, Tổ chức bộ máy cai trị của người Pháp ở Việt Nam...

Người nào muốn mở trường tư để dạy cấp tiểu học và trung học đều phải xin phép chính quyền và phải tuân thủ mọi qui chế do Thống sứ (hoặc Thống đốc, Khâm sứ) duyệt y, đối với trường trung học phải được Toàn quyền duyệt y. Trường tư có thể dùng chương trình riêng, sách giáo khoa riêng, phương pháp giảng dạy riêng, nhưng tuyệt đối không được làm gì trái với luân lý, thể chế, luật pháp của Nhà nước. Các sách giáo khoa không được vi phạm vào qui định của chính quyền địa phương các cấp.

Kể từ ngày 21/12/1917 tất cả các trường dạy chữ Nho (cả công lẫn tư) đều phải xếp vào loại trường tư và phải tuân thủ mọi qui chế của chính quyền Pháp đề ra.

**Bảng 1.1. Số lượng học sinh trung học các trường công
(còn gọi là trường nhà nước):**

Số T.T	NĂM	SỐ HỌC SINH
1	1900	1 595
2	1915	2 442
3	1920	30 349
4	1925	41 062
5	1930	62 558

(Nguồn: Nguyễn Q. Thắng, *Khoa cử và giáo dục Việt Nam*, Nxb. Văn hoá, trang 168 – 169).

Trường Quốc học mở từ năm 1896 ở Trung Kỳ. Từ năm 1909 có kỳ thi lấy bằng Sơ đẳng tiểu học Pháp Việt (Certificat d'Etudes Primaires Franco Indigène), trong dân gian thường gọi là bằng Ri-me (Primaire). Từ lúc mới mở, Trường Quốc học Huế đã có từ lớp Đồng ấu cho đến Cao đẳng tiểu học (sau này trong Nam gọi là trung học đệ nhất cấp, ngoài Bắc gọi là cấp 2, ngày nay gọi là trung học cơ sở).

Năm 1917 vua Khải Định quyết định thành lập một trường nữ trung học đầu tiên ở Trung Kỳ, bên cạnh Trường Quốc học, gọi là *Trường Đồng Khánh*. Lúc đầu trường có tên là Trường cao đẳng tiểu học Đồng Khánh, dành riêng cho học trò là con gái sinh trưởng tại các tỉnh từ Thanh Hoá đến Bình Thuận.

Năm 1920 mở thêm *Trường cao đẳng tiểu học Vinh* (Nghệ An), còn gọi là Trường Quốc học Vinh dành cho học sinh từ Quảng Bình tới Thanh Hoá. Năm 1921 mở *Trường cao đẳng tiểu học Qui Nhơn* ở Bình Định dành cho học sinh từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận (cũng còn gọi là Trường Quốc học Qui Nhơn).

Tính đến năm 1939, bậc trung học có 4 trường, cao đẳng tiểu học 19 trường, sơ đẳng tiểu học 477 trường, sơ học 3521 trường.

b. Từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945.

Năm học 1945-1946 là năm học đầu tiên của nước Việt Nam độc lập. Lúc này Nhà nước ta đã ban hành một số văn bản có giá trị pháp lý cao làm cơ sở để tổ chức, chỉ đạo và quản lý hệ thống giáo dục quốc dân:

- Sắc lệnh số 20/SL ngày 8/9/1945 là sắc lệnh đầu tiên về giáo dục. Sắc lệnh này quyết định thành lập Nha bình dân học vụ và cưỡng bách học chữ quốc ngữ.

- Sắc lệnh số 146/SL ngày 10/6/1946 của Chủ tịch nước đặt ra những nguyên tắc cơ bản của nền giáo dục mới: dân tộc, khoa học, đại chúng.

- Sắc lệnh số 147/SL ngày 10/8/1946 quy định việc tổ chức bậc học cơ bản.

- Thông tư số 56/ TT /P3 ngày 31/7/1950 của Bộ Giáo dục chỉ đạo cải cách giáo dục lần thứ nhất, tổ chức trường phổ thông 9 năm, bao gồm 3 cấp học: Cấp I (4 năm), cấp II (3 năm), cấp III (2 năm) và quyết định áp dụng chương trình mới từ năm học 1950-1951. Tiểu học gồm các lớp: 1, 2, 3, 4.

- Nghị định số 1027-TTg ngày 27/8/1956 của Chính phủ chỉ đạo cải cách giáo dục lần 2. Chương trình này áp dụng cho toàn miền Bắc, hệ thống giáo dục phổ thông từ năm học 1956-1957 gồm ba cấp học: Cấp I (4 năm), cấp II (3 năm) và cấp III (3 năm).

- Ngày 11/1/1979, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 14 – NQ/TW về cải cách giáo dục. Hệ thống giáo dục phổ thông chuyển từ hệ 10 năm sang hệ 12 năm với cấu trúc 5+4+3 gồm hai bậc học: phổ thông cơ sở 9 năm do hợp nhất cấp I (5 năm) và cấp II (4 năm), bậc phổ thông trung học 3 năm.

- Năm 1991, Nhà nước ban hành hai đạo luật về giáo dục: *Luật phổ cập giáo dục tiểu học và Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*.

- Năm 1993 có Nghị quyết Trung ương 4 (khoá VII) ngày 14/1/1993 và tiếp theo đó có Nghị định 90/CP ngày 24/11/1993 của Chính phủ về “*Cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân*” trong đó quy định giáo dục phổ thông có hai bậc học là bậc tiểu học và bậc trung học, bậc trung học có hai cấp học là cấp THCS và cấp THPT.

Năm 1998, Nhà nước ban hành Luật giáo dục. Đạo luật này được bổ sung, sửa đổi năm 2005. Theo tinh thần và nội dung của Luật giáo dục, ngày 02/4/2007, Bộ giáo dục và đào tạo đã ban hành “*Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*”.

Ngày 26/02/2010 Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành “*Qui chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia*” kèm theo Thông tư số 06/2010/TT-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, có hiệu lực thi hành từ ngày 12/4/2010.

Ngày 22/10/2009, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành “*Qui định chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*” kèm theo Thông tư số 29/2009/TT-BGD&ĐT, “*Qui định chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông*” kèm theo Thông tư số 30/2009/TT-BGD&ĐT.

1.3.2. Vị trí của trường THCS.

Trong hệ thống giáo dục quốc dân, giáo dục phổ thông (gồm bậc tiểu học và bậc trung học) là nền tảng văn hoá của đất nước, là sức mạnh tương lai của dân tộc, đặt cơ sở quan trọng cho sự phát triển toàn diện nhân cách con người Việt nam.

Luật giáo dục (được Quốc hội thông qua ngày 20/5/2005 tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XI và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006 thay thế Luật giáo dục ban hành năm 1998) đã xác định vị trí của giáo dục phổ thông:

“ *Điều 26. Giáo dục phổ thông*

Giáo dục phổ thông bao gồm:

a) Giáo dục tiểu học được thực hiện trong năm năm học, từ lớp một đến lớp năm. Tuổi của học sinh vào lớp một là sáu tuổi;

b) Giáo dục trung học cơ sở được thực hiện trong bốn năm học, từ lớp sáu đến lớp chín. Học sinh vào học lớp sáu phải hoàn thành chương trình tiểu học, có tuổi là mười một tuổi;

c) Giáo dục trung học phổ thông được thực hiện trong ba năm học, từ lớp mười đến lớp mười hai. Học sinh vào học lớp mười phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, có tuổi là mười lăm tuổi.” [24,20].

“Trường trung học là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân và có con dấu riêng”. [5,2].

“Hệ thống trường trung học

1. Trường trung học có loại hình công lập và loại hình tư thục.

a) Trường công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập và Nhà nước trực tiếp quản lý. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí cho chi thường xuyên, chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm;

b) Trường tư thục do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân thành lập khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của trường tư thục là nguồn ngoài ngân sách nhà nước.

2. Các trường có một cấp học gồm:

a) Trường trung học cơ sở;

b) Trường trung học phổ thông.

3. Các trường phổ thông có nhiều cấp học gồm:

a) Trường tiểu học và trung học cơ sở;

b) Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông;

c) Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông”. [5,3]

Như vậy, giáo dục THCS là bậc học sau tiểu học và trước bậc học trung học phổ thông. THCS cùng với tiểu học và trung học phổ thông hình thành nên giáo dục phổ thông của nước ta.

1.3.3. Mục tiêu của giáo dục trung học cơ sở.

Giáo dục THCS nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, có liên quan một cách toàn diện đến rất nhiều yếu tố như: mục đích giáo dục, mục tiêu hình thành nhân cách, nhiệm vụ và yêu cầu phổ cập giáo dục, đội ngũ giáo viên...

Điều 27, Luật giáo dục 2005 ghi rõ:

“3. Giáo dục trung học cơ sở nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục tiểu học; có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động”.

[24,21].

1.3.4. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường trung học: được qui định tại Điều 3 Điều lệ trường trung học (2007):

“Trường trung học có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- 1. Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác của chương trình giáo dục phổ thông;*
- 2. Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên; tham gia tuyển dụng và điều động giáo viên, cán bộ, nhân viên;*
- 3. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, vận động học sinh đến trường, quản lý học sinh theo qui định của Bộ giáo dục và đào tạo;*
- 4. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi cộng đồng;*
- 5. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục;*
- 6. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo qui định của Nhà nước;*
- 7. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội;*
- 8. Tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục;*
- 9. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo qui định của pháp luật”.*

[5,2]

1.3..5. Yêu cầu về nội dung, phương pháp của giáo dục THCS.

Điều 28, Luật giáo dục 2005 qui định những yêu cầu về nội dung, phương pháp của giáo dục THCS.

a) Yêu cầu về nội dung:

“Giáo dục trung học cơ sở phải củng cố, phát triển những nội dung đã học ở tiểu học, bảo đảm cho học sinh có những hiểu biết phổ thông cơ bản về tiếng Việt, toán, lịch sử dân tộc; kiến thức khác về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, pháp luật, tin học, ngoại ngữ; có những hiểu biết cần thiết tối thiểu về kỹ thuật và hướng nghiệp”. [24,22].

b) Yêu cầu về phương pháp

Phương pháp giáo dục THCS được xác định chung trong phương pháp giáo dục phổ thông: *“Phương pháp giáo dục phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh; phù hợp với đặc điểm từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học, khả năng làm việc theo nhóm; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh”.* [24,23].

1.3.6. Phân cấp quản lý.

Điều 6. Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (02/4/2007) qui định:

“Trường trung học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do Phòng giáo dục và đào tạo quản lý”. [5,4].

1.3.7. Chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở.

Ngày 22/10/2009, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành *“Qui định chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học”* kèm theo Thông tư số 29/2009/TT-BGD&ĐT. Theo đó, các yêu cầu cơ bản đối với hiệu trưởng gồm 3 tiêu chuẩn:

Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp.

Tiêu chuẩn 1 gồm có các tiêu chí (các yêu cầu và điều kiện cần đạt được ở một nội dung cụ thể của mỗi tiêu chuẩn) về phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, lối sống, tác phong làm việc, giao tiếp, ứng xử.

Tiêu chuẩn 2: Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm.

Tiêu chuẩn 2 gồm có các tiêu chí: hiểu biết chương trình giáo dục phổ thông, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, tự học và sáng tạo, năng lực ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin.

Tiêu chuẩn 3: Năng lực quản lý nhà trường.

Tiêu chuẩn 3 gồm có các tiêu chí: phân tích và dự báo, tầm nhìn chiến lược, thiết kế và định hướng triển khai, quyết đoán, có bản lĩnh đổi mới, lập kế hoạch hoạt động, tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ, quản lý hoạt động dạy học, quản lý tài chính và tài sản nhà trường, phát triển môi trường giáo dục, quản lý hành chính, quản lý công tác thi đua, khen thưởng, xây dựng hệ thống thông tin, kiểm tra, đánh giá.

1.3.8. Chuẩn giáo viên trường trung học cơ sở.

Ngày 22/10/2009, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành “*Qui định chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông*” kèm theo Thông tư số 30/2009/TT-BGD&ĐT. Theo đó, các yêu cầu cơ bản đối với giáo viên gồm 6 tiêu chuẩn:

Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, gồm có các tiêu chí: phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ứng xử với học sinh, ứng xử với đồng nghiệp, lối sống, tác phong.

Tiêu chuẩn 2: Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục, gồm có các tiêu chí: tìm hiểu đối tượng giáo dục, tìm hiểu môi trường giáo dục.

Tiêu chuẩn 3: Năng lực dạy học, gồm có các tiêu chí: xây dựng kế hoạch dạy học, đảm bảo kiến thức môn học, đảm bảo chương trình môn học, vận dụng các phương pháp dạy học, sử dụng các phương tiện dạy học, xây dựng môi trường học tập, quản lý hồ sơ dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Tiêu chuẩn 4: Năng lực giáo dục, gồm có các tiêu chí: xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục, giáo dục qua môn học, giáo dục qua các hoạt

động giáo dục, giáo dục qua các hoạt động trong cộng đồng, vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình

thức tổ chức giáo dục, đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh.

Tiêu chuẩn 5: Năng lực hoạt động chính trị, xã hội, gồm có các tiêu chí: phối hợp với gia đình học sinh và cộng đồng, tham gia hoạt động chính trị, xã hội.

Tiêu chuẩn 6: Năng lực phát triển nghề nghiệp, gồm có các tiêu chí: tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện, phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn giáo dục.

1.3.9. Định hướng phổ cập THCS.

Phổ cập giáo dục THCS là một trong những mục tiêu quốc gia và quan trọng trong

chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của đất nước, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ những yêu cầu của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Luật Giáo dục (2005) có qui định : “*Giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở là các cấp học phổ cập. Nhà nước quyết định kế hoạch phổ cập giáo dục, bảo đảm các điều kiện để thực hiện phổ cập giáo dục trong cả nước*”. [24,13]

Ngày 9 tháng 12 năm 2000 Quốc hội đã đề ra Nghị quyết số 41/2000/QH-10 về thực hiện phổ cập giáo dục THCS. Ngày 28/12/2000 Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 61-CT/TW về việc thực hiện phổ cập giáo dục THCS.

Ngày 25/4/2001 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 63/2000/QĐ-TTg về việc thành lập Ban chỉ đạo quốc gia phổ cập giáo dục THCS. Ngày 5/7/2001 Bộ Giáo dục và đào tạo đã ban hành Quyết định số 26/2001/QĐ-BGD&ĐT về Quy định tiêu chuẩn kiểm tra và đánh giá công nhận phổ cập giáo dục THCS.

Những văn bản trên đây là những văn bản quan trọng của Nhà nước nhằm giữ vững, phát huy những thành tựu đã đạt được về phổ cập giáo dục.

Đồng thời tạo ra cơ sở chính trị- pháp lý để đẩy mạnh phổ cập giáo dục THCS, hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

Nghị quyết số 41/2000/QH-10 về thực hiện phổ cập giáo dục THCS (Công báo số 7 (1546) ngày 22/2/2001) gồm ba vấn đề lớn:

- Mục tiêu phổ cập giáo dục THCS
- Tiến độ thực hiện
- Tổ chức thực hiện

Mục tiêu phổ cập giáo dục THCS giai đoạn 2001- 2010 là phải bảo đảm cho hầu hết thanh thiếu niên sau khi tốt nghiệp tiểu học tiếp tục học tập để đạt trình độ THCS trước tuổi 18. Các chỉ tiêu cần đạt là:

- Đối với phường, xã: bảo đảm duy trì, củng cố kết quả và hoàn thiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học. Huy động số học sinh tốt nghiệp tiểu học vào THCS đạt 95% trở lên, ở những vùng khó khăn đạt 85% trở lên và tỷ lệ tốt nghiệp THCS tương ứng 90%

(và 75%) trở lên trong độ tuổi từ 15- 18.

- Đối với quận, huyện bảo đảm 90% số xã phường đạt mục tiêu phổ cập giáo dục THCS.

- Đối với tỉnh bảo đảm 100% số quận, huyện đạt mục tiêu phổ cập giáo dục THCS.

Trong Nghị quyết cũng quy định rất rõ trách nhiệm của công dân, gia đình, tổ chức và Nhà nước đối với việc phổ cập THCS, công tác tổ chức thực hiện. Nghị quyết chỉ rõ trách nhiệm của các cấp các ngành thực hiện nhiệm vụ phổ cập THCS thuộc phạm vi của từng cơ quan, đơn vị.

1.3.10. Trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Khái niệm “trường THCS đạt chuẩn quốc gia” xuất hiện sau khi Bộ GD&ĐT ra Quyết định số 27/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/7/2001 về ban hành: “Quy chế công nhận trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia”:

Trường THCS đạt chuẩn quốc gia là trường THCS đạt 5 tiêu chuẩn mà Quy chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia quy định.

1.3.11. Nội dung quản lý trường THCS.

Những nội dung quản lý trường THCS được quy định trong hệ thống các văn bản pháp qui của Nhà nước và của ngành. Điều 58 - Luật giáo dục (2005) có quy định nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường. Trên cơ sở đó, Điều lệ trường trung học học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (02/4/2007), *qui định cụ thể hơn nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường THCS là:*

- 1. Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác của Chương trình giáo dục phổ thông;*
- 2. Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên; tham gia tuyển dụng và điều động giáo viên, cán bộ, nhân viên;*
- 3. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, vận động học sinh đến trường, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo;*
- 4. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi cộng đồng;*
- 5. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục;*
- 6. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước.*
- 7. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội.*
- 8. Tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục;*
- 9. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật”. [5,2]*

1.3.12. Định hướng phát triển trường THCS

Hiện nay có ba định hướng phát triển trường THCS là:

- Từ nền giáo dục THCS cho một bộ phận hoặc đại bộ phận trẻ em đến nền giáo dục THCS cho tất cả trẻ em trong độ tuổi.
- Từ nền giáo dục THCS còn phiến diện đến nền giáo dục THCS toàn diện, hội nhập với giáo dục thế giới và các nước trong khu vực.
- Từ nhà trường THCS chưa được chuẩn hóa đến nhà trường THCS được chuẩn hóa theo những quy định thống nhất trong toàn quốc.

1.4. Những tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

1.4.1. Những tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Ngày 26/02/2010 Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành “*Qui chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia*” kèm theo Thông tư số 06/2010/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, có hiệu lực thi hành từ ngày 12/4/2010. Theo đó, trường THCS đạt chuẩn quốc gia gồm 5 tiêu chuẩn sau:

Tiêu chuẩn 1 - Tổ chức nhà trường

1. Lớp học:

- a) Có đủ các khối lớp của cấp học.
- b) Có nhiều nhất là 45 lớp.
- c) Mỗi lớp có không quá 45 học sinh.

2. Tổ chuyên môn:

- a) Các tổ bộ môn được thành lập và hoạt động theo đúng các qui định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi chung là Điều lệ trường trung học).
- b) Hàng năm giải quyết được ít nhất hai chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy - học.
- c) Có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mỗi giáo viên và của cả tổ chuyên môn; đạt các qui định về đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo.

3. Tổ văn phòng:

a) Đảm nhận các công việc: văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế trường học được thành lập và hoạt động đúng theo các quy định của Điều lệ trường trung học.

b) Quản lý hệ thống hồ sơ, sổ sách của nhà trường. Hướng dẫn sử dụng theo quy định tại Điều lệ trường trung học và những quy định trong hướng dẫn sử dụng của từng loại sổ.

4. Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường :

Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường được thành lập và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ trường trung học và các qui định hiện hành; hoạt động có kế hoạch, nền nếp, đạt hiệu quả thiết thực góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng nền nếp kỷ cương của nhà trường.

5. Tổ chức Đảng và các đoàn thể:

a) Tổ chức Đảng trong nhà trường phải đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh. Những trường chưa có tổ chức Đảng phải có kế hoạch và đạt chỉ tiêu cụ thể về phát triển đảng viên trong từng năm học và xây dựng tổ chức cơ sở Đảng.

b) Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường được công nhận vững mạnh về tổ chức, tiên tiến trong hoạt động ở địa phương.

Tiêu chuẩn 2 - Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

1. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn quy định theo Điều lệ trường trung học; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; được cấp quản lý giáo dục trực tiếp xếp loại từ khá trở lên theo qui định về chuẩn hiệu trưởng trường trung học.

2. Có đủ giáo viên các bộ môn đạt trình độ chuẩn đào tạo theo quy định, trong đó ít nhất có 30% giáo viên đạt tiêu chuẩn dạy giỏi từ cấp cơ sở trở lên; có 100% giáo viên đạt chuẩn loại khá trở lên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học.

3. Có đủ giáo viên hoặc viên chức phụ trách thư viện, phòng học bộ môn, phòng thiết bị dạy học được đào tạo hoặc bồi dưỡng về nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tiêu chuẩn 3 - Chất lượng giáo dục

Một năm trước khi được công nhận và trong thời hạn được công nhận đạt chuẩn quốc gia, tối thiểu phải đạt các chỉ tiêu sau :

1. Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban hàng năm không quá 6%, trong đó tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 1%.

2. Chất lượng giáo dục:

a) Học lực:

- Xếp loại giỏi đạt từ 3% trở lên
- Xếp loại khá đạt từ 35% trở lên
- Xếp loại yếu, kém không quá 5%

b) Hạnh kiểm:

- Xếp loại khá, tốt đạt từ 80% trở lên
- Xếp loại yếu không quá 2%

3. Các hoạt động giáo dục:

Được đánh giá xếp loại tốt về tiêu chuẩn “*Trường học thân thiện, học sinh tích cực*” trong năm học liền trước khi công nhận. Thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT về thời gian tổ chức, nội dung các hoạt động giáo dục ở trong và ngoài giờ lên lớp.

4. Hoàn thành nhiệm vụ được giao trong kế hoạch phổ cập giáo dục trung học của địa phương.

5. Đảm bảo các điều kiện cho CBQL, giáo viên và học sinh sử dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà trường, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá. Tất cả CBQL, giáo viên đều sử dụng được máy vi tính trong công tác, học tập.

Tiêu chuẩn 4 - Cơ sở vật chất và thiết bị

1. Khuôn viên nhà trường là một khu riêng biệt, có tường rào, cổng trường, biển trường, tất cả các khu trong nhà trường được bố trí hợp lý, luôn sạch, đẹp. Đủ diện tích sử dụng để đảm bảo tổ chức tốt các hoạt động quản lý, dạy học và sinh hoạt.

a) Đối với trường trung học được thành lập trước năm 2002 phải đảm bảo :

- Các trường nội thành, nội thị và các vùng khó có diện tích sử dụng ít nhất từ $6m^2$ /học sinh trở lên.

- Các trường khu vực nông thôn có diện tích sử dụng ít nhất từ $10m^2$ /học sinh trở lên.

b) Đối với trường trung học được thành lập từ sau năm 2001 phải đảm bảo có diện tích mặt bằng theo đúng qui định tại Điều lệ trường trung học.

2. Có đầy đủ cơ sở vật chất theo quy định tại Điều lệ trường trung học.

Cơ cấu các khối công trình trong trường gồm:

a) Khu phòng học, phòng bộ môn:

- Có đủ số phòng học cho mỗi lớp học (không quá 2 ca mỗi ngày); diện tích phòng học, bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên, bảng đúng quy cách hiện hành; phòng học thoáng mát, đủ ánh sáng, an toàn.

- Có phòng y tế trường học đảm bảo theo quy định hiện hành về hoạt động y tế trong các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Có các phòng học bộ môn đảm bảo Qui định về phòng học bộ môn tại Quyết định số 37/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

b) Khu phục vụ học tập:

- Có thư viện đúng theo tiêu chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện trường học; chú trọng phát triển nguồn tư liệu điện tử gồm: Tài liệu, sách giáo khoa, giáo án, câu hỏi, bài tập, đề kiểm tra, đề thi, cập nhật thông

tin về giáo dục trong và ngoài nước, đáp ứng yêu cầu tham khảo của giáo viên và học sinh.

- Có phòng truyền thống, khu luyện tập thể dục thể thao, phòng làm việc của Công đoàn, phòng hoạt động của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh.

c) Khu văn phòng:

Có đủ phòng làm việc của Hiệu trưởng, phòng làm việc của từng Phó Hiệu trưởng, văn phòng nhà trường, phòng họp từng tổ bộ môn, phòng thường trực, kho.

d) Khu sân chơi sạch, đảm bảo vệ sinh và có cây bóng mát.

e) Khu vệ sinh được bố trí hợp lý, riêng cho giáo viên, học sinh nam, học sinh nữ, không làm ô nhiễm môi trường ở trong và ngoài nhà trường.

g) Có khu để xe cho giáo viên, cho từng lớp trong khuôn viên nhà trường, đảm bảo trật tự, an toàn.

h) Có đủ nước sạch cho các hoạt động dạy - học, các hoạt động giáo dục và nước sử dụng cho giáo viên, học sinh; có hệ thống thoát nước hợp vệ sinh.

3. Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học; có website thông tin trên mạng internet hoạt động thường xuyên, hỗ trợ có hiệu quả cho công tác dạy học và quản lý nhà trường.

Tiêu chuẩn 5 - Công tác xã hội hoá giáo dục

1. Nhà trường chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, các đoàn thể, tổ chức ở địa phương đề xuất những biện pháp cụ thể nhằm thực hiện chủ trương và kế hoạch phát triển giáo dục địa phương.

2. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng qui chế hiện hành, hoạt động có hiệu quả trong việc kết hợp với nhà trường và xã hội để giáo dục học sinh.

3. Mọi quan hệ và thông tin giữa nhà trường, gia đình và xã hội được duy trì thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ, tạo nên môi trường giáo dục lành

mạnh, phòng ngừa, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

4. Huy động hợp lý và có hiệu quả sự tham gia của gia đình và cộng đồng vào các hoạt động giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và điều kiện nâng cao hiệu quả giáo dục của nhà trường.

5. Thực hiện đúng các qui định về công khai điều kiện dạy học, chất lượng giáo dục, các nguồn kinh phí được đầu tư, hỗ trợ của nhà trường theo đúng qui định hiện hành.

1.4.2. Mối liên hệ của những qui định về tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia với những qui định về nhiệm vụ và quyền hạn của trường THCS.

Từ sự so sánh, đối chiếu những nội dung quản lý trường THCS có qui định ở Điều 58- Luật giáo dục (2005), Điều 3- Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (02/4/2007) với 5 tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia qui định ở Chương II - Qui chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia(26/02/2010), chúng ta nhận thấy những qui định này có sự thống nhất và có mối quan hệ mật thiết với nhau. Những yếu tố cơ bản trong quản lý, xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia được rút ra từ qui định của những văn bản trên là:

- Nâng cao nhận thức của CBQL, giáo viên, các lực lượng xã hội trong và ngoài nhà trường về việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

- Kế hoạch xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia cần phải được quan tâm xây dựng và thực hiện một cách chi tiết, cụ thể. Nó là một bộ phận không thể thiếu nằm trong kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường.

- Trong tổ chức và hoạt động của nhà trường cần quan tâm tới tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

- Kết hợp chỉ đạo các hoạt động của nhà trường với chỉ đạo thực hiện xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia theo những nội dung của 5 tiêu chuẩn.

- Thực hiện đầy đủ mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và qui định của ngành. Cụ thể là những qui định của Luật giáo dục (2005), Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (02/4/2007), Thông tư số 29/2009/TT-BGD&ĐT (22/10/2009) về “*Qui định chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*”, Thông tư số 30/2009/TT-BGD&ĐT về “*Qui định chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông*”.

- Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, thực hiện chương trình kiên cố hóa trường lớp học. Đồng thời cần sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí để mua sắm thiết bị giáo dục, sách thư viện trường học, phấn đấu xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục đạt chuẩn.

- Kết hợp với các lực lượng xã hội ở địa phương thực hiện xã hội hoá giáo dục, đẩy nhanh hơn nữa công tác xã hội hoá giáo dục, tổ chức cho nhà giáo, cán bộ, nhân viên và người học tham gia các hoạt động xã hội, góp phần tạo ra sự thống nhất và đồng thuận của toàn xã hội, địa phương trong việc tham gia xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

- Trong thực hiện kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cần tăng cường kiểm tra, đánh giá nhằm đề ra các biện pháp cần thiết để duy trì, củng cố, chấn chỉnh

và nâng cao những mặt công tác quản lý trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Ngành giáo dục và đào tạo đã tích cực triển khai chủ trương xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia. Phong trào xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia trên cả nước đã và đang trở thành việc làm chung của ngành giáo dục và của toàn xã hội và thu được những kết quả đáng ghi nhận.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp nhằm phát triển giáo dục từ nay đến 2010 đã được xác định là: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chuẩn quốc gia cho giáo dục bao gồm: chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với từng

cấp học và trình độ đào tạo, chuẩn các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục (đội ngũ giáo viên, giảng viên, CBQL và công nhân viên, sách giáo khoa và thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm, thư viện, khu giáo dục thể chất...) các yêu cầu cơ bản về đạo đức, tác phong và trách nhiệm của người học trước gia đình và xã hội. Hệ thống chuẩn là căn cứ để chỉ đạo thực hiện và đánh giá chất lượng giáo dục.

Chương 2

THỰC TRẠNG XÂY DỰNG CÁC TRƯỜNG THCS HUYỆN HÀ TRUNG THEO 5 TIÊU CHUẨN CỦA TRƯỜNG THCS ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

2.1. Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội huyện Hà Trung

2.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên.

Huyện Hà Trung thuộc tỉnh Thanh Hoá, nằm ở phía đông bắc của tỉnh. Phía bắc giáp tỉnh Ninh Bình, phía nam giáp huyện Hậu Lộc, phía đông giáp huyện Nga Sơn, phía tây giáp hai huyện Thạch Thành và Vĩnh Lộc. Tọa độ địa lý của huyện là 19⁰57'30'' đến 20⁰10'00'' độ vĩ bắc, 105⁰45' đến 105⁰58' độ kinh đông.

Trước Cách mạng Tháng Tám - 1945, huyện Hà Trung có 7 tổng: Nam Bạn, Đông Bạn, Ngọ Xá, Thanh Xá, Trung Bạn, Thượng Bạn, Phi Lai.

Sau Cách mạng Tháng Tám chia thành 10 xã: Tân Tiến, Lĩnh Tráng, Ngọc Âu, Lĩnh Toại, Hoạt Giang, Long Khê, Hoà Bình, Yên Sơn, Thái Lai, Tống Giang.

Từ năm 1982 thị trấn Bim Sơn và một phần xã Hà Lan đã tách khỏi Hà Trung và trở thành thị xã Bim Sơn trực thuộc tỉnh.

Hà Trung có diện tích 307 kilômét vuông, trong đó có 8 026 ha đất canh tác, 8 011 ha đất rừng, 1 412 ha đất đồi trọc và 2 177 ha núi đá vôi, còn lại là mặt nước. Dân số Hà Trung có khoảng 119 900 người (thống kê ngày 01/4/1999). Huyện có một thị trấn, 24 xã mà tên riêng đều bắt đầu bằng từ “Hà”. Các xã được nối với nhau bởi hệ thống đường quốc lộ 1A chạy giữa huyện theo hướng bắc – nam, các đường tỉnh lộ số 13, số 7, và các đường liên xã. Hà Trung có thời gian sáp nhập với Nga Sơn thành huyện Trung Sơn, sau đó lại tách ra thành huyện Hà Trung như ngày nay.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Hà Trung là một vùng đất được hình thành từ rất sớm. Dân cư đã trải qua một quá trình lâu dài lao động sản xuất xây dựng quê hương. Cộng đồng dân

cư có hai tộc người: người Kinh cư trú trên địa bàn các xã và thị trấn, người Mường cư trú ở xã Hà Long.

Di chỉ khảo cổ Cồn Cổ Ngựa (thuộc xã Hà Lĩnh) là di chỉ thuộc văn hoá Đa Bút. Tại đây nhiều công cụ bằng đá như rìu, đục, chày nghiền, bàn nghiền, hòn kê, hòn ghè, dao đá... của người nguyên thủy đã được tìm thấy. Dấu tích khảo cổ cho thấy rằng cư dân nguyên thủy giai đoạn sớm ở đây vẫn coi hái lượm là hoạt động kinh tế quan trọng.

Bên cạnh việc phát triển kinh tế, nhân dân Hà Trung còn xây dựng nền văn hoá quê hương. Do chịu ảnh hưởng của Nho giáo, Phật giáo và các tín ngưỡng khác, từ xưa đã có đội ngũ sĩ tử chuộng sách và đạo thánh hiền. Nhân dân lao động trọng nông mà ít buôn bán. Nghi lễ vừa theo mẫu mực Nho giáo, vừa theo những phong tục tập quán khác.

Hà Trung là nơi phát tích của Nhà Nguyễn và Nhà Hồ. Hiện nay trên địa bàn huyện Hà Trung còn lưu lại nhiều di tích lịch sử.

Từ xa xưa đã có nhiều sinh hoạt văn hoá - xã hội. Các hoạt động văn nghệ dân gian như múa lân, hát tuồng, hò sông Mã... được diễn ra ở đình làng. Trong huyện có nhiều đình lớn như: Gia Miêu (Hà Long), Đồng Bông (Hà Tiến), Quan Chiêm (Hà Giang), Phúc Lâm (Hà Lâm)... Từ xưa dân gian đã có câu: “ *Đình huyện Tống, trống huyện Nga*”.

Hà Trung từng là nơi có các hoạt động quân sự thời Lê - Mạc thế kỷ XVI, thời Trịnh – Nguyễn thế kỷ XVII. Nhân dân Hà Trung đã tham gia phong trào Cần Vương (cuối thế kỷ XIX), khởi nghĩa Ba Đình...

Trải qua lịch sử đấu tranh và xây dựng cuộc sống, nhân dân Hà Trung dốc sức lao động, chinh phục thiên nhiên. Hà Trung có những tiềm năng phát triển nông nghiệp lúa nước. Những cây trồng chính là lúa, ngô, sắn, khoai lang. Bên cạnh đó có những cây công nghiệp ngắn ngày như mía, thuốc lá, lạc, vừng... Những động vật nuôi phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt chủ yếu là trâu, bò, lợn, dê, gà, vịt, cá...

Ngành tiểu thủ công nghiệp có sản phẩm chủ yếu là công cụ cầm tay, than,, gạch ngói, vôi, đồ gỗ. Có một số nơi người nông dân còn có nghề phụ

là dệt vải. Nhìn chung khả năng phát triển kinh tế chính của huyện Hà Trung là nông nghiệp lúa nước và tiểu thủ công nghiệp.

2.2. Tình hình giáo dục trên địa bàn huyện Hà Trung

2.2.1. Về quy mô:

Trong năm học 2009 – 2010 toàn huyện có 81 trường phổ thông các cấp với 25 387 em học sinh, trong đó có 23 trường THCS với 7 320 em học sinh.

Bảng 2.1: Tổng số trường, lớp, học sinh (năm học 2009-2010).

Cấp học	Số trường	Số lớp	Số học sinh
Mầm non	25	Nhà trẻ : 50 Mẫu giáo : 142	4556
TH	29	300	7 511
THCS	23	228	7 320
TTGDTX	01	16	639
THPT	03	117	5 361
Cộng	81	853	25 387

(Nguồn thống kê Phòng GD&ĐT huyện Hà Trung, tháng 5/2010)

2.2.2. Về xây dựng các điều kiện phục vụ hoạt động giáo dục

Các trường học trong toàn huyện phần lớn có nhà cao tầng mới được xây dựng trong những năm gần đây, cơ bản đáp ứng được nhu cầu về phòng học tuy chưa thực sự tiện nghi, không còn lớp học ca ba. Hầu hết các nhà trường phổ thông đều có khuôn viên độc lập, trồng nhiều cây xanh có bóng mát ở sân trường.

Tuy nhiên ở một số trường vẫn còn tồn tại những dãy nhà cấp bốn cũ nát. Những dãy nhà này có khi không còn sử dụng nhưng vẫn chưa được dỡ bỏ, có nguy cơ đổ sập bất cứ lúc nào. Phần lớn các trường dành những khu nhà kiên cố làm phòng học cho học sinh, còn phòng Ban Giám hiệu, văn phòng, các phòng khác... còn là những nhà cấp bốn tạm bợ, không cố định.

Bảng 2.2: Tổng hợp tình hình cơ sở vật chất

Cấp học	Phòng học			Phòng chức năng				Phòng khác	Phòng BGH	Văn phòng
	Tổng	Kiên cố	Cấp bốn	Thư viện	Lý	Hóa	Sinh			
MN	192	122	70					13	20	09
TH	300	279	21	30					52	37
THCS	242	232	10	18	06	10		11	39	21
TTGDTX	16	08	08	01				03	01	01
THPT	100	100		03				07	08	03
Cộng	850	741	109	52	06	10		34	120	71

(Nguồn: thống kê Phòng GD&ĐT Hà Trung, tháng 5/2010)

Các nhà trường nói chung đã rất cố gắng tranh thủ sự giúp đỡ, ủng hộ của chính quyền địa phương, của nhân dân và các cơ quan, đơn vị đóng trên địa nhằm đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất trường học.

2.2.3. Về xây dựng và phát triển đội ngũ

Từ chỗ đội ngũ giáo viên thiếu không đồng bộ về cơ cấu, đến nay đội ngũ giáo viên các cấp học đều khá ổn định, đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp và chuẩn hóa trình độ đào tạo.

Bảng 4 cho chúng ta thấy tỷ lệ giáo viên ở tất các bậc học đều đạt chuẩn, trong đó tỷ lệ giáo viên và CBQL trên chuẩn khá cao. Cụ thể là:

- Bậc mầm non: giáo viên đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 40%.
- Bậc tiểu học : giáo viên đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 64,4%.
- Bậc THCS: giáo viên đạt chuẩn 97,0%, trên chuẩn 59,3%.
- Trung tâm giáo dục thường xuyên: giáo viên đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 3,1%.
- Bậc THPT: giáo viên đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 20,8%.

Các CBQL và giáo viên các nhà trường đều có tinh thần hiếu học để phấn đấu vươn lên. Trong những năm gần đây số người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ngày càng tăng, đáp ứng yêu cầu về điều kiện, tiêu chuẩn của cán bộ, công chức, viên chức và phù hợp với xu hướng phát triển chung của toàn ngành, phát huy truyền thống của một vùng đất hiếu học hàng đầu của tỉnh Thanh Hoá. Đó là nhân tố có vai trò quyết định để xây dựng phong trào giáo dục huyện Hà Trung luôn là đơn vị xuất sắc của ngành giáo dục đào tạo tỉnh Thanh Hóa trong nhiều năm gần đây.

Bảng 2.3: Tổng hợp về tình hình đội ngũ toàn ngành.

Cấp học	Tổng số	CBQL			Giáo viên			Nhân viên	Số giáo viên chưa đạt chuẩn	
		Số lượng	Trên chuẩn		Số lượng	Trên chuẩn			Số lượng	Tỷ lệ
			Số lượng	Tỷ lệ		Số lượng	Tỷ lệ			
MN	358	53	42	79,2%	305	122	40%			
TH	613	57	55	96,4%	526	339	64,4%	30		
THCS	626	45	42	93,3%	536	318	59,3%	45	16	2,98%
TTGDT X	37	03	02	66,6%	32	01	3,1%	02		
THPT	229	09	07	77,7%	201	42	20,8%	19		
Cộng	1 863	167	148	88,6%	1600	822	51,3%	96	16	0,85%

(Nguồn Tổ chức cán bộ Phòng GD&ĐT Hà Trung, tháng 5/2010).

2.2.4. Về chất lượng giáo dục

- Đạo đức: Đại bộ phận học sinh chăm ngoan. Số học sinh chăm học, yêu mến trường lớp, kính trọng thầy cô giáo, có ý chí vươn lên trong học tập, tu dưỡng ngày càng nhiều, rất ít học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu kém.

- Văn hóa:

+ Giáo dục mầm non: Các trường mầm non, bao gồm nhà trẻ và mẫu giáo, đã nuôi và chăm sóc các cháu tại trường. Chế độ theo dõi sức khỏe được quan tâm thường xuyên. Các trường mầm non còn tổ chức nhiều hình thức hoạt động

như: hội giảng, hội thảo, thực tập theo cụm trường, hội thi “Bé tập làm nội trợ”, “Gia đình và dinh dưỡng trẻ thơ”... đạt kết quả tốt, góp phần vào việc phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ khoa học cho phụ huynh và nhân dân.

+ Giáo dục phổ thông: Qua khảo sát, số liệu thống kê cho chúng ta thấy rằng chất lượng học tập các môn văn hoá của học sinh THCS nói chung ổn định và ngày càng nâng lên rõ rệt. Tỷ lệ học sinh xếp loại khá giỏi ở hầu hết các trường đều đạt tiêu chuẩn qui định. Tính riêng trong số 13 trường THCS chưa đạt chuẩn quốc gia thì chỉ có 1 trường (Trường THCS Hà Phong) là chưa đạt chuẩn quy định về tỉ lệ giỏi, 12 trường khác đều đã đạt tiêu chuẩn này. Tuy nhiên tỉ lệ học sinh yếu kém cao hơn chuẩn qui định còn nhiều. Trong số 13 trường THCS chưa đạt chuẩn quốc gia nói trên thì chỉ có 4 trường (Hà Sơn, Hà Bắc, Hà Ninh, Hà Giang) là có tỷ lệ học sinh yếu kém không quá 5% theo quy định.

Bảng 2.4. Chất lượng giáo dục của 13 trường THCS chưa đạt chuẩn.

	Trường THCS												
Chất lượng giáo dục	Hà Yên	Hà Long	Hà Sơn	Hà Lĩnh	Hà Vinh	Hà Lâm	Hà Phong	Hà Bắc	Hà Thái	Hà Châu	Hà Ninh	Hà Giang	Hà Đông
Tỉ lệ giỏi	10,3	3,2	5,2	5,0	3,1	5,0	1,0	5,7	5,3	12,6	10,0	7,0	3,0
Tỉ lệ khá	32,6	33,7	40,2	35,2	34,9	36,2	32,0	32,0	35,0	44,1	32,0	34,4	35,0
Tỉ lệ yếu kém	7,3	10,0	4,5	10,6	10,3	6,5	8,0	3,7	5,2	5,2	4,0	4,8	10,0

(Nguồn: theo số liệu điều tra, khảo sát tại Hà Trung)

Thành tích nổi bật trong 10 năm qua của ngành giáo dục huyện Hà Trung là hiện nay huyện đang dẫn đầu trong toàn ngành giáo dục tỉnh Thanh Hoá vì có số lượng nhiều nhất các nhà trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia (51/80), số học sinh giỏi tỉnh và học sinh trúng tuyển vào các trường đại học ngày càng tăng.

Học sinh giỏi các cấp, học sinh trúng tuyển vào các trường đại học được thể hiện ở bảng 6.

Bảng 2.5. Số học sinh giỏi, trúng tuyển thi đại học qua các năm học.

Năm học	Học sinh giỏi huyện	Học sinh giỏi tỉnh	Học sinh giỏi quốc gia	Học sinh trúng tuyển đại học
2004 – 2005	495	85		396
2005 – 2006	509	79	02	425
2006 – 2007	556	34		505
2007 – 2008	559	43		609
2008 – 2009	577	95	04	443

(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm học của Phòng GD&ĐT Hà Trung)

2.3. Quá trình xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung và những thành tựu đã đạt được.

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và của ngành giáo dục, phong trào xây dựng trường chuẩn quốc gia ở các ngành học, cấp học nói chung và xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2001-2010 nói riêng đã phát triển mạnh mẽ trên khắp cả nước. Ở Thanh Hóa việc xây dựng trường trung học đạt chuẩn quốc gia đã thu được rất nhiều kết quả tốt đẹp. Tính đến tháng 01 năm 2010 toàn tỉnh có 624 trường đạt chuẩn quốc gia (trong đó: mầm non: 126 trường, tiểu học: 398 trường, THCS: 92 trường, THPT: 8 trường). Trường THPT dân tộc nội trú của tỉnh là trường chuẩn quốc gia đầu tiên của cả nước.

Việc xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung đã được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện. Ngay sau khi có các Quyết định của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy chế công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia, các cấp học, bậc học và cán bộ nhân dân

trong toàn huyện đã hưởng ứng mạnh mẽ. Nhiều đơn vị đã vượt khó khăn có hướng đi đúng hợp lòng dân và cha mẹ học sinh, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia với độ tin cậy cao của các tiêu chuẩn. Ban chỉ đạo xây dựng trường chuẩn quốc gia được thành lập từ huyện đến các xã, thị trấn, phát huy rõ nét vai trò là cơ quan tham mưu cho cấp uỷ Đảng, chính quyền, chỉ đạo các nhà trường và tổ chức vận động toàn dân thực hiện mục tiêu quan trọng này. UBND huyện Hà Trung và ngành giáo dục xác định công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia là một nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Tính đến tháng 5/2010 toàn huyện Hà Trung đã có 51 trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 63,75% so với tỷ lệ chung của toàn tỉnh là 29,49%. Trong đó mầm non: 13/25 (52%); tiểu học: 27/29 (93,1%); THCS: 10/23 (43,4%); THPT: 1/3 (33,3%).

Bảng 2.6. Số trường học đạt chuẩn quốc gia đến tháng 5/2010 của huyện Hà Trung.

Cấp học	Số trường	Mục tiêu	Số trường đã đạt	Số trường cần đạt 5 năm tới
MN	25	25	13	05
TH	29	29	27	02
THCS	23	23	10	05
THPT	03	03	01	01
Cộng	80	80	51	13

(Nguồn: Phòng GD&ĐT Hà Trung, tháng 5/2010).

Tính đến tháng 5/2010 huyện Hà Trung đang là địa phương dẫn đầu của tỉnh Thanh Hoá về kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia.

2.4. Thực trạng các trường THCS huyện Hà Trung theo 5 tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Chúng tôi đã khảo sát bằng phiếu hỏi tất cả 23 trường THCS ở huyện Hà Trung một cách chi tiết dựa theo 5 tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia đã được quy định. Kết quả cụ thể như sau:

2.4.1. Tiêu chuẩn 1 – Tổ chức nhà trường.

a) Về lớp học: Tất cả các nhà trường THCS đều có đủ các khối lớp. Trường có số lớp ít nhất là 06 (Trường THCS Hà Phong), trường có số lớp nhiều nhất là 19 (Trường THCS Lý Thường Kiệt). Số lớp trong 1 khối ít nhất là 02 và nhiều nhất là 06. Số học sinh/lớp cơ bản là đảm bảo theo qui định vì số lượng học sinh nói chung là ít. Số trường có học sinh/lớp thấp nhất là 25 và trường có số học sinh /lớp cao nhất là 37. Xu hướng chung trong toàn huyện là số học sinh ở tất cả các bậc học, số lớp và tỷ lệ học sinh/lớp ngày càng giảm do chính sách dân số và việc di dân, đi làm ăn ở các địa phương khác.

Bảng 2.7. Tình hình lớp, học sinh cấp THCS

Năm học	Số trường	Số lớp	Số học sinh	Học sinh /lớp
2005-2006	24	303	12 036	39,7
2006-2007	24	285	10 854	38,0
2007-2008	23	265	9 427	35,5
2008-2009	23	241	8191	33,9
2009-2010	23	228	7 320	32,1

(Nguồn thống kê Phòng GD&ĐT huyện Hà Trung, tháng 5/2010)

b) Về tổ chức chuyên môn: Trong số 23 trường:

- Có 2 tổ chuyên môn: 10 trường ($10/23 = 43,4 \%$)
- Có 3 tổ chuyên môn: 10 trường ($10/23 = 43,4 \%$)
- Có 4 tổ chuyên môn: 2 trường ($2/23 = 8,69\%$)
- Có 5 tổ chuyên môn: 1 trường ($1/23 = 4,34 \%$)

Các trường có 2 tổ chuyên môn là tổ Khoa học tự nhiên và tổ Khoa học xã hội. Ở các trường khác hầu hết các tổ chuyên môn là các tổ ghép môn dựa vào hành chính sự vụ. Phần lớn các nhà trường đã có các tổ chuyên môn giải quyết được những nội dung chuyên môn có tác dụng nâng cao trình độ và kinh nghiệm cho giáo viên, chất lượng và hiệu quả dạy- học. Các trường đã có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cho giáo

viên, đạt chỉ tiêu về bồi dưỡng thường xuyên trong năm học. Tuy nhiên, phần lớn các tổ chuyên môn chưa đảm bảo yêu cầu sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ có chiều sâu và nền nếp đều đặn.

c) Tổ văn phòng:

Hiện nay vẫn còn có 5 trường THCS chưa có Tổ văn phòng ($5/23 = 21,7\%$). Một số trường khác tuy có Tổ văn phòng nhưng chưa có đủ số nhân viên hành chính theo Điều lệ nhà trường quy định. Tổ văn phòng ở các trường đã có hồ sơ quản lý nhưng chưa đầy đủ và chất lượng chưa cao, chưa đảm bảo quy định về mặt hành chính. Chất lượng công việc cũng còn hạn chế.

d) Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường:

17/23 (73,9%) trường THCS có đủ các hội đồng theo quy định. Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhiều nhà trường hoạt động tốt, đạt hiệu quả thiết thực và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng nền nếp kỷ cương của nhà trường. Tuy vậy hiệu quả hoạt động của các hội đồng trong nhà trường chưa cao, nền nếp sinh hoạt chưa thường xuyên và đều đặn.

e) Tổ chức Đảng và các đoàn thể:

Tất cả 23/23 nhà trường có Chi bộ riêng. Tổng số đảng viên trong các trường THCS toàn huyện là 412 người ($412/629 = 65,5\%$ tổng số cán bộ giáo viên), 100% các chi bộ trường THCS được xếp loại trong sạch, vững mạnh.

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Chi hội chữ thập đỏ, Chi hội khuyến học hoạt động khá nền nếp nhưng hiệu quả hoạt động chưa cao và chưa có chiều sâu.

Từ bảng 9 cho thấy: có 17/23 (73,9%) trường THCS đạt tiêu chuẩn 1, 6/23 (26%) trường chưa đạt tiêu chuẩn 1. Nguyên nhân chủ yếu là:

- Tổ văn phòng không đủ số người theo quy định, kết quả và chất lượng hoạt động còn thấp, cơ sở vật chất trang thiết bị làm việc trong các văn phòng còn quá thiếu thốn.

Bảng 2.8. Tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chuẩn 1.

Nội dung tiêu chuẩn 1	Số trường đạt		Số trường chưa đạt	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1. Lớp học				
a. Có đủ các khối lớp	23	100%		
b. Có nhiều nhất 45 lớp	23	100%		
c. Mỗi lớp có không quá 45 học sinh	23	100%		
2. Tổ chuyên môn	23	100%		
a. Các tổ bộ môn được tổ chức và hoạt động theo đúng các qui định.	23	100%		
b. . Hàng năm giải quyết được ít nhất 1 nội dung chuyên môn có tác dụng	22	95,6%	1	4,4%
c. Có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho giáo viên	23	100%		
3. Tổ văn phòng				
a. Được tổ chức và hoạt động theo đúng các qui định của Điều lệ nhà trường.	19	82,6%	4	17,3%
b. Quản lý, sử dụng tốt hồ sơ, sổ sách	20	86,9%	3	13%
4. Hội đồng trường và các hội đồng khác	23	100%		
5. Tổ chức Đảng và đoàn thể				
a. Chi bộ Đảng trong sạch vững mạnh	23	100%		
b. Có đủ các tổ chức đoàn thể và hoạt động vững mạnh, tiên tiến.	23	100%		
Tổng hợp chung về tiêu chuẩn 1	17	73,9%	6	26%

(Nguồn khảo sát, tính đến tháng 5/2010)

- Hoạt động của các tổ chuyên môn và các hội đồng chưa có chiều sâu, hiệu quả hoạt động chưa cao. Vẫn còn một vài trường THCS chưa có sinh hoạt báo cáo chuyên đề chuyên môn, hoặc còn làm sơ sài, chưa thiết thực.

2.4.2. Tiêu chuẩn 2 – CBQL, giáo viên và nhân viên.

a) Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng

Từ bảng 10 chúng ta có nhận xét:

- Đối với Hiệu trưởng: 100% đạt chuẩn về chuyên môn, trong đó 58,9% trên chuẩn, 89,7% số Hiệu trưởng đã được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý, 100% có trình độ chính trị từ trung cấp trở lên.

- Đối với Phó Hiệu trưởng: 100% đạt chuẩn về chuyên môn, 91,2% trên chuẩn; 81,2% Phó Hiệu trưởng đã được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý.

Bảng 2.9. Tổng hợp tình hình cán bộ quản lý.

Chức danh	Tổng	Nữ	Đảng viên	Trình độ					
				Chuyên môn		Chính trị		Quản lý	
				ĐH	CĐ	ĐH	TC	Đã BD	Chưa BD
Hiệu trưởng	78	53	78	46	24		78	70	08
P.hiệu trưởng	80	49	80	73	07		61	65	15
<i>Cộng</i>	158	102	158	119	31		139	143	23

(Nguồn tổ chức cán bộ Phòng GD&ĐT huyện Hà Trung, tháng 5/2010)

Tuy vậy đội ngũ CBQL ở các Trường THCS chưa có người nào được đào tạo chính trị ở trình độ đại học. Số Phó Hiệu trưởng còn chưa được bồi dưỡng về chính trị là 19 người (23,7%), chưa được bồi dưỡng về quản lý là 15 người (18,7%).

Như vậy vấn đề đặt ra là cần phải chú trọng bồi dưỡng cho đội ngũ CBQL giáo dục THCS cả về trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, trình độ ngoại ngữ, tin học, quản lý hành chính nhà nước và pháp luật.

b) Giáo viên các bộ môn:

Bảng 2.10. Tổng hợp về đội ngũ giáo viên THCS huyện Hà Trung

Số lớp	Tổng số giáo viên	Giáo viên văn hoá		Số giáo viên còn thiếu			Giáo viên khác hiện có				Trình độ đào tạo	
		TN	XH	Tổng	TN	XH	Nhạc	TD	NN	Tin	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn
228	536	223	200				19	28	55	11	520	16

(Nguồn Tổ chức cán bộ Phòng GD&ĐT Hà Trung, tháng 5/2010)

Từ bảng 11 cho chúng ta thấy:

- Toàn cấp THCS không còn thiếu giáo viên văn hóa. Như vậy nhu cầu về số lượng giáo viên văn hoá đã được thoả mãn. Tuy nhiên giáo viên đặc thù (nhạc, họa, tin) không đủ số lượng theo quy định. Cùng với những khó khăn khác, có trường chưa bố trí được việc giảng dạy tin học, trong đó có cả những trường THCS đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Số giáo viên có trình độ đạt chuẩn là 520/536 (97,0%), số giáo viên chưa đạt chuẩn là 16/536 (2,98%). Như vậy, giáo dục THCS ở huyện Hà Trung có thuận lợi rất cơ bản là đã có đội ngũ giáo viên đạt chuẩn gần như toàn bộ 100%.

Qua khảo sát các trường THCS chúng ta còn có các số liệu sau:

- Có 23/23 (100%) trường đạt tỷ lệ giáo viên giỏi từ cấp huyện, cấp tỉnh là 30% trở lên.

Bảng 2.11. Tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chuẩn 2

Nội dung tiêu chuẩn 2	Số trường đạt		Số trường chưa đạt	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn	23	100%		
2. Giáo viên bộ môn có đủ và đạt chuẩn				
2a. Có 30% trở lên giáo viên dạy giỏi	23	100%		
2b. Có 100% giáo viên đạt chuẩn loại khá trở lên	20	86,9%	3	13%
3. Nhân viên thư viện, phòng học bộ môn, phòng thiết bị dạy học được đào tạo, bồi dưỡng	15	65,2%	8	34,7%
<i>Tổng hợp chung về tiêu chuẩn 2</i>	14	60,8%	9	39,1%

(Nguồn khảo sát, tính đến tháng 5/2010)

- Nhân viên phụ trách thư viện, phòng thí nghiệm chỉ có 45 người, ở một số nhà trường khác do giáo viên kiêm nhiệm. Đây là một mảng còn yếu, thiếu người phụ trách công việc và hệ quả là chất lượng của hoạt động thư viện, thiết bị dạy học còn nhiều hạn chế.

Tổng hợp về kết quả thực hiện tiêu chuẩn 2 được thể hiện ở bảng 12.

Từ bảng 12 chúng ta có nhận xét: Toàn huyện có 14/23 (60,8%) trường THCS đạt tiêu chuẩn 2, còn 9/23 (39,1%) trường THCS chưa đạt tiêu chuẩn này.

Lý do các trường chưa đạt tiêu chuẩn này là các trường còn thiếu giáo viên hoặc viên chức phụ trách thư viện, phòng học bộ môn, phòng thiết bị dạy học, hoặc số giáo viên, viên chức này chưa được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ.

2.4.3. Tiêu chuẩn 3 – Chất lượng giáo dục

a) Tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban: 22/23 (95,6%) trường THCS có tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban hàng năm không quá 6%, trong đó tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 1%. Còn lại 1 trường (4,4%) không đạt tiêu chuẩn này.

b) Chất lượng giáo dục:

Qua thống kê về xếp loại học lực và hạnh kiểm cho thấy cấp THCS toàn huyện đã đạt chuẩn về chất lượng giáo dục, cả về xếp loại học lực và hạnh kiểm. Tuy nhiên, nếu xét theo từng trường THCS thì còn 1/23 (4,4%) trường chưa đạt chuẩn yêu cầu về học lực (chủ yếu là không đảm bảo tỷ lệ học sinh khá giỏi).

Kết quả xếp loại học lực cấp THCS thể hiện ở bảng 13.

Bảng 2.12. Kết quả xếp loại học lực cấp THCS

Năm học	Tổng số học sinh	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu, kém	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
2004 – 2005	13 164	1 098	8,34	5 079	38,5	6 624	50,3	363	2,75
2005 – 2006	12 036	890	7,4	4 535	37,6	6 189	51,5	422	3,5
2006 – 2007	10 854	622	5,7	3 295	30,3	5 235	48,0	1 702	16,0
2007 – 2008	9 427	587	6,2	2 842	30,2	4 693	49,8	1 305	13,8
2008 - 2009	8 191	606	7,4	2 813	34,33	4 008	48,93	764	9,4

(Nguồn báo cáo tổng kết các năm học của Phòng GD&ĐT Hà Trung)

c) Các hoạt động giáo dục:

Đã có 22/23 (95,6%) trường THCS được đánh giá, xếp loại khá, tốt về tiêu chuẩn “*Trường học thân thiện, học sinh tích cực*”. Đây là điều rất đáng khích lệ khi tiêu chí này mới được bổ sung thêm theo Quy chế mới (2010). Tuy nhiên vấn đề này cũng cần phải được các trường phát huy và đẩy mạnh phong trào hơn nữa thì mới có bề sâu.

Tất cả các trường đều đã thực hiện đúng quy định của Bộ về thời gian tổ chức và nội dung các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, tổ chức được hoạt động tập thể theo quy mô toàn trường, trường tổ chức ít nhất là 1 lần/năm học, trường tổ chức nhiều nhất là 4 lần/năm học. Một số trường nội dung, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp chưa phong phú, chưa tận dụng, khai thác tốt tiềm năng về truyền thống văn hoá rất có giá trị của địa phương.

Bảng 2.13. Kết quả xếp loại hạnh kiểm cấp THCS

Năm học	Tổng số HS	Tốt		Khá		TB		Yếu	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
2004 – 2005	13 164	8 303	63,2	4 143	31,4	677	5,1	41	0,3
2005 – 2006	12 036	8 071	67,1	3 290	27,3	644	5,4	31	0,2
2006 – 2007	10 854	6 594	60,7	2 986	27,5	1 162	10,7	112	1,1
2007 – 2008	9 427	5 938	63,0	2 566	27,2	854	9,1	69	0,7
2008 - 2009	8 191	5 293	64,6	2 168	26,5	693	8,4	37	0,5

(Nguồn báo cáo tổng kết các năm học của Phòng GD&ĐT Hà Trung)

d) Nhiệm vụ phổ cập giáo dục THCS.

Toàn huyện đã có tất cả các xã, thị trấn hoàn thành phổ cập giáo dục THCS. Huyện Hà Trung là một trong những huyện dẫn đầu trong tỉnh, đã được công nhận là huyện hoàn thành phổ cập THCS vào năm 2002.

Bảng 2.14. Tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chuẩn 3

Nội dung tiêu chuẩn 3	Số trường đạt		Số trường chưa đạt	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1. Tỷ lệ bỏ học không quá 1%, lưu ban không quá 5%.	22	95,6%	1	4,4%
2. Chất lượng giáo dục				
a) Học lực:				
- Xếp loại giỏi đạt từ 3% trở lên	22	95,6%	1	4,4%
- Xếp loại giỏi đạt từ 35% trở lên	17	73,9%	6	26%
- Xếp loại yếu, kém không quá 5%	19	82,6%	4	17,3%
b) Hạnh kiểm				
- Xếp loại khá, tốt đạt từ 80% trở lên	23	100%		
- Xếp loại yếu không quá 2%	23	100%		
3.a) Được đánh giá xếp loại tốt về tiêu chuẩn “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”	22	95,6%	1	4,4%
3.b) Thực hiện đúng qui định về tổ chức, nội dung các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ lên lớp.	23	100%		
4. Hoàn thành nhiệm vụ phổ cập giáo dục	23	100%		
5. Đảm bảo các điều kiện về sử dụng công nghệ thông tin	20	86,9%	3	13%
<i>Tổng hợp chung về tiêu chuẩn 3</i>	14	60,8%	9	39,1%

(Nguồn khảo sát, tính đến tháng 5/2010)

Từ bảng 15 cho thấy: Đã có 14/23 (60,8%) trường THCS đạt tiêu chuẩn 3 còn 9/23 (39,1%) trường THCS chưa đạt tiêu chuẩn này.

Những lý do mà các trường chưa đạt được tiêu chuẩn này là:

- Có 1 trường do tỉ lệ học sinh bỏ học và lưu ban còn cao hơn qui định.
- Chưa đảm bảo tỷ lệ học sinh khá, giỏi do đây là địa bàn dân cư nông thôn, học sinh còn nhiều thiệt thòi về điều kiện và phương tiện học hành.
- Chưa đảm bảo các quy định của tiêu chuẩn về các điều kiện cho CBQL, giáo viên và học sinh sử dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác

quản lý nhà trường, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá. Tất cả CBQL, giáo viên đều sử dụng được máy tính trong công tác, học tập.

2.4.4. Tiêu chuẩn 4 – Cơ sở vật chất và thiết bị

Trên địa bàn huyện Hà Trung tất cả các trường THCS đều được thành lập trước khi có Quy chế công nhận trường Trung học đạt chuẩn quốc gia. Thực tế đây là tiêu chuẩn khó khăn nhất với các trường THCS trên một huyện có đa số là dân cư sống bằng kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước còn nghèo nàn. Ngay cả những trường đã được công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia theo Quy chế cũ (2001) cũng cần tiếp tục hoàn thiện các hạng mục của tiêu chuẩn này, nếu không thì sẽ không giữ được danh hiệu khi kiểm định lại theo Quy chế (2010) hiện hành.

Bảng 2.15. Tổng hợp kết quả thực hiện tiêu chuẩn 4.

Nội dung tiêu chuẩn 4	Số trường đạt		Số trường chưa đạt	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1. Khuôn viên nhà trường				
a) Trường học là một khu riêng biệt, có tường rào, cổng trường, biển trường	19	82,6%	4	17,3%
b) Tổng diện tích mặt bằng đạt 10m ³ /học sinh trở lên (vùng nông thôn)	21	91,3%	2	8,6%
2. Cơ cấu khối công trình				
a. Khu phòng học, phòng học bộ môn	21	91,3%	2	8,6%
b. Khu phục vụ học tập	14	60,8%	9	39,1%
c. Khu văn phòng	12	52,1%	11	47,8%
d. Khu sân chơi sạch, đảm bảo vệ sinh và có cây bóng mát	22	95,6%	1	4,3%
e. Khu vệ sinh hợp lý	22	95,6%	1	4,3%
g. Khu để xe cho giáo viên, cho từng lớp	21	91,3%	2	8,6%
h. Có đủ nước sạch và hệ thống thoát nước hợp vệ sinh.	18	78,2%	5	21,7%
3. Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học.	13	56,5%	10	43,4%
<i>Tổng hợp chung về tiêu chuẩn 4</i>	8	34,7%	15	65,2%

(Nguồn khảo sát, tính đến tháng 5/2010)

Số liệu khảo sát ở bảng 16 cho chúng ta thấy rằng: Hiện tại có 8/23 trường THCS đạt tiêu chuẩn này (chiếm tỷ lệ 34,7%), có 15/23 (65,2%) số trường THCS chưa đạt. Những khó khăn về cơ sở vật chất của các nhà trường chủ yếu là còn thiếu thốn những hạng mục sau đây:

Đối với 13 trường chưa đạt chuẩn đều không có phòng y tế đúng qui định (100%), không có phòng nghe nhìn (100%), có 6/13 trường chưa có phòng thí nghiệm, phòng bộ môn, 7 trường còn lại chỉ có 2 trường có 2 phòng thí nghiệm, phòng bộ môn, còn 5 trường chỉ có mỗi trường 1 phòng thí nghiệm hoặc phòng bộ môn.

Các phòng học nhìn chung là đủ về số phòng và diện tích (do số học sinh ngày càng giảm), nhưng không phải tất cả là kiên cố mà còn khá nhiều phòng học đã cũ nát, thậm chí nguy hiểm vì chúng có thể đổ sụp bất kỳ lúc nào.

Phòng học bộ môn: hiện tại còn 1/23 trường THCS chưa có phòng học bộ môn (4,3%), còn lại tất cả các trường đều đã có từ 1 đến 4 phòng học bộ môn.

Khu văn phòng: số trường THCS có:

- Phòng Hiệu trưởng : 21/23 (91,3%).
- Phòng Phó Hiệu trưởng : 21/23 (91,3%).
- Văn phòng : 23/23 (100%).
- Phòng họp : 11/23 (47,8%).

Như vậy tất cả các trường đều đã có văn phòng, có 2 trường chưa có phòng Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng, gần một nửa số trường chưa có phòng họp mà các cuộc họp thường được tổ chức ở văn phòng. Đây cũng đồng thời là nơi nghỉ của giáo viên khi chờ lên lớp tiết học sau. Trừ một số ít trường mới được đầu tư xây dựng trong những năm gần đây là có khu văn phòng khang trang, kiên cố, còn lại ở nhiều trường khu văn phòng là một khu tạm bợ, các phòng cùng lúc được sử dụng cho nhiều loại công việc, cho nhiều người, trang thiết bị sơ sài, nghèo nàn, thiếu thốn.

Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, thiết bị là khâu trở ngại nhất của các nhà trường hiện nay, không những của các trường đang phấn đấu mà của cả các

trường đã được công nhận là trường chuẩn quốc gia. Tự bản thân các nhà trường không thể khắc phục được khó khăn này, mà nó phụ thuộc vào kết quả công tác xã hội hoá giáo dục, sự quan tâm đầu tư của trên, sự nỗ lực của các địa phương.

2.4.5. Tiêu chuẩn 5 – Công tác xã hội hoá giáo dục.

Tiêu chuẩn 5 gồm có 5 tiêu chí chủ yếu là về mặt định tính. Qua khảo sát thì tất cả các trường THCS trong huyện (100%) đều đã thực hiện tốt và đều đã đạt được các tiêu chuẩn về công tác xã hội hoá giáo dục. Các nhà trường đều đã chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, các đoàn thể, tổ chức ở địa phương đề xuất những biện pháp cụ thể nhằm thực hiện chủ trương và kế hoạch phát triển giáo dục địa phương.

Các trường có nhiều hình thức phong phú và sáng tạo nhằm huy động các lực lượng xã hội tham gia vào công tác giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Các Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức và hoạt động tích cực, có hiệu quả, phát huy vai trò trách nhiệm, đảm bảo tốt mối quan hệ giữa nhà trường – gia đình – xã hội, huy động các lực lượng xã hội đóng góp xây dựng cơ sở vật chất trường học, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

2.4.6. Đánh giá chung về thực hiện 5 tiêu chuẩn trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung.

Qua kết quả tổng hợp ở bảng 17 và việc phân tích thực tế thực hiện 5 tiêu chuẩn trường THCS đạt chuẩn quốc gia cho thấy:

- Tiêu chuẩn 1 có 17/23 (73,9%) số trường THCS đạt chuẩn quy định, còn 6/23 (26%) trường THCS chưa đạt.
- Tiêu chuẩn 2 có 14/23 (60,8%) số trường THCS đạt chuẩn quy định, còn 9/23 (39,1%) trường THCS chưa đạt tiêu chuẩn này.
- Tiêu chuẩn 3 đã có 14/23 (60,8%) số trường THCS đạt chuẩn quy định, còn 9/23 (39,1%) trường THCS chưa đạt tiêu chuẩn này.

- Tiêu chuẩn 4 chỉ có 8/23 (34,7%) số trường THCS đạt chuẩn quy định, còn 15/23 (65,2%) trường THCS chưa đạt tiêu chuẩn này.

- Tiêu chuẩn 5 có 23/23 (100%) số trường THCS đã đạt chuẩn quy định.

Số trường đạt cả 5 tiêu chuẩn (tính đến tháng 5/2010) là 10/23 (43,4%), tức là số trường THCS trong toàn huyện đã đạt chuẩn quốc gia là 10 trường. Còn lại 13/23 trường THCS trong huyện chưa đạt cả 5 tiêu chuẩn qui định và chưa được công nhận là trường chuẩn quốc gia.

Bảng 2.16. Tổng hợp kết quả thực hiện 5 tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn	Số trường đạt		Số trường chưa đạt	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Tiêu chuẩn 1	17	73,9 %	6	26 %
Tiêu chuẩn 2	14	60,8 %	9	39,1 %
Tiêu chuẩn 3	14	60,8 %	9	39,1 %
Tiêu chuẩn 4	8	34,7 %	15	65,2 %
Tiêu chuẩn 5	23	100 %		
<i>Cả 5 tiêu chuẩn</i>	10	43,4 %	13	56,5 %

(Nguồn: khảo sát, thống kê đến tháng 5/2010)

Các số liệu thống kê cho thấy rằng, nếu các trường được biên chế đủ số nhân viên hành chính, nhân viên thư viện, thiết bị dạy học và được điều chỉnh về nội dung xã hội hoá giáo dục thì tỷ lệ của các tiêu chuẩn sẽ được nâng lên khá nhiều.

Nói cách khác, việc thực hiện các tiêu chuẩn 1,2,3 và một phần của tiêu chuẩn 5 nằm trong tầm kiểm soát của các nhà trường THCS và các nhà trường phải chịu trách nhiệm về việc đạt chuẩn các tiêu chuẩn này. Đối với tiêu chuẩn 4, các trường THCS không ngồi chờ nhưng trách nhiệm chính thuộc về địa phương.

Với 10 trường THCS của huyện Hà Trung đã được công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia nhìn chung đều đạt tất cả các yêu cầu của 5 tiêu

chuẩn. Tuy vậy vẫn cần hoàn thiện một số nội dung hạng mục để giữ vững danh hiệu, đảm bảo chất lượng dạy học.

2.4.7. Những tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại trong việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung

Như trên đã thống kê, tính đến tháng 5/2010 huyện Hà Trung đã có 10 trường THCS đạt chuẩn quốc gia. Qua khảo sát thực tế và lấy ý kiến các chuyên gia, cán bộ QLGD các cấp cho thấy một số nguyên nhân của những tồn tại trong việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia là:

1. Trước hết, công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ở bậc THCS còn chậm hơn nhiều so với mầm non và tiểu học ngay ở trên cùng một địa bàn. Yếu kém này là do các trường THCS chưa được ngành và địa phương quan tâm đúng mức. Đồng thời, tự bản thân các trường chưa thật sự cố gắng vươn lên. Những khó khăn về cơ sở vật chất, về số lượng và chất lượng đội ngũ... tự bản thân nhà trường không thể khắc phục được.

2. Công tác chỉ đạo còn có những bất cập: Một số trường chưa có kế hoạch nhằm định ra lộ trình xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia, chưa có quyết tâm cao do bị những khó khăn chi phối. Việc kiểm tra đánh giá các nhà trường theo tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia của các cấp QLGD chưa thật cụ thể để có biện pháp hỗ trợ kịp thời.

3. Hoạt động của các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể, các hội đồng nhà trường chưa đồng đều và nề nếp do thực hiện qui chế chuyên môn còn lỏng lẻo, sự kiểm tra đôn đốc của CBQL chưa chặt chẽ và thường xuyên. Đội ngũ nhân viên hành chính thiếu nhiều, chất lượng của công tác văn phòng còn thấp do năng lực chuyên môn hạn chế, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc quá thiếu thốn.

4. Một số CBQLGD chưa theo kịp với thực tiễn và nhu cầu phát triển của quá trình đổi mới sự nghiệp giáo dục, chưa tham mưu, đề xuất và định ra các giải pháp đúng đắn để xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia. Một bộ

phần giáo viên THCS chưa thường xuyên nâng cao nhận thức chính trị, rèn luyện phẩm chất đạo đức và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Việc đổi mới sự nghiệp giáo dục đòi hỏi phải đổi mới công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD trên tất cả các khâu: đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, sử dụng, đãi ngộ và giải pháp xử lý.

5. Chất lượng giáo dục toàn diện chưa đáp ứng tiêu chuẩn trường THCS đạt chuẩn quốc gia nhất là trước yêu cầu của cuộc vận động *“Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”*. Một số ý kiến của giáo viên cho rằng qui định về chuẩn chất lượng tại điều 7 của Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2010/TT-BGDĐT ngày 26/02/2010 đối với học sinh nông thôn là quá cao.

6. Cơ sở vật chất và thiết bị còn thiếu nhiều (diện tích, cơ cấu các khối công trình) ngay cả các trường đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia cũng cần tiếp tục hoàn thiện các hạng mục theo tiêu chuẩn. Khó khăn này nằm ngoài vòng kiểm soát của các nhà trường. Nó phụ thuộc vào sự quan tâm đầu tư xây dựng của cấp trên, của chính quyền và nhân dân địa phương.

7. Công tác xã hội hóa giáo dục còn có những hạn chế: Việc cụ thể hóa chủ trương chính sách xã hội hoá giáo dục còn chậm và nhiều khi còn mang tính tự phát trong quá trình thực hiện. Việc tuyên truyền về bản chất, nội dung của xã hội hoá giáo dục chưa được chú ý đúng mức. Vì vậy có những biểu hiện phiến diện, còn dựa nhiều vào huy động đóng góp tài lực của nhân dân. Chính những hạn chế trong thực hiện xã hội hoá giáo dục cũng gây trở ngại với việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

2.4.8. Những vấn đề cấp thiết đặt ra cần giải quyết nhằm xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung.

Xuất phát từ cơ sở lý luận của vấn đề xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia và việc phân tích thực trạng xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung như đã trình bày ở trên. Chúng tôi thấy có một số vấn

đề cấp thiết đặt ra, cần có những giải pháp tương ứng nhằm xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung. Đó là:

1). Quán triệt tư tưởng, nhận thức trong cán bộ, giáo viên, học sinh về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia. Thông qua đó mà gây ảnh hưởng tới địa phương và cộng đồng dân cư.

2). Hình thành chương trình, kế hoạch xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia, kiểm tra đánh giá quá trình xây dựng nhà trường theo tiêu chuẩn trường THCS đạt chuẩn quốc gia, mỗi trường THCS cần có Ban chỉ đạo xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

3). Cấu trúc tổ chức bộ máy của nhà trường, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đạt tiêu chuẩn theo các qui định.

4). Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của trường.

5). Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, tạo ra môi trường tốt phục vụ cho việc tiến hành các hoạt động dạy học, giáo dục.

6). Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, đảm bảo sự phối hợp hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA Ở HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

3.1. Nguyên tắc lựa chọn các giải pháp

Các giải pháp xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá cần dựa trên những nguyên tắc sau đây:

3.1.1. Đảm bảo tính mục tiêu.

Mục tiêu nghiên cứu là cái đích mà người nghiên cứu đề ra để đạt được trong quá trình nghiên cứu.

Mục tiêu của đề tài “*Xây dựng Trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá*” là thông qua việc nghiên cứu, tìm hiểu những vấn đề có tính lý luận, điều tra, khảo sát thực tế mà đúc rút kinh nghiệm, tìm ra các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa theo các tiêu chuẩn đã qui định. Để thực hiện được mục tiêu nghiên cứu, phải xuất phát từ cơ sở thực tiễn liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Đồng thời trên cơ sở mục tiêu định hướng, tìm ra các giải pháp để thực hiện. Vì vậy, các giải pháp đề xuất phải đảm bảo tính mục tiêu.

3.1.2. Đảm bảo tính thực tiễn.

Các giải pháp đề xuất phải xuất phát từ thực tế của ngành và địa phương.

Kết quả khảo sát và phân tích thực trạng xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa cho thấy các nhà trường đã có nhiều cố gắng. Hàng chục năm qua, công tác xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia đã được triển khai mạnh mẽ trên địa bàn. Để có các giải pháp phù hợp thì khi xây dựng các giải pháp phải quán triệt tính thực tiễn. Các giải pháp cũng phải thống nhất được yêu cầu và khả năng thực hiện các tiêu chuẩn quy định.

3.1.3. Đảm bảo tính khả thi.

Nguyên tắc này đòi hỏi các giải pháp xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia phải phù hợp với khả năng thực tế của nhà trường, tập thể sư phạm, được thống nhất trong các cấp uỷ Đảng, chính quyền, cơ quan, ban ngành, các đoàn thể và nhân dân, tạo ra sức mạnh nội lực để thực hiện được các yêu cầu mà tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia đặt ra.

3.2. Một số giải pháp xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

3.2.1. Quán triệt tư tưởng, nhận thức trong cán bộ, giáo viên, học sinh về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

3.2.1.1. Mục tiêu giải pháp:

- Tư tưởng, lập trường chính trị là yếu tố quan trọng quyết định hành vi của con người, từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển. Nếu tư tưởng chưa thông suốt, tư tưởng còn lệch lạc thì con người làm việc sẽ không có mục đích, không có hiệu quả, mất phương hướng và dễ rơi vào tình trạng tiêu cực. Chính vì vậy, các cấp lãnh đạo, quản lý cần phải luôn luôn quan tâm nhằm quán triệt tư tưởng, nhận thức cho mọi người, giúp họ có niềm tin trong công việc. Từ đó phát huy tinh thần tự giác, sáng tạo, làm chủ tập thể của quần chúng. Đội ngũ giáo viên nhận thức được vị trí, vai trò của mình trước thế hệ trẻ, trước xã hội, có trách nhiệm, có tình thương yêu học sinh, yêu nghề và yên tâm công tác.

- Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cần được quán triệt về tư tưởng, nhận thức. Đó là việc làm quan trọng và cần thiết đầu tiên. Tất cả cán bộ, giáo viên nhà trường cần hiểu rõ vấn đề, phải nắm được đường lối, chủ trương của Đảng, của Nhà nước, của ngành và của địa phương về xây dựng trường chuẩn quốc gia. Từ trong tư tưởng, nhận thức của mỗi người phải xác định được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia. Cán bộ quản lý nhà trường lại cần hiểu biết rõ thực tế nhà trường và địa phương. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia là mục tiêu, là điều kiện để nâng cao chất lượng giáo dục, tạo điều kiện tốt nhất để các em được học tập.

3.2.1.2. Nội dung giải pháp:

Thứ nhất: Sự hiểu biết về trường THCS đạt chuẩn quốc gia. Đây cũng là một trong những nội dung có trong chương trình bồi dưỡng cán bộ, giáo viên hàng năm. Mỗi một cán bộ, giáo viên cần có sự hiểu biết về tổ chức và hoạt động của hệ thống giáo dục quốc dân nói chung, của nhà trường THCS nói riêng. Những nội dung kiến thức này được lựa chọn từ hệ thống các văn bản của Đảng và Nhà nước: các văn kiện của Đại hội Đảng, các văn bản pháp luật về giáo dục. Trong những tài liệu ấy cần xác định Luật Giáo dục (2005) và Điều lệ nhà trường trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (2007) là quan trọng nhất. Cụ thể là mỗi cán bộ, giáo viên nhà trường cần được đào tạo, bồi dưỡng để nắm được các qui định về:

- Vị trí, vai trò của giáo dục phổ thông, của giáo dục trung học.
- Mục tiêu của giáo dục phổ thông, của giáo dục trung học.
- Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục.
- Chương trình và các hoạt động giáo dục.
- Vai trò, trách nhiệm của nhà giáo, của cán bộ QLGD.
- Nhiệm vụ và quyền của người học, chính sách đối với người học.
- Xã hội hoá sự nghiệp giáo dục, quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.
- Kiểm định chất lượng giáo dục.
- Phổ cập giáo dục.
- Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường, tổ chức và quản lý nhà trường.
- Nội dung quản lý nhà nước về giáo dục.

Đồng thời, mỗi cán bộ, giáo viên trong trường cũng cần phải nắm được các qui định của Thông tư số 29/2009/TT-BGD&ĐT (22/10/2009) về “*Qui định chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*”, Thông tư số 30/2009/TT-BGD&ĐT (22/10/2009) về “*Qui định chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông*”.

Thứ hai: Nội dung của 5 tiêu chuẩn trong Quy chế công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Sau khi đã nắm được những nội dung, những nhận thức chung về trường THCS trên đây, các cán bộ giáo viên sẽ có cơ sở, có niềm tin để có sự hiểu biết, sự nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng, ý nghĩa, nội dung của trường THCS đạt chuẩn quốc gia được quy định tại Thông tư số 06/2010/TT-BGDĐT (26/02/2010) về “*Qui chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia*”.

Quá trình đào tạo, bồi dưỡng cần làm cho mọi người hiểu rõ, nắm được đầy đủ các qui định một cách chi tiết 5 tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia. Nhà trường cần cung cấp đầy đủ các văn bản là các Luật Giáo dục, Điều lệ nhà trường, Quyết định, Quy chế... về tiêu chuẩn công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia. Các tài liệu này được gửi tới các tổ chức, ban ngành, các bộ phận, các cơ quan hữu quan, hội cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương, khu dân cư... Cũng có thể phân công người biên soạn tài liệu, tóm lược những nội dung quan trọng, cụ thể của từng tiêu chuẩn thật ngắn gọn, từ ngữ đơn giản, dễ nhớ, giúp cộng đồng hiểu đúng, đầy đủ yêu cầu cần đạt của trường chuẩn quốc gia.

Nhà trường cần tích cực tham mưu với lãnh đạo địa phương nhận thức đúng về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia. Muốn tham mưu tốt phải tranh thủ diễn đàn các hội nghị để tranh thủ sự ủng hộ của chính quyền, của các đoàn thể và nhân dân địa phương. Hội nghị nào nhà trường được tham gia đều tranh thủ diễn đàn để tuyên truyền về sự cần thiết, nhu cầu của việc xây dựng trường chuẩn quốc gia. Quy chế công nhận trường chuẩn quốc gia qui định 5 tiêu chuẩn là đã hội tụ khá đầy đủ những điều kiện tạo thành một nhà trường hoàn chỉnh với chất lượng cao và toàn diện. Một nhà trường đạt chuẩn như thế là rất phù hợp với yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hợp với lòng dân. Khi người dân hiểu rõ như vậy thì họ sẽ đồng tình hưởng ứng và tích cực tham gia xây dựng nhà trường.

Trong quan hệ với địa phương, nhà trường luôn luôn phải giữ vai trò chủ động, trung tâm, nòng cốt. Quan hệ giữa nhà trường và gia đình, quan hệ giữa nhà trường với địa phương là quan hệ cơ bản nhất. Các mối quan hệ đó có thể dưới các dạng phối hợp, kết hợp, liên kết...

Để duy trì và củng cố sự phối hợp cần có những điều kiện như: Tính lợi ích của việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia đối với từng bộ phận, việc xây dựng tổ chức, tính năng động, uyển chuyển và tính hợp lý của cơ chế. Trong việc phát huy các nguồn lực cần xác định quan trọng nhất là yếu tố con người, cần có sự nhất trí về nhận thức và hành động, tạo nên sự đoàn kết, nhất trí, phối hợp với nhau. Các điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính, phương tiện cũng là rất cần thiết và quan trọng.

Muốn làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục, nhà trường cần phải làm cho nhân dân địa phương thấy được sự cố gắng vươn lên của nhà trường, nhà trường đang cần sự hỗ trợ của cộng đồng trong công tác giáo dục con em họ. Muốn có được niềm tin yêu đó, nhà trường phải không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đẩy mạnh phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt”, mỗi cán bộ, giáo viên nhà trường cần gương mẫu, làm tốt công tác giáo dục toàn diện, đưa nhà trường đi lên.

Khi mọi người nhận thấy được trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, cộng đồng trách nhiệm với nhà trường thì lúc ấy nhà trường sẽ nhận được sự ủng hộ vô cùng to lớn của xã hội, của địa phương với công tác xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

3.2.1.3. Cách thức thực hiện:

Thứ nhất, về hình thức tuyên truyền, phổ biến cần được đa dạng hoá nhằm nâng cao hiệu quả, lôi cuốn được nhiều người tham gia.

Muốn việc tuyên truyền có hiệu quả chúng ta phải đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền: có thể là trực tiếp bằng lời hay gián tiếp hay bằng văn bản. Có một số việc làm như sau:

- Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, học sinh, cán bộ địa phương, hội cha mẹ học sinh tham quan, học tập, nghe báo cáo của đơn vị bạn, trường bạn.

- Tổ chức hội thảo về chuyên đề xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

- Tuyên truyền trực tiếp, cung cấp thông tin trong các cuộc họp của nhà trường, hội đồng sư phạm, ban đại diện cha mẹ học sinh, các cuộc họp của các ban ngành, đoàn thể trong và ngoài nhà trường. Thông qua các cuộc họp đó mà truyền đạt đến mọi người vai trò, ý nghĩa, tác dụng của trường THCS đạt chuẩn quốc gia, nội dung, yêu cầu của 5 tiêu chuẩn, kế hoạch xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia của nhà trường.

- Tuyên truyền gián tiếp thông qua các văn bản, chỉ thị, báo cáo, thông báo... chuyển đến các cấp, các ngành, các đoàn thể, các thành viên có liên quan nắm bắt chủ trương xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia của Bộ GD&ĐT, kế hoạch của nhà trường, để nắm bắt và phối hợp.

- Tham mưu với Đảng uỷ, chính quyền địa phương đưa vấn đề xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia vào nghị quyết, chương trình hành động của địa phương. Đây là việc làm mang tính quyết định, nó thể hiện việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia là trách nhiệm của cả cộng đồng. Từ đó có cơ hội tranh thủ được sự ủng hộ, tham gia của cộng đồng địa phương, huy động các nguồn lực của địa phương để xây dựng thành công trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Thứ hai, ngoài những hình thức trên đây còn có thể dùng nhiều hình thức khác để tuyên truyền về chủ trương xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia như: tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức họp mặt, tổ chức kỷ niệm thành lập trường, các lễ hội, các cuộc giao lưu, các phong trào thi đua...

3.2.1.4. Điều kiện thực hiện:

- Nhà trường cần có đội ngũ báo cáo viên. Báo cáo viên có thể là cán bộ, giáo viên trong trường hoặc là giảng viên mời. Đây là những người có hiểu

biết về trường THCS, về các tiêu chuẩn xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia, có tâm huyết với các phong trào của nhà trường hoặc của ngành.

- Có điều kiện về cơ sở vật chất: có phòng hội họp, phòng học đầy đủ bàn ghế, có các phương tiện nghe nhìn, có các văn bản quy định của Nhà nước và của ngành, có tài liệu, có các phương tiện thông tin tuyên truyền.

3.2.2. Hình thành kế hoạch xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia trong kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường.

3.2.2.1. Mục tiêu giải pháp:

- Xây dựng kế hoạch để phối hợp các hoạt động của các bộ phận có liên quan trong công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia. Kế hoạch sẽ tập trung vào thực hiện các mục tiêu của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch để khẳng định sự phát triển của nhà trường trong tương lai ở một thời điểm nào đó.

- Xây dựng kế hoạch để đảm bảo cơ sở hợp lý cho hoạt động xây dựng nhà trường và tạo khả năng huy động các nguồn lực.

- Kế hoạch có tác dụng kiểm tra, nó tạo điều kiện cho người quản lý kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động của các cá nhân và tổ chức.

3.2.2.2. Nội dung giải pháp:

a) Chú trọng việc lập kế hoạch xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia và kiểm tra công tác xây dựng nhà trường theo các tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Lồng ghép kế hoạch xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia vào kế hoạch năm học và kế hoạch dài hạn của nhà trường.

Việc đưa kế hoạch xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia vào kế hoạch năm học, kế hoạch dài hạn của nhà trường là việc làm mang tính lồng ghép, cụ thể hóa mục tiêu phấn đấu một cách tổng thể, bao quát hơn. Có như vậy, mục tiêu phấn đấu xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia mới trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt tất cả mọi hoạt động của nhà trường.

Bản kế hoạch xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia sau khi được xây dựng cần gửi cho các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức ban ngành, đoàn thể, các bộ phận trong trường, hội cha mẹ học sinh... nhằm làm cho các bên đều hiểu, nhà trường tranh thủ được sự ủng hộ và có sự thống nhất trong hành động.

b) Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia nhằm xác định rõ trách nhiệm cho những người được phân công nhiệm vụ, nhờ đó các công việc cụ thể sẽ được tiến hành nhịp nhàng, trôi chảy, đúng tiến độ theo kế hoạch đã đề ra.

Trong quá trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cần xác định được vai trò, vị trí, tầm quan trọng, tác dụng của Ban chỉ đạo. Kinh nghiệm cho thấy rằng, Ban chỉ đạo thực sự là trung tâm nòng cốt cho mọi hoạt động, là nhân tố đặc biệt quan trọng để có được sự thành công.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của nó, nhà trường cần làm tốt việc xây dựng và hoàn thiện Ban chỉ đạo xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia. Sự tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo phải tập trung được trí tuệ, sức mạnh, năng lực của tập thể trong việc thực hiện kế hoạch. Đồng thời Ban chỉ đạo là đầu mối tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn, cản trở trong quá trình thực hiện. Muốn vậy, thành phần Ban chỉ đạo phải có sự kết hợp hài hòa, hợp lý của mối quan hệ: nhà trường – gia đình - xã hội.

c) Chú trọng kiểm tra công tác xây dựng nhà trường theo các tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Kiểm tra, thanh tra là một trong những nội dung cơ bản của công tác quản lý, lãnh đạo. Nếu không thực hiện kiểm tra hoặc kiểm tra hình thức, không có sự đổi mới cho phù hợp với thực tiễn trong từng giai đoạn, từng nội dung công việc thì coi như không có quản lý. Kiểm tra, thanh tra thực chất là thu thập thông tin phản hồi từ phía đối tượng quản lý để biết kết quả hoạt

động của bộ máy, kịp thời điều chỉnh các sai lệch, làm cho sự hoạt động đạt hiệu quả, đạt được mục đích đã đề ra.

Kiểm tra là quá trình xem xét kết quả đã đạt được đối chiếu với yêu cầu để đánh giá hiện trạng của đối tượng, từ đó điều chỉnh kịp thời hoạt động của bộ máy và đưa ra các quyết định quản lý khi cần thiết. Bên cạnh đó, kiểm tra còn có chức năng khuyến khích, động viên người làm tốt, ngăn chặn những sai sót có thể xảy ra.

Kiểm tra, thanh tra tác động đến hành vi của con người, nâng cao tinh thần trách nhiệm người thừa hành, kịp thời khuyến khích, động viên, nhắc nhở người sai sót, khuyến khích động viên người tốt, việc tốt, ngăn chặn các sai sót có thể xảy ra làm cho bộ máy hoạt động tốt hơn.

3.2.2.3. Cách thức thực hiện:

a) Những điểm cần chú ý khi lập kế hoạch xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia:

- Có tầm nhìn xa, khoảng thời gian dài
- Mục tiêu rộng lớn, dài hạn
- Tính bao quát rộng
- Các giải pháp thực hiện có cả định tính và định lượng

b) Kế hoạch xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia cần tập trung những nội dung sau:

- Phân tích, đánh giá tình hình, đặc điểm bên trong và bên ngoài nhà trường:

+ Tình hình, đặc điểm nhà trường: những thuận lợi, khó khăn, những việc đã làm được, những mặt còn yếu kém, tình hình đội ngũ cán bộ, giáo viên, về cơ sở vật chất, về chất lượng các hoạt động giáo dục, về công tác xã hội hoá giáo dục... Từ đó tìm ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

+ Tình hình bên ngoài nhà trường: đó là môi trường xã hội : những cơ hội mà trường có thể tận dụng như sự quan tâm của Đảng, chính quyền địa phương, nhu cầu học tập của học sinh, sự quan tâm của cha mẹ học sinh,

phong tục tập quán, các giá trị văn hoá truyền thống. Những nguy cơ và thách thức nhà trường cần tránh và khắc phục như những biểu hiện tiêu cực, những tệ nạn xã hội...

+ Những kết quả, những thành tích nhà trường đã đạt được trong những năm qua, nhất là trong thời gian gần đây, những kinh nghiệm thực tế, những sáng kiến của nhà trường và của các đơn vị bạn.

- Phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu và biện pháp thực hiện các mặt hoạt động của trường trong quá trình xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia. Cụ thể là:

- + Công tác xây dựng đội ngũ giáo viên, nhân viên và CBQL nhà trường.
- + Công tác dạy học, giáo dục cho học sinh.
- + Xây dựng, bảo quản và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.
- + Xã hội hoá giáo dục, huy động cộng đồng tham gia công tác giáo dục.
- + Việc quản lý, kiểm tra và đánh giá các hoạt động của nhà trường trong quá trình xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

- Trong mỗi mặt công tác của kế hoạch xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia có thể nêu ra:

- + Nội dung các hoạt động
- + Các mục tiêu và chỉ tiêu cần đạt được, kể cả số lượng và chất lượng.
- + Các biện pháp thực hiện.
- + Các điều kiện, yêu cầu để đảm bảo chất lượng cho hoạt động.
- + Đơn vị hoặc cá nhân phụ trách

c) Tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Về tổ chức, Ban chỉ đạo xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia bao gồm:

- Trưởng ban: Hiệu trưởng nhà trường.
- Thành viên của Ban gồm: Bí thư Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn giáo dục nhà trường, Bí thư Đoàn thanh

niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ trưởng chuyên môn, và Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, một số giáo viên có kinh nghiệm. Ban chỉ đạo cũng cần có người làm Thư ký.

Về hoạt động, trưởng ban cần có kế hoạch hoạt động cho Ban chỉ đạo trong từng giai đoạn. Mỗi hoạt động cần có sự chuẩn bị cụ thể, chu đáo.

Trong quá trình hoạt động, nếu xét thấy cần thiết, Trưởng ban có thể mời thêm đại diện Đảng, chính quyền và các đoàn thể địa phương tham dự các cuộc họp.

Trong hoạt động của Ban chỉ đạo thì Trưởng ban cần đặc biệt chú trọng đến quan hệ giữa các bộ phận, thành phần của Ban để có sự điều tiết hài hoà, phù hợp. Quan hệ ấy cũng có nhiều tầng bậc, do vai trò, vị trí của từng bộ phận trong mối quan hệ phối hợp.

Sự tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo cần đảm bảo các nguyên tắc: Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ, các lực lượng xã hội cùng tham gia trong khuôn khổ các quy định của Nhà nước và của ngành.

Trong mỗi một thời gian, sự điều hoà, phối hợp của Ban chỉ đạo cần có sự cụ thể hoá các hoạt động sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, tận dụng được các cơ hội thuận lợi ở địa phương và đơn vị. Sau mỗi thời gian phải có sơ kết, đánh giá kết quả công việc, rút ra bài học kinh nghiệm, có kế hoạch cụ thể cho thời gian tiếp theo.

Khi điều hành công việc, Ban chỉ đạo cũng cần tranh thủ sự hỗ trợ của các đoàn thể, tổ chức khác như: Hội đồng giáo dục, Ban đại diện cha mẹ học sinh...

Sự hoạt động của Ban chỉ đạo cần quán triệt tinh thần xây dựng cộng đồng trách nhiệm của các tổ chức, các tầng lớp nhân dân đối với việc tạo lập và cải thiện môi trường kinh tế – xã hội lành mạnh, tạo thuận lợi cho các hoạt động xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia. Cùng với việc vận dụng và hoàn thiện cơ chế phối hợp, Ban chỉ đạo cần phải có các biện pháp duy trì, cải tiến và củng cố sự phối hợp ấy. Các biện pháp đó là: cùng tham gia xây dựng

kế hoạch hoạt động, thông tin đầy đủ để phối hợp chặt chẽ và đồng bộ, cùng nhau tổ chức thực hiện các giải pháp xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia, cùng nhau giải quyết khó khăn, phát huy mọi sáng tạo để hoàn thành công việc, cùng nhau phân công, phân nhiệm hợp lý và rõ ràng, cùng nhau đôn đốc, theo dõi, động viên, kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả công tác.

d) Kế hoạch kiểm tra công tác xây dựng nhà trường theo các tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

- Kế hoạch kiểm tra cần được xây dựng kèm theo ngay bản kế hoạch xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia hoặc kế hoạch năm học. Kế hoạch kiểm tra được xây dựng trong cả năm học và chia ra từng học kỳ, từng tháng, tuần, cần đảm bảo chi tiết cho từng nội dung kiểm tra, người phụ trách, thời gian kiểm tra.

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia phù hợp với tình hình, điều kiện cụ thể cho phép của trường và có tính khả thi.

Kế hoạch kiểm tra công tác xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia cần được thiết kế dưới dạng sơ đồ hóa và được treo ở văn phòng trường, trong đó ghi rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp tiến hành, hình thức, đơn vị và cá nhân được kiểm tra, thời gian kiểm tra...đảm bảo tính ổn định tương đối của kế hoạch kiểm tra. Kế hoạch kiểm tra cần công bố công khai, thông báo về các bộ phận ngay từ đầu năm học để mọi người cùng biết và phối hợp thực hiện.

Hiệu trưởng cần xây dựng các loại kế hoạch kiểm tra: Kế hoạch kiểm tra toàn năm học, kế hoạch kiểm tra học kỳ, kế hoạch kiểm tra hàng tháng, kế hoạch kiểm tra hàng tuần... với những lịch biểu cụ thể.

Kế hoạch kiểm tra năm được ghi toàn bộ các đầu việc theo thứ tự thời gian từ tháng 9 năm trước đến tháng 8 năm sau.

- Tổ chức lực lượng kiểm tra công tác xây dựng nhà trường theo các tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

+ Lực lượng kiểm tra cấp trường: Do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập, gồm các đại diện, các tổ chức trong nhà trường. Kiểm tra ở cấp trường học là việc làm thường xuyên nhằm xác định nhà trường đã đạt các tiêu chí nào của chuẩn, tiêu chí nào cần phải phấn đấu tiếp.

+ Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Ban kiểm tra gồm những thành viên có uy tín, có nghiệp vụ chuyên môn sư phạm giỏi, phân công công cụ thể và xác định quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên trong Ban kiểm tra.

+ Phân cấp trong kiểm tra: Hiệu trưởng có thể kiểm tra trực tiếp hay gián tiếp. Khi kiểm tra gián tiếp phải uỷ nhiệm phân cấp rõ ràng. Hiệu trưởng có thể uỷ nhiệm cho Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn hoặc cán bộ giáo viên có uy tín.

+ Xây dựng chế độ kiểm tra: Hiệu trưởng quy định thể thức làm việc, nhiệm vụ cụ thể, thời gian, quy trình, cách tiến hành cho mỗi đợt kiểm tra hoặc mỗi kiểm tra viên.

Cung cấp kịp thời những điều kiện vật chất, tinh thần, tâm lý cho hoạt động kiểm tra, khai thác và tận dụng mọi khả năng, sáng tạo của các thành viên trong Ban kiểm tra.

- Nội dung kiểm tra công tác xây dựng nhà trường theo các tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Nội dung kiểm tra phải có sức thuyết phục, hình thức kiểm tra gọn nhẹ không gây tâm lý nặng nề cho đối tượng, cần huy động được nhiều lực lượng tham gia kiểm tra và giành thời gian cần thiết, thỏa đáng cho kiểm tra.

Nhà trường căn cứ vào các tiêu chuẩn trong Quy chế công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia để kiểm tra. Kết quả kiểm tra được thông báo rộng rãi để mọi người, các tổ chức, ban ngành... được biết, bàn giải pháp khắc phục. Dựa vào kết quả kiểm tra, Hiệu trưởng cùng Ban chỉ đạo tiến hành các công việc tiếp theo như: bổ sung biện pháp để thực hiện kế hoạch, tăng cường hiệu lực quản lý để khắc phục những vấn đề tồn tại, yếu kém lập tờ trình báo cáo cấp trên và cơ quan hữu quan để thông báo và xin hỗ trợ....

Nội dung kiểm tra cần chi tiết, dựa vào các tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia, đó là các tiêu chuẩn về tổ chức nhà trường, cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, chất lượng giáo dục, cơ sở vật chất và thiết bị, công tác xã hội hoá giáo dục.

3.2.2.4. Điều kiện thực hiện:

- Khi xây dựng kế hoạch phát triển của nhà trường cần phải có đầy đủ các số liệu thống kê của các năm học trước về tất cả các mặt hoạt động, làm căn cứ cho việc đề ra các chỉ tiêu phấn đấu.

- Cần chú ý đến những thay đổi, cân nhắc các việc huy động các nguồn lực để thực hiện kế hoạch, phấn đấu đạt các chỉ tiêu đề ra.

- Ban chỉ đạo cần phải có kế hoạch hoạt động trong từng giai đoạn.

- Cần có các biện pháp ứng phó với các thay đổi trong quá trình thực hiện.

3.2.3. Cấu trúc tổ chức nhà trường theo hướng chuẩn hoá, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL, giáo viên đạt tiêu chuẩn theo qui định.

3.2.3.1. Mục tiêu giải pháp:

- Nhằm đảm bảo tính pháp chế trong tổ chức bộ máy và công tác cán bộ, tạo điều kiện phân công trách nhiệm phù hợp, phát huy tính sáng tạo và sự phối hợp trong công việc giữa các bộ phận và giữa các cá nhân trong cùng một bộ phận, nhằm khơi dậy tính tích cực, sáng tạo của con người trong lao động.

- Nhằm thúc đẩy đội ngũ CBQL, giáo viên không ngừng học tập, hoàn thiện mình đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước những thay đổi nhanh chóng của kinh tế – xã hội và của ngành. Nếu tất cả các CBQL, giáo viên đạt tiêu chuẩn theo các qui định về chuẩn hiệu trưởng và chuẩn giáo viên thì chất lượng đội ngũ đã được nâng lên một bước quan trọng.

3.2.3.2. Nội dung giải pháp:

a) Việc sắp xếp, tổ chức bộ máy nhà trường, tăng cường chỉ đạo đổi mới phương thức hoạt động các tổ chức đoàn thể, các tổ chuyên môn và các hội đồng trong nhà trường trong quá trình xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia bao hàm hai vấn đề:

Thứ nhất: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phải đáp ứng yêu cầu của chuẩn về trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ quản lý, phẩm chất chính trị, có năng lực và uy tín.

Thứ hai: Người CBQL phải nhiệt tình, tâm huyết gắn bó với công việc, đầu tư cao nhất cho quá trình xây dựng trường chuẩn quốc gia.

Để các tổ chức, các tổ chuyên môn và các hội đồng trong nhà trường hoạt động có hiệu quả, hỗ trợ tích cực cùng nhà trường hoàn thành nhiệm vụ của ngành và cộng đồng trách nhiệm trong việc thực hiện kế hoạch đề ra, thì các tổ chức, các tổ chuyên môn và các hội đồng cần phải làm tốt ba việc sau:

- Kiến tạo lại bộ máy tổ chức, tạo ra một cơ cấu bộ máy hợp lý, phân công đúng người, đúng việc, đảm bảo năng lực với cương vị của mỗi cá nhân trong tổ chức đoàn thể.

- Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, coi hoạt động chuyên môn là nội dung trọng tâm sinh hoạt của các đoàn thể. Tổ chức tốt hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội làm cho học sinh cảm thấy tự hào, vinh dự được học tập trong một trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

- Có sự kiểm tra đánh giá khen thưởng, kỷ luật rõ ràng, công bằng và kịp thời.

Việc quản lý trường THCS không phải là hoạt động đơn lẻ của Ban Giám hiệu mà là sự vận hành thống nhất, đồng bộ của các tổ chức trong nhà trường nhằm đạt mục tiêu đề ra. Trong khuôn khổ vấn đề chúng tôi đi sâu vào biện pháp nâng cao năng lực hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng.

Đối với tổ chuyên môn: Điều 16 - *Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học* (2007) đã chỉ rõ cơ cấu, nhiệm vụ của tổ chuyên môn:

“Tổ chuyên môn có những nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch giáo dục, phân phối

chương trình môn học của Bộ Giáo dục và đào tạo và kế hoạch năm học của nhà trường;

b) Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ; tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ theo các quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo;

c) Đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên”. [5,8].

Để tăng cường hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, Phòng Giáo dục và đào tạo tập trung hướng dẫn nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo các chuyên đề sâu như đổi mới phương pháp, hướng dẫn soạn giáo án, quy trình giảng dạy các dạng bài, chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi... thống nhất lịch sinh hoạt chuyên môn theo hình thức liên trường mỗi tháng một lần. Biện pháp này có tác dụng mở rộng giao lưu, học hỏi trong đồng nghiệp, tăng khả năng đánh giá, thảo luận, góp ý tạo điều kiện chuyên sâu cho từng bộ môn. Hiện nay, để giáo viên có điều kiện nâng cao trình độ tiếp cận với kiến thức, phương pháp theo chương trình mới, các tổ chuyên môn cần đi sâu vào vấn đề này theo hướng kết hợp lý thuyết và giảng dạy thể nghiệm để rút kinh nghiệm, xây dựng, bồi dưỡng giáo viên nòng cốt cho từng bộ môn ở cụm sinh hoạt chuyên môn liên trường.

Đối với tổ văn phòng: Điều 17 - Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (2007) quy định:

“1). Mỗi trường trung học có một tổ văn phòng, gồm viên chức làm công tác văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế trường học và nhân viên khác.

2). Tổ văn phòng có tổ trưởng và một tổ phó, do Hiệu trưởng bổ nhiệm và giao nhiệm vụ”. [5,8].

Trong điều kiện các nhà trường đều còn thiếu cán bộ hành chính theo quy định của Điều lệ trường trung học, một mặt ngành tích cực tham mưu với Sở GD&ĐT, Sở Nội vụ bổ sung biên chế hàng năm, đồng thời cần áp dụng biện pháp xây dựng nhóm cộng tác viên để cùng với cán bộ thư viện thiết bị thực hiện tốt việc sử dụng, bảo quản trang thiết bị dạy học. Xây dựng kế hoạch cụ thể với trọng tâm là xử lý kỹ thuật thư viện, thiết bị; tập hợp lên tũ

phích danh mục, trưng bày, bảo quản, hướng dẫn sử dụng, phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học. Nhóm cộng tác viên gồm các tổ trưởng chuyên môn hoặc giáo viên có năng lực kiêm nhiệm để sử dụng và hướng dẫn sử dụng thư viện, thiết bị dạy học đạt hiệu quả.

Chất lượng đội ngũ là khâu then chốt, quyết định chất lượng và hiệu quả đổi mới giáo dục. Việc đổi mới quản lý và nâng cao chất lượng dạy học trước hết là đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ.

Đảng, Nhà nước ta và ngành giáo dục đã có nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và có các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ. Ví dụ: Chỉ thị số 06/CT-TW ngày 07/11/2006 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về cuộc vận động *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*, Chỉ thị số 2516/CT-BGDĐT ngày 18/5/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thực hiện cuộc vận động *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”* trong ngành giáo dục, Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ GD&ĐT Quy định về đạo đức nhà giáo, Chỉ thị số 40/CT-TW ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định số 09/2005/QĐ-TTg ngày 11/01/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, cuộc vận động *“Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”*, Hướng dẫn về việc đánh giá Hiệu trưởng, đánh giá giáo viên theo tiêu chuẩn do Bộ GD&ĐT ban hành, Thông tư số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV về hướng dẫn định mức biên chế viên chức trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập... nhằm xác định mục tiêu, giải pháp lớn để xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo hướng chuẩn hoá, nâng cao chất lượng, bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn của nhà giáo, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Điều kiện, tiêu chuẩn của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường trung học cơ sở đã được qui định rất rõ ràng, cụ thể trong nhiều văn bản qui phạm pháp luật của Nhà nước và của ngành. Theo đó, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng phải có trình độ từ cao đẳng sư phạm trở lên, đã dạy học ít nhất là 5 năm ở bậc THCS hoặc cao hơn, có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực quản lý được bồi dưỡng lý luận và nghiệp vụ QLGD, có sức khỏe, được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tín nhiệm.. Đồng thời, theo yêu cầu về tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia, người CBQL nhà trường phải đạt được những yêu cầu cơ bản về phẩm chất, năng lực nhất định. Họ phải là những nhà giáo mẫu mực về đạo đức và là tấm gương sáng về phẩm chất chính trị và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Do đó, người cán bộ quản lý trường THCS phải học tập nâng cao trình độ để vươn tới đạt các yêu cầu sau:

- Thường xuyên trau dồi về tri thức văn hóa - xã hội để giúp cho việc quản lý, xác định được hệ thống giá trị hài hòa trong một nhân cách toàn diện, đáp ứng được mục tiêu chung và sát hợp với cấp học. Người CBQL cần phải nhạy bén, nắm bắt được sự đòi hỏi đổi mới giáo dục, nhất là đổi mới nội dung, phương pháp hiện nay, vận dụng vào tình hình thực tế của địa phương và nhà trường.

- Nắm vững nghiệp vụ sư phạm, phương pháp dạy học, nắm vững chuyên môn, tham gia giảng dạy có chất lượng, có kỹ năng giải quyết những khúc mắc trong chuyên môn.

- Nắm vững tri thức nghiệp vụ QLGD, quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, có kiến thức về pháp luật và sự hiểu biết về những quy chế của ngành, hiểu biết về lý luận, nghiệp vụ QLGD... để có phương pháp tiếp cận xử lý thông tin và ra quyết định kịp thời.

- Thường xuyên rèn luyện kỹ năng QLGD, đó là kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng tổ chức thực hiện kế hoạch, kỹ năng chỉ đạo và kỹ năng kiểm tra, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng vận động quần chúng....

- Có kỹ năng tự học và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ mọi mặt.
- Có lập trường kiên định, bản lĩnh chính trị, bản lĩnh sư phạm, vững vàng, mẫu mực về chuyên môn, về đạo đức....

b) Nội dung đào tạo – bồi dưỡng CBQL:

Đào tạo bồi dưỡng là trang bị kiến thức, truyền thụ kinh nghiệm, hình thành kỹ năng, phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức và tâm lý. Đó còn là hoạt động nhằm khắc phục mặt tiêu cực, phát huy mặt tích cực trong mỗi con người, bù đắp những thiếu hụt, khiếm khuyết của mỗi cá nhân trong hoạt động, tạo ra lượng mới, chất mới và sự phát triển toàn diện trong mỗi con người.

Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã ban hành chương trình bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước của ngành GD&ĐT. Chương trình gồm 4 phần:

- Phần đường lối chính sách: Cung cấp và trang bị cho học viên những kiến cơ bản của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội và giáo dục ở giai đoạn hiện nay.
- Phần quản lý hành chính nhà nước: Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và quản lý hành chính nhà nước.
- Phần quản lý GD&ĐT: Cung cấp cả phương pháp luận cũng như một số kỹ năng về quản lý GD&ĐT, có liên hệ thực tế địa phương.
- Phần kiến thức chuyên biệt: Đi sâu vào một số phương pháp luận, kỹ năng có tính chuyên biệt với các đối tượng cụ thể.

Các chương trình được xây dựng theo modul (hay các chuyên đề) theo một logic nhất định nhưng cũng có tính độc lập tương đối.

c) Phương thức và hình thức đào tạo – bồi dưỡng:

- + Đào tạo và tự đào tạo
- + Đào tạo, bồi dưỡng tập trung và không tập trung; đào tạo bồi dưỡng theo chu kỳ hoặc không theo chu kỳ.
- + Đào tạo hệ thống và đào tạo mang tính chất bổ sung, cập nhật.
- + Đào tạo, bồi dưỡng tại cơ sở đào tạo và nơi làm việc

3.2.3.3. Cách thức thực hiện:

Đối chiếu với yêu cầu nêu trên so với kết quả điều tra của đội ngũ CBQL ở 23 trường THCS, căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, chúng tôi đề xuất một số cách thức thực hiện như sau:

- Về trình độ lý luận chính trị: ngành giáo dục cần tham mưu với Thường vụ huyện uỷ để phối hợp mở các lớp đào tạo tại chức trình độ trung cấp lý luận chính trị tại Trung tâm giáo dục chính trị huyện, xây dựng kế hoạch phù hợp, vừa đảm bảo chuyên môn, vừa đảm bảo chất lượng học tập.

- Về nghiệp vụ quản lý: hàng năm cần phối hợp với Trung tâm giáo dục thường xuyên của tỉnh để cử cán bộ tham gia học tập, bồi dưỡng. Đồng thời có thể chọn cử một số CBQL đương chức và cán bộ nguồn tham gia chương trình đào tạo bồi dưỡng ở Học viện Quản lý giáo dục.

- Mặt khác cần xây dựng kế hoạch bồi dưỡng tại chỗ bằng các hình thức tổ chức hội thảo, báo cáo điển hình, tổ chức hội thi CBQL giỏi, tham quan các đơn vị trong và ngoài tỉnh... để tiến hành có hiệu quả các hoạt động trên. Phòng GD&ĐT cần lựa chọn những cán bộ có năng lực, kinh nghiệm nhất là số CBQL ở các trường đã đạt chuẩn quốc gia, thành lập tổ nghiệp vụ về công tác quản lý. Hàng kỳ cần khảo sát kỹ các nhu cầu bồi dưỡng, phát hiện những điểm yếu trong quản lý, từ đó xây dựng các nhóm đề tài sát thực như đề tài về chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học, thanh tra, kiểm tra, quản lý tài chính, xã hội hoá giáo dục...

- Nhằm nâng cao việc tự học, tự bồi dưỡng, đầu năm học ngoài việc tổ chức duyệt kế hoạch năm học của các nhà trường, Phòng GD&ĐT cần đặt yêu cầu duyệt kế hoạch quản lý của từng Hiệu trưởng. Trong đó phải đưa ra một mục bắt buộc là kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý của cá nhân. Cuối mỗi kỳ, mỗi năm yêu cầu CBQL các trường học tổng hợp thu hoạch về các nội dung đã tự học, tự bồi dưỡng. Phòng GD&ĐT và tổ nghiệp vụ quản lý sẽ xem xét đánh giá, đưa thành một tiêu chí đánh giá Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trong năm học. Đồng thời ngành có trách nhiệm hướng dẫn

bổ sung các nguồn tài liệu về quản lý, các tài liệu thông tin cập nhật về nghiệp vụ quản lý, xây dựng tủ sách QLGD ở từng trường.

- Về bồi dưỡng trình độ chuyên môn: Phòng GD&ĐT xây dựng kế hoạch cụ thể để lần lượt cử CBQL tham gia học tập theo các hình thức khác nhau để nâng trình độ trên chuẩn. Yêu cầu kế hoạch phải có tính ổn định từ 3-5 năm, được công khai cho CBQL biết và chuẩn bị điều kiện, tâm thế tự giác thực hiện. Ngoài ra ngành chú trọng hình thức học tập tại chỗ theo các chuyên đề, nhất là các dịp hè có thể mời giảng viên của các trường đại học, cán bộ chuyên môn của Sở GD&ĐT để giảng dạy một số chuyên đề nhằm phân tích cấu trúc, trọng tâm chương trình, đổi mới phương pháp dạy học, quy trình giảng dạy các bộ môn, các dạng bài... Các CBQL cần trực tiếp tham gia dự giờ, rút kinh nghiệm để nâng cao hiểu biết về chuyên môn và góp ý cho giáo viên.

- Thực hiện đào tạo bồi dưỡng đối với cả CBQL đương chức và đối với CBQL nguồn. Hàng năm, tăng cường lựa chọn cán bộ nguồn thuộc diện quy hoạch. Trước hết là những giáo viên giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, tâm huyết với nghề, có tín nhiệm trong tập thể, tiến hành đào tạo bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm, đề bạt, khắc phục tình trạng bổ nhiệm rồi mới đào tạo.

- Làm tốt công tác đánh giá cán bộ theo quy chế đánh giá công chức hàng năm để thực hiện tốt việc sàng lọc đội ngũ CBQL. Cần tránh tư tưởng “cào bằng”, nên chia theo nhóm các trường có điều kiện thuận lợi và nhóm các trường có điều kiện khó khăn để đảm bảo đánh giá công bằng, khách quan. Qua đánh giá thực hiện việc thay thế, tái bổ nhiệm, luân chuyển CBQL nhằm thay đổi môi trường công tác, phát huy tính sáng tạo trong công tác quản lý.

Thực tiễn đã khẳng định: Một trong những điều kiện để nâng cao chất lượng giáo dục là chất lượng và động lực dạy học của giáo viên. Giáo viên là lực lượng trực tiếp thực hiện chất lượng giáo dục. Cho nên muốn có chất lượng giáo dục tốt trước hết phải xây dựng bồi dưỡng đội ngũ giáo viên có

chất lượng cao. Từ lâu công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên đã được nhà trường coi trọng một cách đúng mức, nội dung và hình thức bồi dưỡng phong phú đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Muốn biên kế hoạch bồi dưỡng giáo viên thành hiện thực cần phải tổ chức kiểm tra một cách hợp lý, xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung bồi dưỡng đồng bộ.

Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên:

- Việc làm đầu tiên là khảo sát, nắm bắt thực trạng đội ngũ, phân tích để thấy được điểm mạnh, điểm yếu, khó khăn, thuận lợi.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, chú ý khắc phục điểm yếu của giáo viên trong giảng dạy. Vừa bồi dưỡng nâng cao năng lực dạy học cho giáo viên, vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới của các cấp học, trong đó đổi mới phương pháp dạy học là nội dung chính.

Nội dung bồi dưỡng:

Nội dung bồi dưỡng dựa trên cơ sở tình hình thực tế đội ngũ giáo viên của các trường THCS, dựa trên yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ giáo viên. Nội dung bồi dưỡng giáo viên bao gồm những kiến thức chuyên sâu, năng lực sư phạm và kiến thức bổ trợ.

- Ôn tập củng cố phương pháp dạy học bộ môn
- Đổi mới phương pháp dạy học
- Nâng cao chất lượng dạy học các môn, các phân môn
- Nội dung bồi dưỡng giáo viên được cải tiến theo đúng hướng phân hóa nội dung phù hợp với nhiệm vụ cụ thể của giáo viên.

- Nhóm đối tượng các giáo viên, các môn văn hóa cơ bản.

- Nhóm đối tượng giáo viên chủ nhiệm:

- + Năng lực giao tiếp với học sinh và phụ huynh học sinh trong xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia

- + Năng lực tổ chức phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.

+ Năng lực tổ chức các dạng hoạt động của học sinh phục vụ cho hoạt động dạy học – giáo dục.

Đội ngũ giáo viên được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, vì vậy họ có trình độ đào tạo cũng như trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hành kỹ thuật và năng lực sư phạm rất khác nhau. Do vậy, đa dạng hóa nội dung, hình thức bồi dưỡng còn là điều kiện để thực hiện nguyên tắc phân hóa, cá thể hóa – một nguyên tắc hết sức quan trọng giúp giáo viên đạt kết quả tối ưu trong bồi dưỡng và rèn luyện nâng cao kỹ năng tay nghề, người có năng lực không bị hạn chế về bước tiến, người khác không bị quá tải.

Giáo viên trường THCS có nhu cầu bồi dưỡng rất khác nhau. Qua khảo sát thực tế cho thấy giáo viên có nhu cầu rất cao về bồi dưỡng để nâng cao trình độ đào tạo (trên chuẩn), bồi dưỡng về tin học, ngoại ngữ, bồi dưỡng để nâng cao năng lực sư phạm. Ngoài ra còn có các nhu cầu bồi dưỡng về pháp luật, quản lý, kinh tế.

Trong tình hình hiện nay, nhu cầu được bồi dưỡng của cán bộ, giáo viên là rất phong phú, không chỉ đơn thuần là các nội dung về chuyên môn nghiệp vụ, năng lực sư phạm mà còn các kiến thức kỹ năng về thực tiễn cuộc sống, về hiểu biết xã hội.

Nội dung bồi dưỡng đội ngũ giáo viên bao gồm:

- Bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm: phương pháp giảng dạy bộ môn, phương pháp dạy học hiện đại.

- Bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn: kiến thức chuyên môn, kiến thức kỹ năng tay nghề, kiến thức kỹ năng thực hiện.

- Các nội dung bổ trợ nhằm nâng cao trình độ kiến thức toàn diện : ngoại ngữ, tin học, nghiên cứu khoa học, các nội dung khác.

Hình thức bồi dưỡng:

Bên cạnh việc xây dựng nội dung bồi dưỡng thích hợp cần có các hình thức bồi dưỡng phù hợp với hoàn cảnh thực tế của giáo viên còn phải nhiều

công việc khác. Phương thức bồi dưỡng giáo viên phải được cải tiến theo hướng phân hóa nội dung, đa dạng, linh hoạt về hình thức để làm sao cho phù hợp được với từng trình độ và điều kiện công tác của mỗi giáo viên. Việc lựa chọn hình thức bồi dưỡng thích hợp sẽ mang lại hiệu quả cao. Tuy nhiên, với điều kiện khá thuận lợi về nhiều mặt so với các huyện, thị khác trong tỉnh, việc bồi dưỡng giáo viên có thể được tiến hành theo các hình thức sau:

Hình thức đào tạo – bồi dưỡng giáo viên: bồi dưỡng theo chuyên đề dạy học, giáo dục, bồi dưỡng theo chương trình bồi dưỡng thường xuyên của Bộ, hội thảo, hội giảng về tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục, tự bồi dưỡng, giáo dục chính quy, giáo dục không chính quy, giáo dục từ xa... Việc bồi dưỡng giáo viên cần có sự liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan để phối hợp hoạt động được tốt.

- Ngoài cách làm thường xuyên như dự giờ, thao giảng, nhà trường cần tập trung hội thảo chuyên đề: Đổi mới hình thức dạy học, thay đổi không gian lớp học, dạy học ở hiện trường, dạy học cá nhân, tăng cường sử dụng vở bài tập, thảo luận nhóm... hơn nữa, các tổ chuyên môn còn tổ chức cho giáo viên tham gia câu lạc bộ như: “Sưu tầm và thi giải toán khó THCS”; “Thi bình tác phẩm văn học”; “Thi tìm hiểu lịch sử”. Kiểm tra năng lực giáo viên hàng tháng qua các bài kiểm tra định kỳ.

- Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên hàng năm.
- Coi trọng công tác bồi dưỡng của tổ, nhóm chuyên môn
- Cử giáo viên đi học các lớp chuyên tu, tại chức, từ xa.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ trở thành nhu cầu cần thiết và việc làm mang tính tự giác cao. Vì vậy, chất lượng đội ngũ ngày càng cao, số lượng giáo viên dạy giỏi các cấp ngày càng nhiều, đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Kiểm tra đánh giá công tác bồi dưỡng giáo viên:

Thực tế trong những năm qua, công tác bồi dưỡng thường xuyên theo chu kỳ và các đợt bồi dưỡng chuyên đề đều có kiểm tra, thu hoạch nhưng chưa thật sự có tác dụng. Hình thức kiểm tra, cách viết thu hoạch, đối tượng

đánh giá, cách sử dụng kết quả bồi dưỡng thường xuyên cũng chưa có quy chế rõ ràng. Để kịp thời khắc phục những tồn tại, Ban chỉ đạo công tác bồi dưỡng thường xuyên của Sở GD&ĐT cần đưa ra những tiêu chí đánh giá cụ thể nhằm tăng cường khâu kiểm tra, thanh tra, đưa công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng vào tiêu chuẩn xếp loại thi đua hàng năm để công tác này thực sự đi vào nền nếp, có chất lượng.

Trong công tác đào tạo bồi dưỡng cần chú ý đầu tư sâu cho công tác chuyên môn, đặc biệt chú trọng công tác mũi nhọn: “dạy tốt – học tốt”. Khi tổ chức các lớp bồi dưỡng cần phải:

- Thực hiện phân công đúng người, đúng việc, cử giáo viên có năng lực phụ trách các lớp học, tổ chức việc bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm học, động viên tiềm năng bồi dưỡng học sinh giỏi ngay trong nguồn là ông bà, cha mẹ, anh chị... của học sinh.

- Phân loại học sinh, tổ chức dạy phụ đạo cho học sinh yếu kém, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và dạy học tự chọn.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng giáo viên dạy giỏi, tổ chức nhiều đợt thi giáo viên giỏi cấp trường/năm. Bố trí cho nhiều giáo viên có năng lực đi thi ở cấp huyện để có dịp thử sức và đánh giá năng lực bản thân.

3.2.3.4. Điều kiện thực hiện:

- Vấn đề biên chế tổ chức đội ngũ cán bộ, giáo viên trong trường có đầy đủ về số lượng, chất lượng hay không, có phù hợp hay không phụ thuộc rất nhiều vào sự quan tâm của cấp trên. Vì vậy Hiệu trưởng nhà trường cần căn cứ vào chỉ tiêu biên chế của Nhà nước, kết hợp với nhu cầu thực tiễn để có yêu cầu cấp trên bố trí nguồn nhân lực cho trường.

- Khi tuyển dụng cán bộ, giáo viên cần phải đảm bảo chất lượng, đảm bảo những yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ.

- Trong vấn đề đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhà trường cũng cần tranh thủ sự quan tâm giúp đỡ của cấp trên, nhất là kinh phí. Đồng thời bản thân nhà trường cũng cần có sự bố trí, phân công lao động hợp lý và linh hoạt.

3.2.4. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của trường.

Chất lượng qui định bản chất, đặc điểm và tính cách vốn có của sự vật, làm cho sự vật có giá trị riêng biệt. Chất lượng giáo dục là sự phù hợp giữa kết quả giáo dục với mục tiêu giáo dục đề ra, đồng thời đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Một hệ thống giáo dục có chất lượng đào tạo ra những người có tri thức, kỹ xảo, thái độ, giá trị và các kỹ xảo lao động cần thiết để trở thành những công dân hoàn thiện, lao động tốt. Nâng cao chất lượng giáo dục là một yêu cầu tất yếu, quan trọng trong quá trình xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

3.2.4.1. Mục tiêu giải pháp:

- Nhằm đáp ứng nhu cầu của học sinh, của cha mẹ học sinh và xã hội.
- Nhằm góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt nam phát triển toàn diện mà Nhà nước đã đề ra.
- Tạo niềm tin trong nhân dân, xây dựng thương hiệu cho trường.

3.2.4.2. Nội dung giải pháp:

Tiến hành đổi mới hoạt động giáo dục và QLGD nhằm thực hiện giáo dục toàn diện cho học sinh. *“giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục tiểu học; có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động”* [5,5].

3.2.4.3. Cách thức thực hiện:

- Trước hết cần tiến hành xây dựng và củng cố tổ chức hoạt động của Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh. Nhà trường cần chọn những giáo viên, học sinh có đủ phẩm chất và năng lực đảm nhận các hoạt động này. Mặt khác cần đa dạng hóa các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Thông qua tổ chức Đội trong nhà trường để tổ chức tốt các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ... củng cố các “Đội cờ đỏ” để tăng cường hoạt động tự quản trong học sinh. Thông qua hoạt động Đội mà tổ chức nội dung học tập các bộ môn văn hóa dưới nhiều hình thức đa dạng như thi tìm hiểu kiến thức văn hóa - xã hội, câu lạc bộ giải toán, nhóm viết trẻ....

- Đổi mới quản lý chuyên môn trong nhà trường theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo của người dạy, người học bằng các hoạt động cụ thể:

+ Phát huy trí tuệ của tập thể giáo viên trong việc soạn các bài khó của chương trình, hệ thống hóa kiến thức, ôn tập cho học sinh, xây dựng nội dung, chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém.

+ Chỉ đạo việc thiết kế bài soạn theo hướng phát huy tính sáng tạo của học sinh. Soạn kỹ hệ thống câu hỏi, đặc biệt là những câu hỏi gợi mở, dẫn dắt, phát hiện vấn đề... thể hiện rõ hoạt động của giáo viên và học sinh.

+ Đổi mới hoạt động kiểm tra đánh giá học sinh theo tinh thần của cuộc vận động: *“Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”*. Các tổ chuyên môn cần xây dựng hệ thống đề kiểm tra với cách ra đề phối hợp giữa trắc nghiệm và tự luận, quản lý tốt hệ thống đề kiểm tra và kết quả kiểm tra đặc biệt là các đợt kiểm tra giữa học kỳ, cuối học kỳ và cuối năm. Ban Giám hiệu, các tổ chuyên môn, các giáo viên bộ môn thống kê được những hạn chế của học sinh để kịp thời có biện pháp khắc phục điều chỉnh trong hoạt động chuyên môn.

+ Chỉ đạo phong trào thao giảng, kiến tập của giáo viên. Đặc biệt chú trọng khâu thảo luận rút kinh nghiệm sau dự giờ. Các tổ, nhóm chuyên môn cần lựa chọn một số vấn đề khó để thảo luận dạy thử nghiệm và rút kinh nghiệm theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học hiện nay.

+ Xây dựng thói quen tự học trong học sinh. Rèn luyện nề nếp giữ sách vở, bài kiểm tra. Tăng cường việc tổ chức quản lý việc dạy học tự chọn, dạy hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông.

+ Thực hiện xã hội hóa trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Trước hết đổi mới nội dung sinh hoạt của phụ huynh học sinh. Qua các cuộc họp phụ huynh học sinh cần phân tích rõ kết quả học tập, ưu điểm, nhược điểm của từng học sinh cũng như quá trình tiến bộ hay chậm tiến bộ của các em. Đầu năm học các nhà trường cần tổ chức cho phụ huynh học tập, tìm hiểu nhiệm vụ năm học, giới thiệu khái quát về nội dung, phương pháp

giáo dục và kế hoạch trọng tâm của nhà trường để phụ huynh học sinh tham gia, cùng thảo luận và đóng góp ý kiến.

+ Ban Giám hiệu các nhà trường cần phân công giáo viên theo dõi ở từng xóm để phối hợp với xóm trưởng, phụ huynh học sinh trong việc giáo dục học sinh và nắm chắc điều kiện, hoàn cảnh của từng học sinh. Việc làm này cũng thuận tiện cho công tác phổ cập giáo dục THCS.

+ Cuối mỗi năm học, nhà trường cần tổ chức bàn giao học sinh về sinh sống ở địa phương thông qua tổ chức Đoàn thanh niên, đội thiếu niên trong kỳ nghỉ hè. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động xã hội khác.

+ Phối hợp với Hội khuyến học và các tổ chức xã hội có kế hoạch tổ chức tuyên dương khen thưởng học sinh giỏi, học sinh nghèo vượt khó theo địa bàn dân cư.

3.2.4.4. Điều kiện thực hiện:

- Có đội ngũ giáo viên nhiệt tình với nghề nghiệp, luôn đổi mới phương pháp giảng dạy cho phù hợp với nội dung môn học.
- Phát huy tính tự giác, sáng tạo của học sinh trong học tập.
- Nghiêm túc trong việc thi và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.
- Kết hợp học với hành, phong trào học tập phải được gắn kết với các phong trào thi đua.

3.2.5. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, tạo ra môi trường tốt cho việc tiến hành các hoạt động dạy học, giáo dục.

3.2.5.1. Mục tiêu giải pháp:

Xây dựng cơ sở vật chất trường học nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành các hoạt động dạy học, giáo dục đạt chất lượng tốt, đảm bảo các điều kiện tiêu chuẩn của trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

3.2.5.2. Nội dung giải pháp:

Trong công tác xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia cần đặc biệt quan tâm xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị và các phương tiện dạy học.

Chương trình kiên cố hóa trường lớp học của Chính phủ đã có hiệu quả thiết thực Trong việc xóa phòng học ba ca và phòng học tạm bằng tranh tre nứa lá ở những vùng còn nhiều khó khăn.

Ở huyện Hà Trung không còn tình trạng học ba ca, không có phòng học tạm, số phòng học cấp bốn hầu như không còn. Tuy nhiên số phòng học theo yêu cầu của tiêu chuẩn trường THCS đạt chuẩn quốc gia thì còn thiếu nhiều. Phòng học bộ môn, phòng thư viện mới ở các trường còn có rất ít. Thậm chí các trường đã được công nhận chuẩn quốc gia vẫn cần phải tiếp tục bổ sung và hoàn thiện về tiêu chí này.

Trong phạm vi quyền hạn Ban Giám hiệu các trường THCS phải tham mưu cho địa phương để nhà trường có đủ diện tích, quy hoạch mặt bằng tổng thể trường lớp học đảm bảo sự phát triển bền vững, lâu dài, tránh tình trạng di dời, đập đi xây lại gây tốn kém cho kinh phí của Nhà nước và đóng góp của nhân dân.

Các đơn vị xây mới phòng học, các khu phục vụ học tập nhất thiết không xây nhà cấp bốn. Đồng thời cần bám sát quy chế công nhận phòng học bộ môn trường trung học đạt chuẩn quốc gia và quy định về tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông để xây dựng phòng học bộ môn và thư viện đạt chuẩn.

Sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học là nhu cầu không thể thiếu trong quá trình dạy học. Trong việc đổi mới phương pháp dạy học thì việc sử dụng thiết bị dạy học là rất cần thiết để làm cho bài học sinh động giúp học sinh hiểu bài hơn, kết quả giảng dạy của giáo viên cao hơn. Muốn làm tốt công tác này cần phải:

- Quản lý, bảo quản và sử dụng tốt, có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ giảng dạy và học tập.

- Hàng năm đề nghị cấp trên bổ sung thêm trang thiết bị hiện đại. Cũng có thể xin kinh phí để nhà trường tự mua thiết bị, phương tiện, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập theo yêu cầu của bộ môn.

- Khuyến khích giáo viên có sự chủ động, sáng tạo trong khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ giảng dạy.

3.2.5.3. Cách thức thực hiện:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ giảng dạy, kể cả tài liệu giảng dạy, học tập, sách giáo khoa, sách tham khảo là một trong những thành tố của quá trình dạy học, là điều kiện không thể thiếu trong việc nâng cao chất lượng dạy học. Vì vậy, công tác này cần được sự quan tâm thoả đáng trong nhà trường.

Hàng năm nhà trường cần kiểm kê để nắm được tình hình thực tế để có sự bổ sung trang thiết bị đáp ứng nhu cầu về trang thiết bị trong dạy học.

Những năm gần đây thiết bị dạy học được cấp theo chương trình thay sách nhưng Số lượng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ cho yêu cầu thực hành, thí nghiệm. Mặt khác chất lượng, mẫu mã của thiết bị dạy học cũng còn những hạn chế. Vì vậy cần đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng dạy học. Tổ chức các cuộc thi đồ dùng dạy học tự làm ở cấp huyện, cấp tỉnh. Từ đó chọn các mẫu tốt có tính khoa học, tiện ích, hiệu quả trong sử dụng để giới thiệu và nhân rộng.

Nhà trường có thể yêu cầu chính quyền địa phương căn cứ vào yêu cầu kinh phí xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia mà ra Nghị quyết về mức đóng góp của hộ gia đình trong địa phương. Nhà trường và địa phương phải phát huy hết khả năng của các hoạt động xã hội hoá giáo dục. Ngoài việc huy động sự đóng góp của nhân dân địa phương, có thể kêu gọi sự ủng hộ, đóng góp của cán bộ, giáo viên, công chức địa phương, các nhà doanh nghiệp, con em địa phương công tác ở các vùng miền trong và ngoài nước, các hội đồng hương... Đồng thời cũng cần phải biết tranh thủ sự hỗ trợ từ các nguồn ngân sách. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí huy động được phải thật sự rõ ràng, công khai, hiệu quả và tiết kiệm để nhân dân ủng hộ. Nhà trường cần phải làm cho nhân dân và tất cả mọi người thấy rõ lợi ích mà con em họ được hưởng khi học ở trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

3.2.5.4. Điều kiện thực hiện:

- Cần có sự quan tâm, hỗ trợ của cấp trên, của chính quyền và nhân dân địa phương, của các đơn vị kinh tế hoạt động trên địa bàn.

- Nguồn kinh phí phải được sử dụng một cách hợp lý và tiết kiệm, đúng mục đích, không bị thất thoát.

3.2.6. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, phối hợp hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường.

3.2.6.1. Mục tiêu giải pháp:

- Nhằm tăng cường năng lực huy động có hiệu quả các lực lượng xã hội, ủng hộ xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

- Thực hiện phương châm kết hợp giáo dục nhà trường – gia đình – xã hội.

- Xây dựng ý thức trách nhiệm, tinh thần đoàn kết, phát huy tính chủ động, sáng tạo của các đoàn thể, tổ chức quần chúng để kết hợp cùng chính quyền thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học, chung sức phấn đấu xây dựng trường chuẩn quốc gia.

3.2.6.2. Nội dung giải pháp:

a) Tăng cường năng lực huy động có hiệu quả các lực lượng xã hội ở địa phương, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Để có thể phát huy tốt vai trò của mình, nhà trường cần phải biết lấy cộng đồng xã hội làm điểm tựa cho việc phát triển và hoàn thiện nội dung, phương thức hoạt động cho phù hợp với đặc điểm của cộng đồng, xã hội, làm cho những vấn đề mà cộng đồng xã hội phải giải quyết cũng chính là những vấn đề của giáo dục. Đồng thời, giáo dục cũng lại sẽ là một nhân tố quan trọng tham gia vào quá trình xây dựng và phát triển xã hội. Như vậy, các nhà trường đã gắn liền với cuộc sống, với cộng đồng.

Công tác huy động các lực lượng xã hội tham gia xây dựng và phát triển giáo dục, ủng hộ xây dựng các nhà trường có hiệu quả hay không phụ thuộc rất nhiều vào năng lực và sự cố gắng của người Hiệu trưởng nhà trường. Toàn bộ trách nhiệm đó của nhà trường đặt lên vai người Hiệu trưởng, người thực hiện chức trách quản lý giáo dục tại cơ sở trường học.

b) Nhà trường cần xây dựng, củng cố và phát triển cơ chế phối hợp các lực lượng xã hội, tham gia xã hội hóa công tác giáo dục trong việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Thực chất xã hội hóa công tác giáo dục là tổ chức sự phối hợp chặt chẽ và thường xuyên giữa các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục với Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quần chúng để vận động nhân dân tham gia có hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục.

Nói đến tổ chức sự phối hợp tức là nói đến cơ chế. Cơ chế ấy là sự vận hành của các mối quan hệ giữa các thành tố (bộ phận) trong một cấu trúc (tổ chức) nhằm đạt hiệu quả của hoạt động. Đây là sự vận hành trong cơ chế mang tính tất yếu và tự động.

Các bộ phận ở đây chính là các lực lượng xã hội. Cấu trúc chính là toàn bộ sự liên kết sự phạm - xã hội trong một tập hợp có tính toàn bộ, ổn định hoặc cơ động tùy theo vụ việc.

Hiệu quả ở đây là hiệu quả của hoạt động xã hội hóa công tác giáo dục trong việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia. Quan hệ ở đây là quan hệ phối hợp tất cả các lực lượng giáo dục.

Vì vậy chúng ta có thể gọi đó là cơ chế phối hợp các lực lượng xã hội tham gia xã hội hóa công tác giáo dục trong việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

c) Vấn đề phát huy vai trò của đại hội giáo dục các cấp trong việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia:

- Xã hội hóa công tác giáo dục là cuộc vận động quần chúng nhân dân làm giáo dục, là “cách phát động phong trào cách mạng làm giáo dục” điều đó hoàn toàn đúng quy luật. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng; giáo dục cũng vậy, là sự nghiệp của quần chúng, là sự nghiệp của nhân dân, do dân và vì dân. Để đảm bảo tính bền vững của phong trào và đảm bảo cho phong trào luôn luôn phát triển đúng hướng thì phải thể chế hóa.

Mặt khác xã hội hoá công tác giáo dục là việc huy động toàn xã hội làm giáo dục dưới sự quản lý của Nhà nước. Muốn thực hiện quản lý nhà nước thì nó phải được thể chế hóa. Tức là làm cho sự tham gia của xã hội vào công tác giáo dục được thực hiện theo những quy định và những thông lệ ổn định, mang tính pháp lý, có chính sách, chế độ rõ ràng, dân chủ và công bằng.

Thể chế hóa thể hiện ra bằng tổ chức (bộ máy, cơ quan, thiết chế, cơ cấu...) bằng hệ thống luật pháp và những quy định dưới luật, những văn bản mà mọi người, mọi cơ quan, mọi tổ chức phải tuân theo một cách bình đẳng. Cho nên nó là sự thể chế hóa về mặt nhà nước, là tăng cường quản lý nhà nước mà một đặc trưng của nó bằng pháp luật. Xã hội hoá công tác giáo dục, vừa coi trọng tính chất phong trào, vừa coi trọng quản lý nhà nước.

Đại hội giáo dục các cấp là một hình thức thể chế hóa. Thể chế hóa về tổ chức là một Đại hội toàn dân; nó đại diện cho nguyện vọng, nhu cầu của mọi tầng lớp xã hội, mọi cơ quan và tổ chức xã hội, tập trung ý chí và trí tuệ của cả cộng đồng, tập hợp sức mạnh của quần chúng thành tổ chức. Hội đồng giáo dục cơ sở là một hình thức thể chế hóa về mặt tổ chức do Đại hội giáo dục bầu ra. Ngoài ra còn các tổ chức khác hoạt động cho giáo dục cũng trong phạm vi thể chế này.

Thể chế hóa về mặt pháp luật văn bản là hệ thống các nghị quyết của Đại hội. Những nghị quyết đó sẽ biến thành chủ trương nghị quyết của Đảng, nghị quyết của HĐND và chỉ thị của UBND các cấp về xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia. Như vậy là ý chí của toàn dân được đảm bảo bằng những văn bản pháp lý, tạo cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động xã hội hóa công tác giáo dục. Ngoài ra những cam kết, thỏa thuận, hợp đồng... cũng là sự thể chế hóa về mặt pháp luật.

- Triển khai xã hội hoá công tác giáo dục đòi hỏi một cơ chế hợp lý. Nói cơ chế là nói tới tổ chức và quan hệ. Đại hội giáo dục sẽ giải quyết được vấn đề tổ chức và quan hệ. Mỗi quan hệ giữa các tổ chức thể hiện giữa các hình thức liên kết, phối hợp. Đại hội giáo dục là diễn đàn toàn dân tham gia giáo

dục, là thể hiện sự liên kết, phối hợp các lực lượng xã hội, tạo nên sức mạnh của toàn xã hội làm giáo dục. Vì vậy, Đại hội giáo dục thực sự cần thiết cho sự xác lập cơ chế phối hợp.

d) Về việc phối hợp sự hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường:

Điều 22 - Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học 02/4/2007) quy định:

“Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong nhà trường.

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt nam trong nhà trường lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

2. Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật và giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.”

Trường THCS là đơn vị sự nghiệp, được tổ chức và hoạt động theo chế độ thủ trưởng. Người Hiệu trưởng cần phải quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý nhà trường đã được quy định ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và của ngành.

Tăng cường pháp chế trong quản lý có hiệu quả mật thiết với việc mở rộng công khai, thực hiện dân chủ trong nhà trường. Thực hiện dân chủ, công khai sẽ là cơ sở để củng cố nề nếp kỷ cương trong đơn vị. Đồng thời tăng cường pháp chế là yếu tố cần thiết không thể thiếu để củng cố và mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ tập thể của người lao động. Chúng ta có thể nói rằng muốn có dân chủ thực sự trong trường học thì không thể thiếu việc tăng cường pháp chế trong quản lý, bởi vì chính việc tăng cường pháp chế là nền tảng vững chắc nhất để duy trì và thực hiện dân chủ, tạo ra tính kỷ luật, thiết lập kỷ cương nề nếp, đảm bảo công bằng trong đơn vị. Người Hiệu trưởng phải động viên cán bộ, giáo viên hăng hái tham gia vào quản lý các công việc chung của nhà trường, vào việc kiểm tra, giám sát hoạt động trong nhà trường về tất cả các mặt. Hiệu trưởng phải tạo điều kiện để mọi thành viên trong trường được nắm bắt thông tin, được tham gia thảo luận, bàn bạc, phê bình, chất vấn, góp ý kiến, được làm, được kiểm tra các công việc chung.

Trong trường THCS, Hiệu trưởng là người đứng đầu bộ máy chính quyền nhà trường, chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động của trường. Hiệu trưởng đại diện cho nhà trường về mặt pháp lý, có trách nhiệm và thẩm quyền cao nhất về hành chính và chuyên môn. Hiệu trưởng có vai trò quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ dạy-học, giáo dục, chất lượng giáo dục trong nhà trường. Kết quả công tác của toàn đơn vị phụ thuộc rất nhiều vào sự lãnh đạo, quản lý của Hiệu trưởng.

3.2.6.3. Cách thức thực hiện:

a) Hiệu trưởng cần có năng lực chuyên môn giỏi, đạo đức, tác phong tốt, trên cơ sở đó cần trau dồi và phát huy năng lực cần thiết sau đây để huy động có hiệu quả các lực lượng xã hội ủng hộ giáo dục:

- Nắm vững và vận dụng đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước về giáo dục, bao gồm cả năng lực sư phạm, năng lực tổ chức và chỉ đạo các hoạt động giáo dục ... nói chung. Người Hiệu trưởng cần có nhận thức đúng đắn, sâu sắc về bản chất xã hội hóa công tác giáo dục, cần tránh và uốn nắn những lệch lạc trong nhận thức và trong hành động đang diễn ra hiện nay. Ví dụ chỉ quan tâm huy động đóng góp về tài chính, làm xã hội hóa công tác giáo dục chỉ dừng lại ở tổ chức đại hội giáo dục mà không dẫn đến hoạt động thực tế, không đưa các nhiệm vụ đã được xác định vào triển khai trong hoạt động thực tế.

Từ nhận thức đúng đắn về chủ trương hội hoá giáo dục, Hiệu trưởng phải biết cụ thể hóa chủ trương một cách sáng tạo, phù hợp với yêu cầu giáo dục và điều kiện thực tế nhiều mặt ở địa phương, đảm bảo tính khả thi, tính hiệu quả thiết thực của các hoạt động.

Hiệu trưởng cụ thể hóa chủ trương trên những quan điểm cơ bản về xã hội hóa công tác giáo dục: giáo dục là sự nghiệp của quần chúng, giáo dục là của dân, do dân và vì dân, giáo dục gắn với cộng đồng. Nếu thiếu những quan điểm đó, giáo dục sẽ quay trở lại tình trạng đơn độc, tách rời xã hội, xa rời bản chất xã hội của công tác giáo dục

- Hiệu trưởng thực hiện chức năng quản lý. Muốn vậy, họ phải có năng lực thể chế hóa hoạt động xã hội hóa công tác giáo dục dưới hình thức các thể chế về tổ chức, về chính sách, về các văn bản quy định có tính pháp quy theo luật lệ nhà nước, phải biến những hoạt động mang tính chất phong trào quần chúng thành những quy định, quy trình, chuẩn mực để điều hành một cách có nền nếp thường xuyên, có thể kiểm tra, thanh tra, đánh giá có quy chuẩn, không thể tùy tiện.

Để làm tốt điều đó, cũng như để thực hiện chức năng quản lý nói chung cũng như trong công tác xã hội hóa giáo dục, hiệu trưởng phải đặc biệt quan tâm vận dụng 2 nguyên tắc liên quan chặt chẽ với tính chất và nội dung của hoạt động này. Đó là người hiệu trưởng phải có năng lực quản lý, có nghiệp vụ quản lý. Trong hai nguyên tắc về phân cấp quản lý và nguyên tắc về sự kết hợp quản lý theo ngành và quản lý theo địa phương, vùng lãnh thổ sẽ thử thách năng lực của người hiệu trưởng.

- Hiệu trưởng phải có quan điểm quần chúng thật sâu sắc, có năng lực vận động quần chúng, phát huy được ý thức tự giác, làm chủ, chủ động và sức sáng tạo của quần chúng. Hiệu trưởng phải hiểu chức năng, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của từng lực lượng xã hội và các lực lượng xã hội; có quan hệ tốt với các lực lượng xã hội đó và biết làm việc với đối tác.

- Hiệu trưởng phải có năng lực tổ chức và chỉ đạo, xây dựng hình thành tổ chức, tập hợp các lực lượng quần chúng thành sức mạnh có tổ chức, có năng lực tổ chức thực hiện, tổ chức công việc, tổ chức các phong trào quần chúng. Hiệu trưởng phải có năng lực nắm bắt đối tác về tiềm năng, về chỗ mạnh, chỗ yếu, phát hiện những đối tác mới. Trên cơ sở hiểu biết công việc, hiệu trưởng biết tìm người, sử dụng người, sắp xếp lực lượng nhằm thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả cao.

b) Xã hội hoá công tác giáo dục đòi hỏi người Hiệu trưởng không chỉ biết công việc chuyên môn, công việc nội bộ nhà trường mà phải vươn ra bên ngoài để phát hiện nhu cầu, phát hiện các tiềm năng, tìm kiếm và tranh thủ đối tác, Hiệu trưởng phải rất năng động và sáng tạo.

- Hiệu trưởng phải có tín nhiệm với địa phương, với cộng đồng, có quan hệ tốt không chỉ trong công tác mà cả quan hệ cá nhân để có thể lắng nghe được tâm tư nguyện vọng của từng cá nhân và tổ chức xã hội, và ngược lại, có tiếng nói thuyết phục đối với họ.

Hiệu trưởng lãnh đạo và quản lý có tín nhiệm và quan hệ tốt là tiền đề để có thể làm tốt việc tham mưu cho các cấp lãnh đạo và quản lý địa phương, cổ vũ cho các lực lượng xã hội, tranh thủ sự ủng hộ và hợp tác của nhiều lực lượng, biết làm việc với các chức sắc Thiên chúa giáo ở các xã có đồng bào theo Công giáo.

Người Hiệu trưởng cần tham gia vào các tổ chức ở địa phương, làm những việc có ích cho địa phương khi có cơ hội, có điều kiện.

- Hiệu trưởng phải có năng lực quản lý tốt công việc của nhà trường: Muốn đạt được những yêu cầu xã hội hóa công tác giáo dục, hiệu trưởng phải có năng lực quản lý tốt công việc nhà trường trước hết là công tác chuyên môn và theo đó là quản lý về tư tưởng, nhân sự, tổ chức tài chính mọi mặt công tác trong nhà trường. Chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường là cái cơ bản nhất tạo nên niềm tin của địa phương với nhà trường và hiệu trưởng.

Sự lựa chọn các bộ phận của cơ chế tùy theo nội dung và tính chất của công việc và dựa vào vai trò của từng lực lượng phù hợp để tạo được cơ chế thì phải coi trọng việc hoàn thiện từng bộ phận, từng thành tố của cấu trúc liên kết, tạo được một tập hợp phù hợp với công việc.

- Hình thành được hệ thống các mối quan hệ giữa các bộ phận của các lực lượng xã hội. Hệ thống quan hệ này có nhiều mức độ: có thể chỉ ở mức độ tham gia, ở mức độ góp phần của họ vào một hoạt động, một tổ chức chung nào đó, chưa thể hiện được chiều sâu của công việc, có thể là sự cộng tác tức là cùng góp sức làm chung một công việc nhưng có thể không thực hiện chung một trách nhiệm. Sự cộng tác đôi khi có tính nhất thời, tùy từng vụ việc.

Sự hợp tác của nhiều lực lượng giáo dục là cùng chung sức, hỗ trợ lẫn nhau trong một công việc, một lĩnh vực hoạt động, nhằm một mục đích chung là xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Tóm lại: Quan hệ ở đây là quan hệ phối hợp với nhiều mức độ khác nhau.

c) Phát huy vai trò của Đại hội giáo dục các cấp trong việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

Muốn giải quyết được những vấn đề về cơ chế phối hợp và thể chế hóa thì chúng ta cần phải xác định rõ các vấn đề sau đây:

+ Đại hội giáo dục không phải là nơi có thể giải quyết tất cả công việc, không phải cứ tổ chức được Đại hội là xong toàn bộ việc xã hội hóa công tác giáo dục. Mọi người cần nhận thức rằng đó mới chỉ là bước đầu, là điều kiện để làm xã hội hóa công tác giáo dục. Nếu có những quan niệm không đúng sẽ dẫn đến tổ chức Đại hội một cách hình thức và sau Đại hội thì phong trào đi xuống.

+ Hiểu đúng vai trò và tính chất của Đại hội giáo dục các cấp thì Đại hội phải quán triệt những nguyên tắc :

- Dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, của các lực lượng xã hội.
- Đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của nhà nước.
- Tính pháp chế trong quản lý.
- Huy động mọi lực lượng xã hội, công bằng, công khai.
- Xây dựng chương trình hành động, đi vào hành động thiết thực.
- Tính phù hợp với địa phương, địa bàn lãnh thổ và dân cư.

Về thực hiện quy trình tổ chức Đại hội giáo dục các cấp:

+ Những yêu cầu về nội dung Đại hội giáo dục.

- Xây dựng nhận thức và thống nhất nhận thức về sự cần thiết xã hội hóa công tác giáo dục, trách nhiệm của mọi lực lượng xã hội đối với giáo dục.

- Đánh giá đúng thực trạng giáo dục địa phương, thấy rõ chỗ mạnh, chỗ yếu, thuận lợi, khó khăn.

- Cung cấp thông tin, thu thập thông tin về thực trạng, nguyện vọng, nhu cầu của nhân dân về giáo dục, phát hiện đúng vấn đề cần giải quyết.

- Xác định mục tiêu, phương hướng, nội dung hoạt động giáo dục, quy mô, chương trình và kế hoạch làm giáo dục phù hợp với đường lối chính sách và chủ trương của Đảng và Nhà nước, phù hợp với mục tiêu kinh tế – xã hội, với hoàn cảnh và điều kiện của địa phương.

- Chương trình hành động do Đại hội giáo dục ở cơ sở không được phép chung chung mà phải là giải pháp cụ thể, thiết thực, khả thi, nhìn rõ hiệu quả.

+ Thực hiện tốt quy trình tiến hành Đại hội giáo dục theo các bước: chuẩn bị - tổ chức đại hội - các công việc sau Đại hội.

d) Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý, trong phối hợp sự hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong trường học.

Căn cứ vào nguyên tắc tập trung dân chủ đã được xác định, người Hiệu trưởng cần phải thực hiện tốt vai trò quản lý của mình, kết hợp đúng đắn chế độ thủ trưởng (cá nhân phụ trách) và chế độ tập thể lãnh đạo. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng nhà trường được quy định tại điều 54 (Luật giáo dục 2005), khoản 1 điều 19 - Điều lệ trường trung học (2007). Điều 4, Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường (2000) cũng nhấn mạnh đến trách nhiệm của Hiệu trưởng là phải thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý trường học.

Hiệu trưởng thực hiện quản lý tập trung theo chế độ thủ trưởng, nhưng phải trên cơ sở dân chủ thực sự. Mặt khác dân chủ phải gắn liền với tập trung, nghĩa là phải kết hợp giữa quyền quản lý tập trung của Hiệu trưởng với việc đảm bảo cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia quản lý nhà trường thông qua sự tổ chức và hoạt động của các tổ chức xã hội, các đoàn thể quần chúng trong nhà trường.

Hiệu trưởng là người quản lý, phải có tính quyết đoán, phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Người Hiệu trưởng phải tránh được khuynh hướng quan liêu, độc đoán, gia trưởng. Muốn làm được như vậy thì Hiệu trưởng phải phát huy quyền làm chủ của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên,

học sinh, khai thác được mọi tiềm năng tinh thần, vật chất, tài chính phục vụ cho việc dạy-học và giáo dục, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cấp trên giao cho. Quần chúng có thể thực hiện và phát huy quyền làm chủ của mình dưới hai hình thức: dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện.

Dân chủ trực tiếp trong nhà trường là hình thức thể hiện trực tiếp ý chí của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh về những vấn đề đã được quy định trong các văn bản của Nhà nước và của ngành (Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 8/9/1998 về Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 1/3/2000 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường). Hiệu trưởng là người trực tiếp tổ chức và đảm bảo các điều kiện để cán bộ, giáo viên thực hiện những quy định đó, đưa những quy định đó vào thực tiễn hoạt động của nhà trường. Thông qua công tác tiếp dân, các cuộc đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh học sinh, các cuộc hội nghị, hội thảo, tiếp xúc... đều là những hình thức để quần chúng trong đơn vị nhà trường thực hiện quyền dân chủ một cách trực tiếp.

Hình thức dân chủ đại diện được thực hiện thông qua các đại diện theo thẩm quyền do quần chúng trong đơn vị bầu ra (Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh...). Quần chúng có quyền kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức do mình bầu ra. Những tổ chức, đoàn thể quần chúng trong tổ chức và hoạt động của mình phải chịu trách nhiệm trước những người đã bầu cử ra mình. Họ có thể bị bãi miễn khi không còn xứng đáng.

Khi ban hành các văn bản pháp quy phụ (văn bản nội bộ), trước khi đưa ra thực hiện Hiệu trưởng phải lấy ý kiến đóng góp, xây dựng của các đoàn thể, tổ chức và các cá nhân. Nhưng khi văn bản đã được thông qua thì tất cả mọi người trong đơn vị phải chấp hành một cách nghiêm túc.

Trong chế độ hội nghị, mọi công việc được bàn bạc dân chủ, công khai và được quyết định theo đa số. Thực hiện dân chủ rộng rãi nhưng cấp dưới phải phục tùng cấp trên, bộ phận phải phục tùng toàn thể, cá nhân phải phục tùng tổ chức.

Người Hiệu trưởng phải giữ vững lập trường, quan điểm quần chúng: *“Học hỏi quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng”* (Hồ Chí Minh). Người Hiệu trưởng, trong suy nghĩ và hành động phải hoàn toàn vì lợi ích của số đông người, dựa vào khả năng và lực lượng của số đông người.

Dân chủ đi liền với công khai. Theo quy định của Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 8/9/1998 về Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan thì những việc sau đây Hiệu trưởng phải công khai cho cán bộ, giáo viên, nhân viên biết:

- Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến công việc của cơ quan.

- Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý của cơ quan.

- Kinh phí hoạt động hàng năm, bao gồm các nguồn kinh phí do ngân sách cấp và các nguồn tài chính khác và quyết toán kinh phí hàng năm của cơ quan.

- Tuyển dụng, khen thưởng, kỷ luật, nâng bậc lương, nâng ngạch và đề bạt cán bộ, công chức.

- Các vụ việc tiêu cực, tham nhũng trong cơ quan đã được kết luận.

- Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ cơ quan.

- Nội quy, quy chế cơ quan.

Cán bộ, công chức, giáo viên, nhân viên có thể biết những vấn đề trên thông qua việc gặp thủ trưởng cơ quan yêu cầu cho biết hoặc yêu cầu thủ trưởng cơ quan thông báo bằng một trong các hình thức quy định tại điều 16 của Quy chế thực hiện dân chủ, cụ thể là:

- Niêm yết tại cơ quan.

- Thông báo tại hội nghị cán bộ, công chức cơ quan.

- Thông báo cho người phụ trách các bộ phận của cơ quan và yêu cầu họ thông báo đến cán bộ, công chức làm việc trong các bộ phận đó.

- Thông báo bằng văn bản tới toàn thể cán bộ, công chức.

- Thông báo bằng văn bản cho Chi bộ Đảng, Ban Chấp hành công đoàn cơ quan.

Căn cứ vào Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 8/9/1998 của Chính phủ, ngày 01/3/2000, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ra Quyết định số 04/2000/QĐ-BGD&ĐT về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường. Điều 1 của Quy chế nêu rõ mục đích của việc thực hiện dân chủ trong nhà trường là:

- Nhằm thực hiện tốt nhất, có hiệu quả nhất những điều Luật giáo dục quy định theo phương châm: *“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”* trong các hoạt động của nhà trường thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, bảo đảm cho công dân, cơ quan, tổ chức được quyền giám sát, kiểm tra, đóng góp ý kiến tham gia xây dựng sự nghiệp giáo dục, làm cho giáo dục thực sự là của dân, do dân và vì dân.

- Phát huy quyền làm chủ và huy động tiềm năng trí tuệ của Hiệu trưởng, nhà giáo, người học, đội ngũ cán bộ, công chức trong nhà trường theo luật định, góp phần xây dựng nề nếp trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động của nhà trường, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội, thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Điều 4, chương II của Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường quy định trách nhiệm của Hiệu trưởng trong việc thực hiện dân chủ trong nội bộ nhà trường:

- Quản lý điều hành mọi hoạt động của nhà trường, chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về toàn bộ hoạt động của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện những quy định về trách nhiệm của nhà trường, nhà giáo, cán bộ, công chức của người học.

- Lắng nghe và tiếp thu những ý kiến của cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong nhà trường và có các biện pháp giải quyết đúng theo chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước, theo nội quy, quy chế, điều lệ của nhà trường.

- Thực hiện chế độ hội họp theo đúng định kỳ, như họp giao ban, họp hội đồng tư vấn, hội nghị cán bộ, công chức hàng năm.

- Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của Nhà nước, công khai các quyền lợi, chế độ, chính sách và việc đánh giá định kỳ đối với nhà giáo, cán bộ, công chức, người học.

- Gương mẫu, đi đầu trong việc đấu tranh chống những biểu hiện không dân chủ trong nhà trường như: cửa quyền, sách nhiễu, thành kiến, trù dập, che giấu, bưng bít, làm sai sự thật, làm trái nguyên tắc và những biểu hiện không dân chủ khác.

- Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý nhà trường, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, các cá nhân trong nhà trường, phát huy dân chủ trong tổ chức hoạt động của nhà trường.

- Bảo vệ và giữ gìn uy tín của nhà trường.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra hoạt động của cấp dưới trực tiếp trong việc thực hiện dân chủ và giải quyết kịp thời những kiến nghị của cấp dưới theo thẩm quyền được giao.

- Phối hợp với tổ chức công đoàn trong nhà trường tổ chức hội nghị cán bộ, công chức mỗi năm một lần theo quy định của Nhà nước và của ngành.

Nếu các nhà trường THCS phối hợp, kết hợp hài hoà sự hoạt động giữa các tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể sẽ nâng cao hiệu quả quản lý, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng dạy học, tạo điều kiện vô cùng thuận lợi để phát huy sức mạnh tổng hợp, phấn đấu đưa nhà trường đạt được danh hiệu trường chuẩn quốc gia.

3.2.6.4. Điều kiện thực hiện:

- Người Hiệu trưởng cần nắm vững các quy định của pháp luật về quản lý hành chính nhà nước, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường và của Hiệu trưởng thì mới có thể phối hợp tốt với các lực lượng xã hội, huy động cộng đồng ủng hộ và giúp đỡ nhà trường.

- Hệ thống bộ máy trong nhà trường phải được tổ chức đầy đủ, phù hợp và hoạt động tốt, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ.

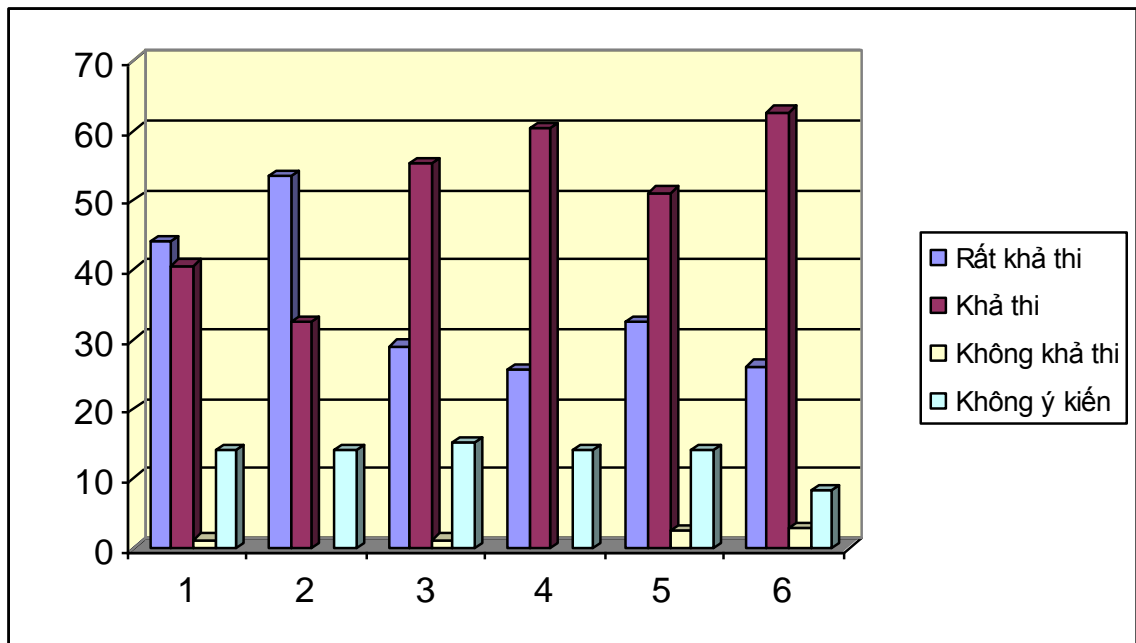
- Không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, gây ảnh hưởng tốt trong cộng đồng dân cư ở địa phương.

3.3. Khảo sát tính khả thi và tính cần thiết của một số giải pháp.

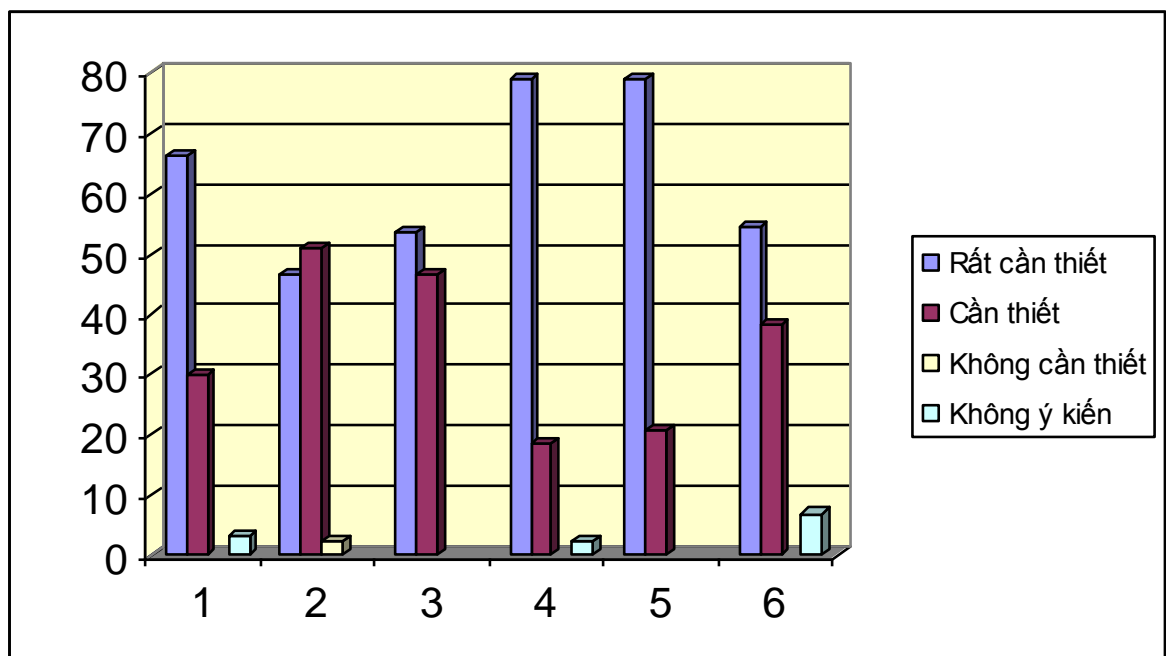
Bảng 3.1. Tổng hợp kết quả khảo sát tính khả thi và tính cần thiết của một số giải pháp

Một số giải pháp	Tính khả thi				Tính cần thiết			
	Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi	Không ý kiến	Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Không ý kiến
1. Quán triệt tư tưởng, nhận thức trong cán bộ, giáo viên, học sinh về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.	38 (44,1%)	35 (40,6%)	1 (1,15%)	12 (13,9%)	57 (66,2%)	26 (30,1%)		3 (3,45%)
2. Hình thành kế hoạch xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia trong kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường.	46 (53,4%)	28 (32,5%)		12 (13,9%)	40 (46,5%)	44 (51,1%)	2 (2,32%)	
3. Cấu trúc tổ chức nhà trường theo hướng chuẩn hoá, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL, giáo viên đạt tiêu chuẩn theo qui định.	25 (29%)	47 (55,2%)	1 (1,16%)	13 (15,0%)	46 (53,4%)	40 (46,4%)		
4. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của trường.	22 (25,5%)	52 (60,4%)		12 (13,9%)	68 (79,0%)	16 (18,6%)		2 (2,32%)
5. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, tạo ra môi trường tốt cho việc tiến hành các hoạt động dạy học, giáo dục.	28 (32,5%)	44 (51,1%)	2 (2,32%)	12 (13,9%)	68 (79,06%)	18 (20,9%)		
6. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. phối hợp sự hoạt động của các tổ chức	22 (26,1%)	54 (62,7%)	2 (2,9%)	7 (8,1%)	47 (54,6%)	33 (38,3%)		6 (6,97%)

trong nhà trường.								
-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--



Biểu đồ 3.1. Tổng hợp kết quả khảo sát tính khả thi của một số giải pháp



Biểu đồ 3.2. Tổng hợp kết quả khảo sát tính cần thiết của một số giải pháp

Chúng tôi đã khảo sát tính khả thi và tính cần thiết của một số giải pháp đã đề xuất về xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia bằng phiếu hỏi. Đối tượng khảo sát là các giáo viên trường THCS, Hiệu trưởng THCS, CBQL và chuyên viên Phòng GD&ĐT, Chủ tịch xã, thị trấn, Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh các trường THCS bao gồm 86 người.

Kết quả khảo sát cho thấy các giải pháp đề xuất đã phản ánh được tính khả thi, tính cần thiết trong quá trình xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung.

- *Về tính khả thi*: Cả 6 giải pháp đề xuất đều được đánh giá là khả thi, thấp nhất là 83,6% (các giải pháp 5). Các giải pháp còn lại được đánh giá là rất khả thi, tỷ lệ từ 84,2% đến 88,8%.

Các ý kiến đóng góp, đề xuất của đội ngũ CBQL, giáo viên cho rằng, để các giải pháp đề xuất được khả thi thì chúng ta cần lưu ý đến các vấn đề sau:

+ Công tác quán triệt tư tưởng là một khâu quan trọng. Muốn có hành động tích cực thì trước hết phải có nhận thức đúng đắn. Hiệu trưởng cần làm cho các cán bộ, giáo viên thấy rằng, nếu nhà trường phấn đấu đạt được các tiêu chuẩn đã qui định thì sẽ thúc đẩy mạnh mẽ khí thế dạy – học trong trường, học sinh sẽ cố gắng học tập tốt hơn, các bậc phụ huynh sẽ yên tâm phấn khởi vì con em họ được học tập trong một môi trường tốt hơn.

+ Các nhà trường đều đã có nề nếp và kinh nghiệm trong việc xây dựng kế hoạch năm học và kế hoạch dài hạn. Vấn đề lồng ghép kế hoạch xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia vào kế hoạch chiến lược của nhà trường là điều hoàn toàn có thể thực hiện được, trong đó cần chú ý khâu kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, qui định tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

+ Vì địa bàn huyện Hà Trung hầu hết cư dân sống ở nông thôn, đời sống nghèo nàn nên điều kiện, phương tiện học tập của các em học sinh còn rất

nhieu khó khăn, không được thuận lợi như nhiều nơi khác, thầy và trò cần cố gắng cao độ thì mới có thể đạt được tiêu chuẩn về chất lượng.

- *Về tính cần thiết*: Cả 6 giải pháp đề xuất đều được đánh giá là cần thiết, trong đó các giải pháp 5 được đánh giá là rất cần thiết, tỷ lệ đạt 99,9%, các giải pháp còn lại đạt từ 92,9% trở lên. Tuy nhiên việc vận dụng các giải pháp này vào thực tiễn từng trường, từng địa phương cần linh hoạt và sáng tạo, mỗi địa phương có thể bổ sung thêm những giải pháp để đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả.

Các giải pháp đề xuất được đưa ra sau khi đã khảo sát, điều tra thực tế ở địa phương, nhằm đáp ứng đòi hỏi từ thực tế ở các nhà trường. Nhu cầu cấp thiết hiện nay là đòi hỏi các trường THCS phải phấn đấu vươn lên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục.

Kết quả cụ thể được thể hiện ở bảng 18.

Kết quả khảo sát đã khẳng định tính khả thi và tính cần thiết của các giải pháp đã đề xuất. Mặc dù phạm vi của đề tài chỉ nghiên cứu trên địa bàn huyện Hà Trung nhưng chúng tôi tin rằng các giải pháp có thể áp dụng một cách sáng tạo và phù hợp cho các địa phương khác trong việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia, một số giải pháp có thể áp dụng để xây dựng trường THPT đạt chuẩn quốc gia. Đó cũng là kết quả nhỏ bé để thực hiện chủ trương “*chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa*” ngành giáo dục.

PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Thế giới hiện nay đang trong bối cảnh toàn cầu hoá trên tất cả các lĩnh vực. Giáo dục các nước nói chung, ở nước ta nói riêng cũng không nằm ngoài xu thế phát triển chung đó. Những vấn đề lý luận, cùng với thực tiễn đã tạo cơ sở cho những nhận thức mới về vai trò của giáo dục. Giáo dục là động lực của sự phát triển xã hội. Giáo dục góp phần đào tạo nguồn nhân lực ở cả thời điểm hiện tại và tương lai. Đầu tư cho giáo dục chính là đầu tư cho sản xuất, cho phát triển kinh tế – xã hội. Công cuộc đổi mới đất nước mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang tiến hành đặt ra yêu cầu là ngành giáo dục phải nâng cao chất lượng đào tạo.

Xây dựng trường chuẩn quốc gia là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Xây dựng trường chuẩn quốc gia nhằm đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục có chất lượng toàn diện, tạo tiền đề để tiếp cận với trình độ phát triển giáo dục của các nước tiên tiến trên thế giới.

Xây dựng và đánh giá trường học theo chuẩn quốc gia cũng là một giải pháp tổng thể để phát triển giáo dục nói chung, giáo dục THCS nói riêng trong giai đoạn cách mạng hiện nay, theo định hướng có tính chiến lược về giáo dục “chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”. Để làm được điều đó, các nhà trường THCS đã và đang phấn đấu xây dựng nhà trường đạt các qui định theo 5 tiêu chuẩn của Qui chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia. Đây là con đường phấn đấu đi lên, để phát triển giúp cho ngành giáo dục giữ vững và phát huy được thành quả của phổ cập giáo dục tiểu học, hoàn thành nhiệm vụ phổ cập giáo dục THCS và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Trên cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và thực tiễn giáo dục của địa phương, dựa vào những qui định của Qui chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia của Bộ Giáo dục và đào tạo, đề tài đã nghiên cứu, đánh giá thực

trạng xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, xác định những vấn đề cơ bản đặt ra trong việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở địa phương. Đề tài đã đề xuất hệ thống 6 giải pháp xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa. Đó là:

1. Quán triệt tư tưởng, nhận thức trong cán bộ, giáo viên, học sinh về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.
2. Hình thành kế hoạch xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia trong kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường.
3. Cấu trúc tổ chức nhà trường theo hướng chuẩn hoá, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL, giáo viên đạt tiêu chuẩn theo qui định.
4. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của trường.
5. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, tạo ra môi trường tốt cho việc tiến hành các hoạt động dạy học, giáo dục.
6. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, phối hợp hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường.

Một số giải pháp này cũng đã được xin ý kiến tham khảo của CBQL, giáo viên các trường THCS, chuyên viên Phòng GD&ĐT, lãnh đạo chính quyền địa phương, Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh của các trường THCS và đã thu được sự đồng tình ủng hộ của đa số ý kiến về tính cấp thiết và khả thi của 6 giải pháp nêu trên. Đồng thời đề tài cũng thu được thêm nhiều ý kiến đóng góp quý báu, những kinh nghiệm từ thực tế của các trường THCS đã và đang phấn đấu vươn lên đạt danh hiệu trường chuẩn quốc gia.

2. Một số kiến nghị:

2.1. Đối với Bộ GD&ĐT, ban ngành Trung ương.

- Bộ GD&ĐT khi ban hành quy định về chuẩn chất lượng giáo dục nên có sự phân biệt giữa học sinh các vùng miền vì điều kiện, phương tiện học tập

của học sinh vùng nông thôn và miền núi còn nhiều thiệt thòi và khó khăn hơn học sinh ở các đô thị.

- Bộ GD&ĐT, Bộ Nội vụ cần quy định cụ thể số tổ chuyên môn của các trường THCS, số viên chức làm việc trong Tổ văn phòng nhà trường.

- Để phát huy tính chủ động và sáng tạo của các nhà trường, khi qui định nội dung chương trình Bộ nên dành một thời lượng thoả đáng để các địa phương, các nhà trường, các thầy cô giáo có quyền chủ động lựa chọn các nội dung giáo dục, tiến hành các hoạt động giáo dục nhằm phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của địa phương cho học sinh.

2.2. Đối với chính quyền địa phương các cấp.

- Quan tâm đầu tư hỗ trợ ngân sách, giúp ngành giáo dục địa phương xây dựng cho các trường có nhà cửa, phòng học kiên cố và tiện nghi, mua sắm trang thiết bị, phương tiện dạy học, giáo dục, cũng như dành một quỹ đất xứng đáng cho các nhà trường. Đây là khó khăn lớn nhất mà các nhà trường phổ thông gặp phải mà tự bản thân các nhà trường không thể khắc phục được trong quá trình phấn đấu để đạt danh hiệu trường chuẩn quốc gia.

- UBND tỉnh, UBND huyện cho các trường phổ thông được tuyển dụng đủ số nhân viên hành chính - văn phòng theo Thông tư liên Bộ số 35/2006/TTLB-BGD&ĐT-BNV.

2.3. Đối với các Sở, các Phòng GD&ĐT.

- Chỉ đạo và giúp đỡ các trường THCS lập kế hoạch xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện, tình hình thực tế của mỗi nhà trường và từng địa phương.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ việc thực hiện tiến độ xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia của các đơn vị, có biện pháp hỗ trợ kịp thời giúp các nhà trường phấn đấu và giữ vững danh hiệu trường chuẩn quốc gia.

- Các Phòng GD&ĐT tham mưu với UBND huyện để giúp các nhà trường có đủ số giáo viên, nhân viên cả về số lượng và chất lượng, tạo điều kiện về thời gian và tài chính để cán bộ, giáo viên được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Đồng thời tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của chính quyền và nhân dân địa phương nhằm giúp các nhà trường xây dựng cơ sở vật chất.

2.4. Đối với các trường THCS

- Tăng cường tuyên truyền giáo dục, động viên đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh nâng cao nhận thức, quyết tâm xây dựng nhà trường đạt danh hiệu trường chuẩn quốc gia. Đối với các trường đã được công nhận là trường chuẩn quốc gia cũng phải phấn đấu không ngừng để giữ vững danh hiệu này và xây dựng nhà trường ngày càng hoàn thiện.

- Các trường THCS cần có kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia chuẩn quốc gia. Thường xuyên kiểm tra đánh giá tiến độ để duy trì củng cố những tiêu chuẩn đã đạt được, đồng thời xây dựng và hoàn thiện những tiêu chuẩn chưa đạt được, coi đây là một trong những điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Giữ gìn và phát triển mối quan hệ tốt đẹp với chính quyền và nhân dân địa phương, làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục. Các nhà trường cũng cần phải xác định rằng, trong quá trình phấn đấu xây dựng trường chuẩn quốc gia, sự ủng hộ và giúp đỡ của chính quyền và nhân dân địa phương là rất quan trọng. Các nhà trường sẽ không đạt được mục tiêu phấn đấu xây dựng trường chuẩn quốc gia nếu không có sự đồng tình tham gia và giúp đỡ của chính quyền và nhân dân địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2004), Chỉ thị số 40/CT-TW ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Hướng dẫn về việc đánh giá hiệu trưởng, đánh giá giáo viên theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành*.
2. Ban Chấp hành đảng bộ huyện Hà Trung (1993), *Lịch sử Đảng bộ huyện Hà Trung*, Tập 1 (1930 – 1954).
3. Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Chỉ thị số 06/CT-TW ngày 07/11/2006 về cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”.
4. Bộ GD&ĐT (2007), Chỉ thị số 2516/CT-BGDĐT ngày 18/5/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thực hiện cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” trong ngành giáo dục.
5. Bộ GD&ĐT (2007), “*Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*” ban hành kèm theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
6. Bộ GD&ĐT (2010), “*Quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia*” ban hành kèm theo Thông tư số 06/2010/TT-BGDĐT ngày 26/02/2010 của Bộ GD&ĐT.
7. Bộ GD&ĐT (2001), “*Quy chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia, giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2010*”, ban hành theo Quyết định số 27/2001/QĐ – BGD&ĐT ngày 05/7/2001 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).
8. Bộ GD&ĐT (2004), “*Quy chế công nhận phòng học bộ môn trường trung học đạt chuẩn quốc gia*” ban hành kèm theo Quyết định số 32/2004/QĐ – BGD&ĐT ngày 24/9/2004 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).
9. Bộ GD&ĐT (2003), “*Quy định về tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông*” ban hành kèm theo Quyết định số 01/2003/QĐ – BGD&ĐT ngày 02/01/2003.

10. Bộ GD&ĐT (2008). “*Quy định về phòng học bộ môn*”, ban hành kèm theo Quyết định số 37/2008/QĐ – BGD&ĐT ngày 16/7/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
11. Bộ GD&ĐT (2009). “*Qui định chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*” ban hành kèm theo Thông tư số 29/2009/TT-BGD&ĐT ngày 22/10/2009, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
12. Bộ GD&ĐT (2009). “*Qui định chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông*” ban hành kèm theo Thông tư số 30/2009/TT-BGD&ĐT ngày 22/10/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
13. Bộ GD&ĐT (2000), Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 1/3/2000 về việc ban hành *Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.*)
14. Bộ GD&ĐT (2006), Thông tư số 35/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 25/10/2006 *Hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.*
15. Chính phủ Nước Cộng hòa XHCN VN (2002). Nghị định số 71/1998/NĐ - CP ngày 8/9/1998 của Chính phủ về *Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.*
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa IX*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), Chỉ thị số 40 – CT/TU ngày 15/6/2004 của Ban bí thư về *việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD.*
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Lưu Đức Hạnh (5/2006), *Một số vấn đề rút ra từ công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia bậc trung học*, Giáo dục Thanh Hóa số 87.

21. Đặng Thành Hưng (2005), *“Chuẩn và chuẩn hóa trong giáo dục, những vấn đề lý luận và thực tiễn”*, Viện chiến lược và chương trình giáo dục, Hà Nội.
22. Học viện Quản lý giáo dục (2006), Kỷ yếu hội thảo khoa học: *“Đổi mới quản lý giáo dục: thành tựu, thách thức và các giải pháp”*, Hà Nội, 2006.
23. Phòng GD&ĐT Hà Trung, (2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010), *Báo cáo tổng kết năm học 2004-2005; 2005-2006; 2006-2007; 2007-2008; 2008-2009*.
24. Quốc hội Nước CH XHCN Việt Nam (2005), Luật Giáo dục, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Sở GD&ĐT Thanh Hóa (2010), *“Dự thảo báo cáo sơ kết học kỳ I, triển khai nhiệm vụ học kỳ II năm học 2009 – 2010”*, ngày 06/01/2010.
26. Sở GD&ĐT Thanh Hóa (2005), *Kế hoạch triển khai công tác xây dựng trường chuẩn năm 2006*.
27. Hoàng Minh Thao – Hà Thế Truyền (2003), *“Quản lý giáo dục tiểu học theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa”*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
28. PGS.TS. Hà Thế Truyền (2004), *“Xây dựng trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2001 – 2010”*, Tạp chí Giáo dục số 93.
29. PGS .TS. Hà Thế Truyền (2006), *“Kiểm tra, thanh tra và đánh giá trong giáo dục”*, Học viện Quản lý Giáo dục.
30. Tạ Quốc Tịch (2005), *“Một số biện pháp nhằm tăng cường pháp chế trong công tác quản lý của người cán bộ quản lý trường tiểu học”*, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp cơ sở, mã số: C.2005-53-75.
31. Nguyễn Q. Thắng (1998), Khoa cử và giáo dục Việt nam. Nhà xuất bản Văn hoá. Hà Nội.

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1: PHIẾU KHẢO SÁT THỰC TRẠNG TRƯỜNG THCS THEO 5 TIÊU CHUẨN TRƯỜNG THCS ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA.

PHIẾU HỎI.

(Dùng cho CBQL Trường THCS)

Kính gửi: Đồng chí Hiệu trưởng Trường THCS.....

Để thu thập thông tin phục vụ nghiên cứu đề tài “*Xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa*”, chúng tôi xin đồng chí vui lòng cho biết thực trạng của nhà trường theo bảng dưới đây:

TIÊU CHUẨN	NỘI DUNG	THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG	ĐỐI CHIẾU VỚI TIÊU CHUẨN	
			Đạt	Chưa đạt
Tiêu chuẩn 1 Tổ chức nhà trường	1. Lớp học a. Có đủ các khối lớp của cấp học b. Mỗi lớp không quá 45 học sinh 2. Tổ chuyên môn: a. Tổ chức, hoạt động đúng Điều lệ b. Giải quyết hai chuyên đề chuyên môn/năm c. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên và cả tổ 3. Tổ văn phòng a. Đủ số người b. Đủ hồ sơ c. Hoàn thành tốt nhiệm vụ 4. Hội đồng trường và các hội đồng khác a. Có đủ các hội đồng b. Hoạt động có hiệu quả 5. Tổ chức Đảng và các đoàn thể a. Tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh b. Các đoàn thể vững mạnh	Số lớp:.....Số HS:..... Số HS/lớp:..... Số tổ chuyên môn:..... Kết quả:..... Kết quả:..... Kết quả:..... Có hay không ?..... Số người:..... Tình hình hồ sơ:..... Kết quả công tác:..... Số hội đồng:..... Kết quả:..... Số đảng viên:..... Xếp loại chi bộ:..... Xếp loại đoàn thể:..... <i>Đánh giá chung TCI</i>		
Tiêu chuẩn 2 Cán bộ quản lý, giáo viên và	1. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn quy định theo Điều lệ 2. Giáo viên a. Đủ số lượng và đạt chuẩn	Xếp loại:..... Số GV:..... Số đạt chuẩn:.....		

nhân viên	b. 30% giáo viên giỏi. 3. Đủ người phụ trách thư viện, phòng học bộ môn, phòng thiết bị	Tỷ lệ giáo viên giỏi:..... Đủ hay thiếu:..... <i>Đánh giá chung TC2</i>		
Tiêu chuẩn 3 Chất lượng giáo dục	1. Tỷ lệ bỏ học và lưu ban không quá 6%, bỏ học không quá 1%. 2. Chất lượng giáo dục: a. Học lực: Giỏi: 3% trở lên Khá: 35% trở lên Yếu kém: không quá 5% b. Hạnh kiểm: Khá tốt: 80% trở lên Yếu không quá 2% 3. Các hoạt động giáo dục a. Tiêu chuẩn “ <i>Trường học thân thiện, học sinh tích cực</i> ” b. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp 4. Hoàn thành nhiệm vụ phổ cập 5. Tất cả cán bộ, giáo viên đều sử dụng được máy vi tính	- Tỷ lệ bỏ học:..... - Tỷ lệ lưu ban:..... Tỷ lệ giỏi:..... Tỷ lệ khá:..... Yếu kém:..... Tỷ lệ khá tốt:..... Tỷ lệ yếu:..... Xếp loại:..... Đúng qui định hay chưa: Năm hoàn thành:..... Có hay không:..... <i>Đánh giá chung TC3</i>		
Tiêu chuẩn 4 Cơ sở vật chất và thiết bị	a. Khuôn viên nhà trường riêng biệt, có tường rào, cổng trường, biển trường b. Các khối công trình b1: Khu phòng học, phòng bộ môn. - Đủ phòng học cho mỗi lớp, đủ bàn ghế, bảng... theo quy định. - Có phòng y tế đúng qui định - Có phòng thí nghiệm, phòng bộ môn - Có phòng nghe nhìn. b2: Khu phục vụ học tập:	Có hay không:..... Tổng diện tích: Số m ² /HS: Số phòng học: Số phòng bộ môn: Số bảng đen: Số bộ bàn ghế: Số phòng: Số phòng: Số phòng:.....		

	<p>- Có thư viện, phòng truyền thống, khu GD thể chất, phòng công đoàn, phòng Đoàn đội</p> <p>b3: Khu hành chính – quản trị</p> <p>- Có phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng.</p> <p>- Có văn phòng trường, phòng họp giáo viên.</p> <p>- Có phòng thường trực, kho.</p> <p>b4. Khu sân chơi sạch có cây bóng mát.</p> <p>b5. Khu vệ sinh của giáo viên và học sinh</p> <p>b6: Khu để xe cho giáo viên và học sinh</p> <p>b7: Đủ nước sạch để sử dụng; có hệ thống thoát nước</p>	<p>Phòng HT:</p> <p>Phòng PHT:</p> <p>Văn phòng:</p> <p>Phòng họp:</p> <p>Phòng trực, kho:</p> <p>Diện tích sân chơi:</p> <p>.....</p> <p>Số khu vệ sinh GV:</p> <p>Số khu vệ sinh HS :</p> <p>Nhà để xe GV:</p> <p>Nhà để xe HS:</p> <p>Nguồn nước sử dụng:</p> <p>Hệ thống thoát nước:</p> <p><i>Đánh giá chung TC4</i></p>		
<p>Tiêu chuẩn 5</p> <p>Công tác xã hội hoá giáo dục</p>	<p>1. Tham mưu tốt cho địa phương về giáo dục.</p> <p>2. Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức và hoạt động đúng Điều lệ</p> <p>3. Quan hệ chặt chẽ nhà trường – gia đình - xã hội..</p> <p>4. Huy động tốt các lực lượng xã hội xây dựng cơ sở vật chất</p> <p>5. Thực hiện công khai điều kiện dạy học, chất lượng giáo dục, các nguồn kinh phí</p>	<p>Kết quả:</p> <p>Kết quả:</p> <p>Mối quan hệ:</p> <p>.....</p> <p>Kết quả huy động:</p> <p>.....</p> <p>Kết quả:.....</p> <p>.....</p> <p><i>Đánh giá chung TC5</i></p>		

Xin đồng chí vui lòng cho biết: (Phần này có thể ghi hoặc không).

a. Họ và tên:.....Chức vụ:.....

b. Trường:.....Điện thoại:.....

Cảm ơn sự hợp tác của đồng chí.

Hà Trung, ngày tháng năm 2010

Người cung cấp thông tin

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phụ lục 2: PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN VỀ TÍNH KHẢ THI
VÀ TÍNH CẦN THIẾT CỦA CÁC GIẢI PHÁP XÂY DỰNG TRƯỜNG THCS ĐẠT
CHUẨN QUỐC GIA.**

PHIẾU HỎI.

(Dùng cho giáo viên Trường THCS)

Kính gửi: Đồng chí

Để đề xuất các biện pháp xây dựng Trường THCS đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, chúng tôi đề nghị đồng chí cho biết ý kiến về những giải pháp dưới đây:

1. Các giải pháp xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia :

CÁC GIẢI PHÁP	TÍNH KHẢ THI			TÍNH CẦN THIẾT		
	Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi	Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1. Quán triệt tư tưởng, nhận thức trong cán bộ, giáo viên, học sinh về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia.						
2. Hình thành kế hoạch xây dựng trường THCS đạt chuẩn quốc gia trong kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường.						
3. Cấu trúc tổ chức nhà trường theo hướng chuẩn hoá, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL, giáo viên đạt tiêu chuẩn theo qui định.						
4. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của trường.						
5. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, tạo ra môi trường tốt cho việc tiến hành các hoạt động dạy học, giáo dục.						
6. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, phối hợp hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường.						

2. Ngoài các giải pháp nêu trên đồng chí có những đề xuất, giải pháp khác nhằm xây dựng Trường THCS đạt chuẩn quốc gia:

a.....

.....

b.....

.....

c.....

.....

3. Xin đồng chí vui lòng cho biết: (Phần này có thể ghi hoặc không).

Họ và tên:.....Chức vụ:.....Điện thoại:.....

Cảm ơn sự hợp tác của đồng chí.

Hà Trung, ngày tháng năm 2010

Người góp ý (Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3: THÔNG TƯ SỐ 06/2010/TT-BGDĐT NGÀY 26/02/2010 CỦA BỘ GD&ĐT VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ CÔNG NHẬN TRƯỜNG THCS, TRƯỜNG THPT VÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG CÓ NHIỀU CẤP HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆT NAM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06 /2010/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2010

THÔNG TƯ

Ban hành Quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 12 tháng 4 năm 2010.

Thông tư này thay thế Quyết định số 27/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/7/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quy chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia (giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2010) và Quyết định số 08/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 14/3/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo tạo

về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia (giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2010) ban hành kèm theo Quyết định số 27/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/7/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo.

Điều 3. Chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ giáo dục trung học, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- UB VHGD-TNTNNĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Như Điều 3;
- Công báo;
- Lưu VT, Vụ PC, Vụ GDTrH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)
Nguyễn Vinh Hiển

QUY CHẾ

Công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2010/QĐ-BGDĐT

ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định tiêu chuẩn, việc tổ chức xét và công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi chung là trường trung học) đạt chuẩn quốc gia, bao gồm: những quy định chung; tiêu chuẩn trường trung học đạt chuẩn quốc gia; hồ sơ, quy trình tổ chức công nhận trường đạt chuẩn quốc gia; tổ chức thực hiện.

2. Quy chế này áp dụng cho các trường trung học đạt chuẩn quốc gia.

Điều 2. Nguyên tắc và thẩm quyền công nhận

1. Căn cứ vào tiêu chuẩn quy định, các trường trung học đạt danh hiệu tiên tiến năm liền kề với năm đề nghị công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia được quyền tự đánh giá và đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn quốc gia.

2. Chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Chủ tịch UBND tỉnh) quyết định công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia.

Điều 3. Thời hạn công nhận

1. Thời hạn công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia là 5 năm kể từ ngày ký quyết định công nhận.

2. Trong thời hạn 5 năm, việc kiểm tra định kỳ và kiểm tra công nhận lại thực hiện theo quy định tại Điều 12 và 13 của Quy chế này.

Chương II

TIÊU CHUẨN TRƯỜNG TRUNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

Điều 4. Tiêu chuẩn 1 - Tổ chức nhà trường

1. Lớp học:

- a) Có đủ các khối lớp của cấp học.
- b) Có nhiều nhất là 45 lớp.
- c) Mỗi lớp có không quá 45 học sinh.

2. Tổ chuyên môn:

a) Các tổ bộ môn được thành lập và hoạt động theo đúng các qui định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều

cấp học (sau đây gọi chung là Điều lệ trường trung học).

b) Hàng năm giải quyết được ít nhất hai chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy - học.

c) Có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mỗi giáo viên và của cả tổ chuyên môn; đạt các qui định về đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo.

3. Tổ văn phòng:

a) Đảm nhận các công việc: văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế trường học được thành lập và hoạt động đúng theo các quy định của Điều lệ trường trung học.

b) Quản lý hệ thống hồ sơ, sổ sách của nhà trường. Hướng dẫn sử dụng theo quy định tại Điều lệ trường trung học và những quy định trong hướng dẫn sử dụng của từng loại sổ.

4. Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường :

Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường được thành lập và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ trường trung học và các qui định hiện hành; hoạt động có kế hoạch, nền nếp, đạt hiệu quả thiết thực góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng nền nếp kỷ cương của nhà trường.

5. Tổ chức Đảng và các đoàn thể:

a) Tổ chức Đảng trong nhà trường phải đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh. Những trường chưa có tổ chức Đảng phải có kế hoạch và đạt chỉ tiêu cụ thể về phát triển đảng viên trong từng năm học và xây dựng tổ chức cơ sở Đảng.

b) Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường được công nhận vững mạnh về tổ chức, tiên tiến trong hoạt động ở địa phương.

Điều 6. Tiêu chuẩn 2 - Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

1. Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn quy định theo Điều lệ trường trung học; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; được cấp quản lý giáo dục trực tiếp xếp loại từ khá trở lên theo qui định về chuẩn hiệu trưởng trường trung học.

2. Có đủ giáo viên các bộ môn đạt trình độ chuẩn đào tạo theo quy định, trong đó ít nhất có 30% giáo viên đạt tiêu chuẩn dạy giỏi từ cấp cơ sở trở lên; có 100% giáo viên đạt chuẩn loại khá trở lên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học.

3. Có đủ giáo viên hoặc viên chức phụ trách thư viện, phòng học bộ môn, phòng thiết bị dạy học được đào tạo hoặc bồi dưỡng về nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Điều 7. Tiêu chuẩn 3 - Chất lượng giáo dục

Một năm trước khi được công nhận và trong thời hạn được công nhận đạt chuẩn quốc gia, tối thiểu phải đạt các chỉ tiêu sau :

1. Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban hàng năm không quá 6%, trong đó tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 1%.

2. Chất lượng giáo dục:

a) Học lực:

- Xếp loại giỏi đạt từ 3% trở lên
- Xếp loại khá đạt từ 35% trở lên
- Xếp loại yếu, kém không quá 5%

b) Hạnh kiểm:

- Xếp loại khá, tốt đạt từ 80% trở lên
- Xếp loại yếu không quá 2%

3. Các hoạt động giáo dục:

Được đánh giá xếp loại tốt về tiêu chuẩn “Trường học thân thiện, học sinh tích cực” trong năm học liền trước khi công nhận. Thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời gian tổ chức, nội dung các hoạt động giáo dục ở trong và ngoài giờ lên lớp.

4. Hoàn thành nhiệm vụ được giao trong kế hoạch phổ cập giáo dục trung học của địa phương.

5. Đảm bảo các điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh sử dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà trường, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá. Tất cả cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng được máy vi tính trong công tác, học tập.

Điều 8. Tiêu chuẩn 4 - Cơ sở vật chất và thiết bị

1. Khuôn viên nhà trường là một khu riêng biệt, có tường rào, cổng trường, biển trường, tất cả các khu trong nhà trường được bố trí hợp lý, luôn sạch, đẹp. Diện tích sử dụng để đảm bảo tổ chức tốt các hoạt động quản lý, dạy học và sinh hoạt.

a) Đối với trường trung học được thành lập trước năm 2002 phải đảm bảo :

- Các trường nội thành, nội thị và các vùng khó có diện tích sử dụng ít nhất từ 6m²/học sinh trở lên.
- Các trường khu vực nông thôn có diện tích sử dụng ít nhất từ 10m²/học sinh trở lên.

b) Đối với trường trung học được thành lập từ sau năm 2001 phải đảm bảo có diện tích mặt bằng theo đúng qui định tại Điều lệ trường trung học.

2. Có đầy đủ cơ sở vật chất theo quy định tại Điều lệ trường trung học.

Cơ cấu các khối công trình trong trường gồm:

a) Khu phòng học, phòng bộ môn:

- Có đủ số phòng học cho mỗi lớp học (không quá 2 ca mỗi ngày); diện tích phòng học, bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên, bảng đúng quy cách hiện hành; phòng học thoáng mát, đủ ánh sáng, an toàn.
- Có phòng y tế trường học đảm bảo theo quy định hiện hành về hoạt động y tế trong các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Có các phòng học bộ môn đảm bảo Quy định về phòng học bộ môn tại Quyết định số 37/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Khu phục vụ học tập:

- Có thư viện đúng theo tiêu chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện trường học; chú trọng phát triển nguồn tư liệu điện tử gồm: Tài liệu, sách giáo khoa, giáo án, câu hỏi, bài tập, đề kiểm tra, đề thi; cập nhật thông tin về giáo dục trong và ngoài nước;... đáp ứng yêu cầu tham khảo của giáo viên và học sinh

- Có phòng truyền thống, khu luyện tập thể dục thể thao, phòng làm việc của Công đoàn, phòng hoạt động của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

c) Khu văn phòng:

Có đủ phòng làm việc của Hiệu trưởng, phòng làm việc của từng Phó Hiệu trưởng, văn phòng nhà trường, phòng họp từng tổ bộ môn, phòng thường trực, kho.

d) Khu sân chơi sạch, đảm bảo vệ sinh và có cây bóng mát.

e) Khu vệ sinh được bố trí hợp lý, riêng cho giáo viên, học sinh nam, học sinh nữ, không làm ô nhiễm môi trường ở trong và ngoài nhà trường.

g) Có khu để xe cho giáo viên, cho từng lớp trong khuôn viên nhà trường, đảm bảo trật tự, an toàn.

h) Có đủ nước sạch cho các hoạt động dạy - học, các hoạt động giáo dục và nước sử dụng cho giáo viên, học sinh; có hệ thống thoát nước hợp vệ sinh.

3. Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học; có Website thông tin trên mạng internet hoạt động thường xuyên, hỗ trợ có hiệu quả cho công tác dạy học và quản lý nhà trường.

Điều 9. Tiêu chuẩn 5 - Công tác xã hội hoá giáo dục

1. Nhà trường chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, các đoàn thể, tổ chức ở địa phương đề xuất những biện pháp cụ thể nhằm thực hiện chủ trương và kế hoạch phát triển giáo dục địa phương.

2. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng qui chế hiện hành, hoạt động có hiệu quả trong việc kết hợp với nhà trường và xã hội để giáo dục học sinh.

3. Mọi quan hệ và thông tin giữa Nhà trường, Gia đình và Xã hội được duy trì thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh, phòng ngừa, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

4. Huy động hợp lý và có hiệu quả sự tham gia của gia đình và cộng đồng vào các hoạt động giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và điều kiện nâng cao hiệu quả giáo dục của nhà trường.

5. Thực hiện đúng các qui định về công khai điều kiện dạy học, chất lượng giáo dục, các nguồn kinh phí được đầu tư, hỗ trợ của nhà trường theo đúng qui định hiện hành.

Chương III

HỒ SƠ, QUY TRÌNH TỔ CHỨC CÔNG NHẬN TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

Điều 10. Hồ sơ

Hồ sơ công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia gồm:

1. Văn bản của nhà trường đề nghị được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.
2. Báo cáo thực hiện các tiêu chuẩn quy định trong Chương II của qui chế này, kèm theo sơ đồ cơ cấu các khối công trình của nhà trường.
3. Biên bản tự kiểm tra của trường và biên bản kiểm tra của đoàn kiểm tra cấp tỉnh.

Điều 11. Đoàn kiểm tra

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia.

1. Thành phần: Có tối thiểu 09 ủy viên, gồm :
 - Đại diện lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo làm trưởng đoàn.
 - Đại diện Ban thường vụ Công đoàn ngành giáo dục đào tạo.
 - Mời đại diện một số cơ quan có liên quan gồm: Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
 - Hiệu trưởng một số trường trung học phổ thông, trung học cơ sở khác.
 - Trưởng phòng Giáo dục trung học làm thư ký.

2. Nhiệm vụ :

- Nội dung kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng trường căn cứ vào các tiêu chuẩn quy định trong Quy chế công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia.

- Kiểm tra toàn bộ hồ sơ, các loại sổ quản lý của nhà trường theo quy định.

- Lập biên bản về kết quả kiểm tra.

Điều 12. Quy trình tổ chức công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia

1. Nhà trường tự kiểm tra, đánh giá theo các tiêu chuẩn được quy định tại Chương II của qui chế này.

a) Đối với trường trung học cơ sở : sau khi tự kiểm tra, xét thấy đủ điều kiện đạt chuẩn, nhà trường báo cáo, Phòng Giáo dục và Đào tạo xem xét, xác nhận, xin ý kiến chuẩn y của Ủy ban nhân dân cấp huyện và nộp hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Đối với trường trung học phổ thông : sau khi tự kiểm tra, xét thấy đủ điều kiện đạt chuẩn, nhà trường báo cáo và nộp hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo.

c) Đối với trường phổ thông có nhiều cấp học : thực hiện quy trình đối với từng loại hình trường được quy định tại mục a và b Điều này. Nhà trường báo cáo và nộp hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận hồ sơ trường trung học và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập đoàn kiểm tra công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

3. Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra, đánh giá theo các tiêu chuẩn quy định tại Chương II của Quy chế này và kết quả tự kiểm tra của nhà trường. Nếu thấy đủ điều kiện đạt chuẩn, Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tổ chức thẩm tra báo cáo của đoàn kiểm tra để quyết định công nhận hay không công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia.

Điều 13. Việc kiểm tra định kỳ và kiểm tra công nhận lại trường trung học đạt chuẩn quốc gia sau thời hạn 5 năm.

1. Trong quá trình theo dõi việc duy trì, giữ vững và phát huy các kết quả đã đạt được sau khi được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với trường trung học cơ sở), Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với trường trung học phổ thông) thực hiện việc kiểm tra định kỳ (1 lần/2,5 năm) đối với các trường trung học đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Nếu xét thấy trường trung học đã được công nhận đạt chuẩn nhưng không giữ vững và phát huy được kết quả thì tham mưu với cấp có thẩm quyền đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi quyết định và Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia.

2. Hết thời hạn 5 năm kể từ khi quyết định và trao Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia, các trường trung học làm các thủ tục đề nghị các cấp quản lý kiểm tra công nhận lại trường trung học đạt chuẩn quốc gia cho nhà trường.

Quy trình kiểm tra công nhận thực hiện theo Điều 12 của qui chế này.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 14. Trách nhiệm của nhà trường

1. Tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, lập kế hoạch phân đầu xây dựng và phát triển nhà trường để đạt các tiêu chuẩn trường trung học đạt chuẩn quốc gia.

2. Tổ chức tự đánh giá và đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn quốc gia nếu xét thấy đảm bảo các tiêu chuẩn theo qui chế này.

3. Duy trì, giữ vững và phát huy các kết quả đã đạt được sau khi được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

Điều 15. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo

1. Tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc lập kế hoạch xây dựng, đầu tư cho các trường trung học trên địa bàn để đạt chuẩn quốc gia.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các trường trung học cơ sở trong việc phân đầu đạt chuẩn quốc gia và duy trì các tiêu chuẩn đã đạt được.

3. Hướng dẫn làm hồ sơ, tiếp nhận, xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và chuyển hồ sơ đề nghị trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia lên Sở Giáo dục và Đào tạo để đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập đoàn kiểm tra công nhận.

4. Tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi quyết định và Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với những trường đã được công nhận đạt chuẩn nhưng không giữ vững và phát huy được kết quả.

5. Hàng năm tiến hành tổng kết, đánh giá phong trào xây dựng trường chuẩn quốc gia ở huyện.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc lập kế hoạch, quy hoạch việc xây dựng trường trung học đạt chuẩn quốc gia.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các trường trung học phổ thông, các phòng Giáo dục và Đào tạo trong việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và duy trì kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

3. Tiếp nhận, xem xét và chuyển hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn quốc gia của các trường trung học phổ thông, của phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện lên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Tham mưu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi quyết định và Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với những trường đã được công nhận đạt chuẩn nhưng không giữ vững và phát huy được kết quả.

5. Tổ chức sơ kết, tổng kết hàng năm về công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia của địa phương và báo cáo kết quả xây dựng trường trung học đạt chuẩn quốc gia trong từng năm học lên Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn về công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia. Ban hành mẫu bằng công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia.

2. Chỉ đạo, kiểm tra các tỉnh, thành phố trong việc xây dựng, đánh giá và công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia.

3. Tổng kết, đánh giá công tác xây dựng trường trung học chuẩn quốc gia trên phạm vi toàn quốc.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký : Nguyễn Vinh Hiển)

Phụ lục 4: DANH MỤC CÔNG TRÌNH TÁC GIẢ

DANH MỤC CÔNG TRÌNH TÁC GIẢ

1. Tạ Quốc Tịch. (2002). *“Một số biện pháp tăng cường công tác quản lý bằng pháp luật của hiệu trưởng trường trung học phổ thông”*. Đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp cơ sở (Học viện Quản lý giáo dục). Mã số: C. 2002 – 53 – 47.
2. Tạ Quốc Tịch. (2005). *“Một số biện pháp nhằm tăng cường pháp chế trong công tác quản lý của người cán bộ quản lý trường tiểu học”*. Đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp cơ sở (Học viện Quản lý giáo dục). Mã số: C. 2005 – 53 – 75.
3. Tạ Quốc Tịch. *“Xây dựng trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá”*. Tạp chí Quản lý giáo dục (Học viện Quản lý giáo dục), số 16. Tháng 9/2010.